



TẠP VĂN
DA NGÂN
Gánh đàn bà



DẠ NGÂN

- Giải thưởng Hội Nhà văn Hà Nội (2005)
- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam (2004, 2006)

Tác phẩm chính:

- Quãng đời ấm áp
(tập truyện, 1986)
- Ngày của một đời
(tiểu thuyết, 1989)
- Con chó và vụ ly hôn
(tập truyện, 1990)
- Côi nhà (tập truyện, 1993)
- Mẹ mèo
(truyện dài thiếu nhi, 1992)
- Dạ Ngân (tập truyện ngắn chọn lọc, 1995)
- Mùa đốt đồng
(tản văn, 2000)
- Nhìn từ phía khác
(tập truyện, 2002)
- Gia đình bé mọn
(tiểu thuyết, 2005)
- Nước nguồn xuôi mãi
(tập truyện ngắn, 2008)

TẬP VĂN

ĐẠ NGÂN

Gánh đàn bà



Nhà xuất bản Thanh Niên

“GÁNH ĐÀN BÀ”

Được xuất bản theo hợp đồng trao quyền sử dụng tác phẩm giữa
Nhà văn Dạ Ngân và công ty Sách Phương Nam

Mọi sao chép, trích dẫn phải có sự đồng ý bằng văn bản của
Công ty TNHH Sách Phương Nam

Đêm Sài Gòn nghe đũa rụng

Mười lăm năm sống ở Hà Nội, năm nào cũng về qua Sài Gòn mấy lần. Cần Thơ chưa có sân bay, không có cách đi nào khác ngoài giải pháp Hà Nội - Sài Gòn - xa cảng miền Tây. Nằm lòng triết lý AQ, thôi thì đặt chân xuống Tân Sơn Nhất hay Hòa Hưng dù mới chỉ được phân nửa nỗi trần ai đường xá nhưng sẽ được đi qua Sài Gòn để nhớ và nghĩ về đủ thứ. Cũng hay! Có lần phải xắn quần lội lùm bùm trong nước cống bên xe miền Tây khi xe trạm trung chuyển An Dương Vương đưa khách ra đây. Có cái Tết bị xe dù bỏ rơi cả ngày trong hốc xa cảng mà không biết kêu ai cho thầu. Sài Gòn mấy chục năm qua giống một cái bến đò trần gian quan trọng. Có bạn bè miền Tây dắt díu nhau lên người sang người chặt

vật nhưng đã làm đậm thêm hồn cốt Sài Gòn. Có người tri kỷ vừa dứt áo ra đi về miền đất hứa. Có Trang Thế Hy từng “đi chỗ khác chơi”, có Sơn Nam đang nằm, có một cồi Trịnh Công Sơn và có cả hương vị ký ức bập bênh - những ngày chờ nhau cọc cạch bằng xe đạp để hàng chục năm kẻ Bắc người Nam tức tưởi như thể trời đây. Sài Gòn không đặc biệt thiêng liêng như Hà Nội nhưng Sài Gòn thân thương và tin cậy trong ý nghĩa tốt đẹp nhất của những từ này.

Không dung mà cái bến đò ấy được chọn làm nơi định cư cuối đời. Tinh thần qui nạp của mọi thành phố đầu não. Đâu có gì phải ngại. Hơn nửa thế kỷ qua Hà Nội đã có khoảng 40 phần trăm cư dân là Thanh - Nghệ Tĩnh, bởi vậy, nếu hạt cát Hậu Giang cộng với hạt cát Hà Tĩnh tìm về Sài Gòn thì chắc không vì thế mà ở đây bị bội nhiễm. Lần này tâm trạng thật khác. Nhập cuộc, hay đứng lại bên lề, hay ngồi trong góc tối? Mười lăm năm Hà Nội nhất định không chịu cho mấy ông chức trách địa phương đóng lên trước cửa căn hộ tám biển “Gia đình văn hóa”. Bù lại, rất được những người cùng phổ quan tâm: “Hôm qua tôi mới thấy chị trên truyền hình”, hay: “Mới có bài người ta viết về anh chị kia, ra mua báo đi kéo hết”, hoặc: “Viết mạnh lắm, viết nữa đi cho chúng tôi có

cái để đọc”. Có nghĩa là dù mình trong diện “gia đình vô văn hóa” nhưng dân tình chung quanh vẫn quý mến như thường! Về mặt này Sài Gòn có vẻ loãng hơn, việc nào người này, hồn nhiên, đơn giản và hiệu quả.

Mua ngay một bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh Giao thông - Du lịch ở góc trái có những từ cập nhật mới làm nhụy trong một vàng dương. Ngồi lên xe máy đi xuyên một lèo từ phía đông xuống phía tây thành phố xem sao. Không gì nhập tâm nhanh bằng một mình một con xe nhún nhặn vừa đi vừa ghi nhớ. Không khỏi so sánh giữa Hà Nội với Sài Gòn. Không phải do thói quen mà do vị trí tự nhiên và lịch sử của cả hai nơi mà sinh ra phản xạ đó. Ví như vì sao Bắc Kinh khác với Thượng Hải, ví như Washington D.C thì khác New York như thế nào, ví như St. Petersburg trong hình dung thì nhất định phải nhiều rêu xanh hơn Moscow... Nhìn kỹ lần này thấy rõ Tân Sơn Nhất chậm hiện đại hóa hơn Nội Bài, thấy mật độ nhà cao ốc thưa hơn ở Hà Nội, thấy xe máy của dân chúng lấm láp hơn xe máy của người thủ đô. Hà Nội là thành phố không dân và ở đó người ta đi lên bằng quyền lực, ngân sách và vô vàn các thứ khác. Có thể như vậy thật. Dù sao đường sá Sài Gòn cũng thoáng hơn, mặt đường còn có tư cách hơn, từng cái nắp cống cũng có vẻ chính

qui hơn và người đi đường cũng ít bon chen hơn. Mấy lần tập vô lễ hỏi đường, may sao, người của thành phố nhiều dân đen này vẫn còn giữ được tiếng thơm là khá tận tình khi được nhờ vả.

Lướt về từng đoạn phố đã thân quen hơn một chút. Thông dong hơn nên nhận ra những tấm biển hiệu bề thế và lộn xộn sao nhiều màu vàng chủ đạo? Màu vàng của vua chúa một thời đồng nghĩa với màu vàng nhược tiểu, màu vàng tính Phật hay đây đích thị là màu vàng dấu ấn của văn hóa bành trướng phương bắc? Đường Điện Biên Phủ nhiều người bán hàng sọt hơn xưa, cho thấy làn sóng nông dân bỏ của chạy lấy người nhưng ra thành thì chắc gì no đủ dễ? Cơ man là những công trình dựng bằng tole để che bụi nhưng không thấy ai thi công gì, nói theo kiểu Hà Nội là “không ai làm gì sất!”. Nghe đâu cả Sài Gòn có khoảng bảy hay tám chục điểm được che chắn kiểu “xí” dự án rồi “đi chỗ khác chơi” như vậy. Đường Nguyễn Kiệm trước hẻm của nhà văn Nhật Tuấn có một công trình che chắn “một cách tàn bạo luôn” - ngôn ngữ của “nạn nhân” Nhật Tuấn, tức là từng chiếc xe máy một phải nhích đi trong sự bức bối lưu cữu. Và rác, y như Hà Nội, nhìn đâu cũng lẩn chiếm vỉa hè cũng bán buôn và xả rác. Có câu “Hãy chỉ cho tôi bạn anh là ai, tôi sẽ nói anh

là người như thế nào”. Tương tự, “Hãy cho tôi thấy cách anh hành xử với cọng rác, tôi sẽ cho anh biết dân tộc anh thuộc đẳng cấp nào”.

Khu cư xá này một thời là niềm tự hào về cuộc sống chung cư của những người yêu Sài Gòn. Những dãy nhà bê thế do người Đức làm chủ thầu, những khu đất dành cho lá phổi ngăn nắp, đủ tính khoa học cho con người sống và thư giãn. Những cây me cây gòn còn sống sót sau biến dẫu thời thế xanh xanh lá ngọc mà vẫn không gây ra nhiều rác làm nghẹt cống rãnh. Sau 1975, một cuộc Nam tiến ồ ạt diễn ra, những “chuồng sắt” của thói quen thời bao cấp ở Bắc đã biến bộ mặt khu chung cư nham nhở nặng. Trong thời gian hóa giá nhà, nhiều người đã tự nguyện dỡ bỏ những thứ đó để lấy được giấy chủ quyền và cảnh sát môi trường cũng đã bắt họ trả lại về nguyên vẹn cho những khuôn viên lá phổi xưa. Những đồng xà bàn không ai thu dọn, cây rau cây kiểng con chó con gà lẫn lộn dưới tán me tán gòn đường bệ chứng nhân. Một mạng nhện các thứ dây điện lằng ngoằng như một tấm lưới trên đầu, cộng với tiếng chó sủa, tiếng karaoke thần nhiên xả giàn, cộng với mùi rác rến và cống rãnh của một xã hội mặc ai nấy sống khiến phải choáng váng, đúng là bị choáng không biết bao giờ mới có thẳng bằng.

Nhân sơn sửa nhà, bỏ thêm một ít tiền lát sạch chân cầu thang cho cư dân đỡ khổ. Lắp cho cộng đồng một bóng đèn bù vào chỗ đèn cao áp bị bể mà mấy ông đô thị cố tình quên luôn từ lâu. Đêm nằm vẫn thức thòm, mình có “nhập cuộc” sốt sáng quá không hay chỉ được ít lâu rồi sẽ mắc bệnh “*makeno*” (mắc kệ nó) như nhiều người? Vẫn thấy có cái gì đó bất an, thành phố quá nhiều dân đen, mặt mũi người nào cũng buồn vô định trong thời lạm phát phi mã. Lại nữa, thỉnh thoảng mấy cây dừa trong công viên cứ thả trái thình thịch, nghe không để nhớ quê nhớ vườn hương hỏa mà nhớ đến nguy hiểm cho bao người, cho trẻ nhỏ lại qua. Những cây dừa đã có mặt cùng với thời chuồng sắt một cách quái gở, việc ấy cũng đáng tiếc ngang bằng với việc người ta đã khiến cho Sài Gòn tình lẻ và xập xệ đi nhiều.

Độc điễn

Sài Gòn mùa mưa nên chiều nào cũng mưa. Nguyễn Huy Thiệp gọi đây là thứ mưa hẹn giờ. Mưa kèm theo một ít giông cho thấy trời đất cũng biết nổi giông chứ không hoàn toàn hiền lành như người ở nơi khác vẫn nghĩ. Mưa nhanh và tạnh cũng nhanh mà đã tạnh thì ráo hẳn. Y như tính cách con người.

Rất hợp cho nhu cầu thưởng lãm phòng trà khi đêm xuống. Đường phố duỗi ra nhẹ nhàng và vỉa hè tươi lại, vì vậy người ta hay muốn một chỗ nào đó ngoài căn hộ của mình. Phòng trà được chọn có những viên gạch giả rêu, vòm cửa thấp kiểu cửa ngách đền đình, đèn lồng kiểu Pháp và sân khấu nhỏ kiểu ban công có hình ảnh trông đồng. Tiếng ghi-ta gõ nhanh chóng đưa người ta vào thế

giới cách biệt với bên ngoài. Ấu cũng một kiểu sinh nhai nhưng họ biết dùng tao nhĩa cho những người ưa thích tao nhĩa.

Ca sĩ độc diễn với ghi-ta cũng chính là người nghĩ ra kiểu phòng trà Hà Nội cổ này. Tóc xoăn dày, gương mặt và thể trạng của rock, nước da màu đồng và chiếc cần cổ khoẻ khoẻ của Y Moan. Từ chiếc ghế có lưng dựa trên sân khấu ban công, ca sĩ ôm đàn, những bài hát theo yêu cầu được chuyển từ khách lên, không ngừng không nghỉ. Trịnh Công Sơn, Phú Quang cùng những tác giả thích hợp với đàn ghi-ta và tâm trạng hát rong một mình. Cứ thế, âm nhạc đập dềnh, như dòng sông nhỏ trôi mãi trôi mãi những nỗi niềm, những phận người, những khát vọng, những trải nghiệm, những buồn vui.

Muốn nghĩ về nhiều thứ nhưng sự vất vả của người ca sĩ độc diễn cứ khiến phải quẩn quanh mỗi một điều. Những ngón tay không được phép chai. Sợi thanh quản chắc chắn không được phản thùng. Trái tim không được sạn sỏi. Cho dù khách có xao lãng hay ồn ào thì sự chán ngán của người hát nhất thiết không được lộ ra. Phục vụ, biểu diễn, cống hiến hay nghiệp chương hay thuần túy manh áo bát cơm? Những ly nước lọc liên tục được tiếp thêm, các cô phục vụ liên tục đi vòng quanh các bàn ghi

chép những ca khúc phải được hát theo yêu cầu. Càng nghe càng thấy xa rời nhu cầu thưởng thức mà như bị cuốn đi, trong nỗi buồn nhân sinh kiếp nạn.

Nhớ lại những cảm giác không giống ai khi ngồi trước màn hình tivi có chương trình bóng đá. Những chàng trai trong lứa tuổi tươi đẹp nhất và những tư thế xông pha cảm động nhất. Rồi những cú ngã, những cú liều thân và cả những lần hứng chịu trò chơi hiểm chơi ác của đối phương. Không người mẹ nào chịu nổi những cảnh đó nếu nạn nhân là con trai mình. Nhưng đâu chỉ là tâm trạng của riêng bà mẹ liền nhau liền rón với đứa con kia. Mỗi người phụ nữ là một bà mẹ, sự trải nghiệm giống hệt nhau của phân nửa nhân loại, dù người đó nghèo đến nỗi phải đi rớt ngoài đồng hay giàu sang như siêu sao Hollywood thì cũng nổi trần ai ột ệt cuu mang và cũng cảnh banh đa xẻ thịt để có một đứa con trên đời. Không loài vật nào yếu ớt như loài người, vì vậy để có một chàng trai xinh tươi và tài giỏi trên sân cỏ, chắc chắn phía sau anh ta phải là một bà mẹ công xá tuyệt vời.

Nhớ những khi ở sau lưng mình trong những đêm lơ mọ thức khuya là dáng nằm buồn rầu của má. Con theo đuổi nghiệp con, má không hiểu gì và má đau lòng vì điều đó. Má nhìn con cặm cụi bên bàn viết, má vật mình thờ

dài, sáng ra má ngồi bó gối chặc lưỡi hít hà “Chết, chết, làm nghề gì moi tim moi óc chết sớm có ngày con ơi!”. Má ra chợ tìm mua những thứ ngày xưa con thích, má vô bếp lội đui nấu nướng, má nói để má bóp vai cho kéo đờ cái cổ có ngày! Cùng lắm một tuần là má đã tháo chạy về quê, chừng như má không chịu nổi những điều con phải chia sẻ bằng trang giấy. Hình như không phải như vậy. Chắc chắn má không chịu nổi cảnh đêm đêm mình được ngủ mà con gái mình phải thức để “moi tim moi óc ra ăn”.

Người ca sĩ đêm đêm một mình một chiều ôm khát vọng độc chiêu kia có còn bà mẹ để lo nghĩ cho không? Có khi nào bà ngồi suốt một buổi để nhìn con ôm đàn phụng sự thiên hạ không? Chắc chắn ở bà sẽ có rất nhiều những khoảnh khắc lẫn lộn. Tự hào, tin yêu, lo lắng, xót xa và nghĩ ngợi. Chắc chắn bà sẽ như má của mình khi nghĩ về cái duyên nghiệp của con. Danh vọng ư, tiền bạc ư, lưu danh ư, không, chắc chắn bà không chỉ thấy có như vậy. Bà sẽ mang theo trong tâm tư của mình những giọt mồ hôi, những giờ khổ luyện và cả những đau khổ của vinh quang và thất bại của con. Cho đến khi xuống mồ, bà cũng sẽ mang theo nguyên vẹn nỗi niềm của một bà mẹ yêu con nhưng không hiểu sao nó lại chọn con đường gian nan như vậy để làm một con người.

Đã khuya. Người ca sĩ vẫn ôm đàn hát cho bằng hết những bài trong những mẫu giấy mà người yêu cầu đã bỏ ra về. Cảm giác nặng trĩu càng đeo bám riết khi đám người hồ lớn ở bàn bên vẫn mãi chuyện làm ăn và tán tỉnh. Cái gã mũ lưỡi trai đội ngược kiểu dân hip-hop kia cứ xung xung với cô gái đối diện “Anh tên Khoái, nhớ là anh tên Khoái nghe!”. “Thiệt hôn, anh tên Khoái thiệt hôn?”. Những cái bắt tay lặp đi lặp lại và những tràng cười khiếm nhã. Sao lại có những gã đi lộn địa chỉ như vậy đêm nay? Thấy buồn, buồn hoài trong khi tiếng ghi-ta vẫn kiên nhẫn mưu sinh và dâng hiến.

Trường Sa, giọt dầu và biển cả

Năm ngoái, cũng đúng những ngày báo Tết âm lịch sắp lên khuôn như lúc này, một người khách bước vào chỗ làm việc của Ban Văn, tuần báo Văn nghệ. Tay xách một gói nặng, người thanh niên ấy tự xưng là Nam Hải, phóng viên báo Nông thôn ngày nay sắp đi Trường Sa và theo lệnh của tổng biên tập Mai Nhung, cậu mang tới 50 cuốn “Tân mạn hồn quê” cho tôi ký tặng. Số là mấy năm qua tôi giữ chuyên mục Tân mạn hồn quê hàng tuần cho báo Nông thôn ngày nay, NXB Phụ Nữ vừa in lại thành tập gồm 100 bài và tòa báo đã mua sách để làm quà cho lính đảo. Đúng là một sáng kiến đầy tính nữ của một Tổng biên tập nữ. Thật vinh dự cho tôi, ít ra là tôi cũng cảm thấy như vậy trong thời khắc đó dù cuốn sách thuộc

loại dễ đọc, nó là một thể loại tản văn thịnh hành và tôi luôn cố làm cho những bài viết của mình hồn hậu, bình dị, nhẹ nhàng hợp với ý niệm hồn quê do tòa báo đặt ra.

Ngoài trời mưa nhẹ nhưng rét đậm, không khí bởi bởi để nhớ để thương những người đang phải ở rất xa đất liền. Nghe đâu những ngày này ở ngoài đó sắp hết mưa, giữa một biển nước mà lính đảo phải viết lên thùng “nước là máu” thì gian nan thời Trường Sa chắc đã thấm gì! Buổi chiều cơ quan báo Văn nghệ thường vắng vẻ, 50 cuốn sách trên bàn, cậu phóng viên đang sốt ruột mà tôi lại bồn chồn rưng rưng. Tôi đưa cho Nam Hải tờ báo để câu giờ và chăm chút viết từng dòng riêng cho từng cuốn sách. Tôi không đủ gan như nhà thơ Đỗ Bạch Mai cùng cơ quan - người đã đi một chuyến Trường Sa nhiều năm trước - bởi tôi mù bơi, tôi sợ nước và sợ cả bệnh say sóng của mình nhưng cũng như mọi người Việt Nam đang ở khắp mọi nơi trên thế giới, tôi luôn thấy có Trường Sa ở trong lòng. Biển cả, mịt mù, sóng gió, đương đầu, máu xương... hình như chỉ có ở Trường Sa thì mới có đủ những điều khắc nghiệt ấy so với những nơi cùng thân phận hải đảo của cương thổ quốc gia. Hoàng Sa và Trường Sa đã vang lên trong chúng tôi dư âm mát mát ngay sau năm 1975, lúc đó không ít người đã cắn răng nghĩ, rằng lẽ nào các

nước nhỏ cứ mãi là con tốt trên bàn cờ của các nước lớn? Vậy thì nước nhỏ phải tự mạnh lên nhưng mạnh không thì đã đủ chưa, hay phải cậy vào ơn trời để thế giới mau chóng đại đồng cá lớn thôi nuốt cá bé?

Quả là Hoàng Sa và Trường Sa không lúc nào yên trong tình cảm người Việt. Tôi băn khoăn với từng chữ từng câu sao cho nó nặng hơn những điều đã có trong sách. Không khí yên tĩnh trang trọng suốt mấy giờ đồng hồ để tôi nghĩ đủ 50 câu đề tặng khác nhau. Cầu chúc, trao gửi, tin yêu, giải bày, mong mỏi, ký thác... Sau chuyến ấy Nam Hải viết bài nói rằng món sách được vò vập nhứt và nước mắt đã rơi cùng với nụ cười khi lính đảo áp những quyển sách lỗ bị sóng đánh ướt sũng vào ngực. Một kỷ niệm lớn, một buổi chiều đặc biệt trong đời tôi và tôi đã cẩn trọng đúng. Nếu hôm ấy tôi vội vàng và đại khái, chắc chắn món quà đã không xứng đáng như tôi được biết từ bài báo của phóng viên Nam Hải.

Tôi nhớ lần đầu tiên mình ngắm biển một cách ngậm ngùi chứ không háo hức là khi ngồi trực thăng ra giàn khoan dầu khí. Đã gần 10 năm khi tôi ngồi viết những dòng này. Xe buýt chở ra nhà ga, phòng chờ đậm không khí văn minh công nghiệp, những chiếc ghế và những người cắm cúi đọc sách trước khi lên máy bay, tiếng ồn

của trực thăng và sự ít nói của những người cùng một mối lo khi bắt đầu nhóm chân khỏi mặt đất. Dân đi giàn đổi nhau nửa tháng một ca, nói theo cách nói của cánh trên bờ là “đi làm bằng máy bay sướng cha thiên hạ còn gì”. Nhưng hãy thử đi một lần rồi sẽ biết. Ngành dầu khí kén người vào loại số một. Bằng cấp, kỹ năng, trí năng và cả thể lực. Ngồi vào ghế của máy bay trực thăng và đeo cáp chống ồn lên là không ai bảo ai, hầu hết dân đi ca đều tranh thủ chợp mắt để khi đặt chân xuống giàn đã phải vào vị trí ngay, phần sách văn học đọc dở ban nãy sẽ được giải quyết vào những đêm không ngủ giữa tiếng ồn và biển khơi. Từ dưới cánh máy bay là vùng biển Vũng Tàu nước tiếng nhưng ở chếch phía xa trên Nha Trang còn lộng lẫy hơn. Non sông đúng là thanh bình gấm vóc. Thế nhưng càng ra khơi xa, tâm trạng bất an càng lớn. “Không có đất liền thì con người cũng không có gì cả”, đó là câu cửa miệng của dân đi giàn mà tôi bắt đầu thấy thấm thía khi nhìn từ trên cao xuống. Đại dương xanh hút lạ lùng, màu xanh thách đố và vĩnh cửu. “Trời thì xanh như rút ruột mà xanh”, một câu thơ tài của Thi Hoàng bật lên âm thầm và không khỏi liên tưởng đến ruột gan biển cả đang mang trong lòng nó biết bao bí ẩn và cuồng nộ.

Nhắm mắt lại để hình dung thêm lục địa của đất nước may mắn có tới hơn 3000km bờ biển uốn lượn duyên dáng, hữu tình. Hỏi người kỹ sư ngồi cạnh rằng từ giàn khoan có thể nhìn thấy một chấm đảo nào của Trường Sa không, người đó lắc đầu bảo “Giàn mình đang ra ở vùng mở Bạch Hổ gần nhất, Đại Hùng còn xa nữa mà Trường Sa thì tít mù xa, trực thăng không ra nổi”. Biển mà chúng ta từng ưa thích là thứ biển chỉ đủ sóng để tung tăng, ra xa chút nữa là thứ biển xanh thẳm hấp dẫn yên bình nhưng biển của dầu khí và biển của Trường Sa thì sóng gió bao phủ không biết đường nào mà lần. Máy bay hạ cánh trên chiếc giàn cách bờ 6 hải lý, những người con của tâm lý lúa nước và rau muống lật đật ra khỏi cầu thang máy bay để chui vào chiếc giàn khoan có khu làm việc khép kín 24/24. Lại chạnh nhớ những người cùng gốc gác như mình, tức những người cũng ngại biển, cũng kém bơi, cũng lảng chảng thêm nhớ đất liền đang ở một nơi mà trực thăng không ra nổi. Họ còn không có một khu nhà mái lợp 24/24 để chui vào, thậm chí phải bó chân trên chòi canh quanh năm trên đảo chìm mà nếu kẻ thù có vây thì đành ôm nhau chết khát. Cũng có lúc bước ra giàn đi xuống chân đế lúc trời êm biển lặng để thấy lũ cá đẹp như cá trong bể kính hoặc ngồi trên nóc giàn vào lúc trăng lên

để đổ nhau xem Trường Sa ở hướng nào và có thể ứng với chòm sao nào nếu chiếu thẳng từ trời xuống lúc những đêm trăng sao vắng vặc như vậy.

Nếu chưa đi giàn thì chỉ biết một xẻng than được moi lên từ lòng đất có cả mồ hôi và nước mắt dân thợ. Mồ hôi và mạng sống thì đúng hơn. Nhớ lần mang ủng vào chân và cài đèn bình vào trán để đi xuống hầm lò ở Quảng Ninh. Mấy trăm bậc thang hun hút như đang chui xuống âm ti, người thợ phải đi hai cây số xuống và hai cây số lên mỗi lần đi ca như vậy nhưng người ta còn phải xếp hàng ngoài mỏ để được vào làm thợ hầm lò đấy. Vòng vèo, ngột ngạt, cuối đường hầm là đôi mắt trắng dã của một người thợ trẻ đang cào từng xẻng than dưới cái trần cây cắm chéo như trần nóc công sự ngày trước. Chợt nghĩ một túi nước ở đâu đó trong từng mạch vữa có thể bực ra bất thần và thể là... Người thợ trẻ giục: “Cô quay lại đi cô, đừng ở đây lâu”. Nhớ mãi nhớ mãi ánh mắt và hàm răng của người thợ trên gương mặt nhem than và tâm trạng sợ chết của mình lúc ngồi dưới cái trần tạm bợ ấy. Nửa tháng sống ở giàn đủ mang theo bệnh viêm mũi mà dân dầu khí gọi là “bệnh giàn khoan”, đủ thấy tận mắt vốc dầu thô là như thế nào và cũng đủ nghiền ngẫm rằng thêm rằng một vốc than và một vốc dầu thô thì có lẽ vốc dầu nhiều gian nguy

hơn dù điều kiện khai thác như là hiện đại hơn. Một giọt dầu là một giọt mồ hôi và nó đã từng có cả những giọt máu của những chàng trai đang phải canh giữ tài nguyên dưới lòng cát biển sâu cho muôn đời con cháu.

Càng ngày càng thấy trong lý lịch của mình đáng lẽ phải khai là mù bơi để nổi xầu hổ này được công khai hóa đi. Là dân miền Tây sông nước mà mù bơi thì đáng xầu hổ quá chứ gì. Mù bơi đến mức hồi chiến tranh không sợ bom đạn bằng sợ vượt sông vì nếu vượt sông mình có thể làm vướng đồng đội và có thể cả đám sẽ chết chùm, trong đó mình là kẻ bị chết đuối trước tiên. Lại nhớ một lần xuống tàu đồ, không thấy nóc tàu có áo phao, hỏi chủ tàu sao nhà tàu không lo áo phao, chủ tàu cười khẩy trả lời và mình đã tức tối quay lên tìm đi chiếc tàu đồ khác. Về quê thấy cô cháu họ mua ghe máy đi chở lúa mướn mà không chuẩn bị bất cứ thứ phao nào để mang theo. Nói: “Để đi mua tặng cho vợ chồng con hai cái áo phao ghen”, trả lời “Đừng mua, đừng mua, mua áo đem theo xui lắm dì ơi!”. Đành chịu thua, đã mù bơi mà còn sợ đem áo phao sẽ mang điềm gở đi theo thì xem ra thật phí cái vùng đất sông ngòi như mao mạch và có biển đông lẫn biển tây vây bọc nữa.

Nhiều lần đứng trong sân trường đại học và không khỏi chạnh lòng khi thấy nam sinh viên nước mình nhỏ thó vai so cổ rụt quá. Không hiểu sao thể lực đàn ông con trai bây giờ lại thua kém cha ông xưa dù cá biệt có một số người có thể nặng cân hơn. Cuộc sống công nghiệp chẳng, hậu quả chiến tranh ròn rã chẳng, bất hạnh của thời đói ăn đói sữa chẳng? Hay đây là dấu hiệu tha hóa chung của loài người trong quá trình hỗn loạn sinh sôi và tàn sát thiên nhiên? Không khỏi hình dung những người lính oai hùng xưa trên mình ngựa, nếu họ cũng xanh éo và mảnh dẻ như đa số thanh niên ta ngày nay thì liệu có còn quốc gia và xã tắc không? Hình như chúng ta đã không có chiến lược kỹ cho thể lực của người Việt. Được biết ở các nước văn minh, trong lý lịch trích ngang của từng người hay có khoản: Xin cho biết môn thể dục mà bạn theo đuổi. Học sinh tiểu học ở ta chỉ có mấy phút thể dục hươ tay hươ chân qua loa trên sân trường, hoàn toàn không có môn bơi trong giáo trình của một đất nước có hơn 3000km bờ biển và vô số sông ngòi chằng chịt. Rồi những cô cậu bé tí ấy lên cấp II, lại thể dục qua loa và chỉ có lao động lấy thành tích chứ cũng không có những môn thể dục ưa thích cho mỗi người. Những cô cậu cấp III cũng y xì như vậy, hình như lúc này lại nhiều giáo dục

công dân và nhiều giờ chính trị hơn. Đầu vào cho các trường đại học là những con người như vậy và đầu vào quân đội cũng là những con dân nặng nhọc do chán học và ít rèn luyện như vậy.

Thiết nghĩ, thế kỷ hai mươi mốt là thế kỷ của những cuộc chiến từ những giếng dầu. Nhân loại đông nghẹt, trái đất chật ních, con người tham lam, tâm lý tiêu dùng phổ biến nhưng vẫn còn chưa muộn nếu chúng ta có chiến lược khẩn trương để con người Việt Nam có thể đối mặt can cường hơn với biển cả. Nơi đó là thềm của lục địa, là tiềm năng tài nguyên và điều này thì không chỉ lính đảo Trường Sa của chúng ta biết rõ, rằng biển cả là biên thù của cương thổ, là sứ mệnh lịch sử đã lưu truyền, là thách thức mỗi ngày mà chúng ta phải chinh phục để gìn giữ. Có lẽ đây là cái Tết đặc biệt để cả nước đồng lòng nghĩ về Trường Sa và cũng là để chúng ta cùng thấm thía câu “rừng vàng biển bạc” của cha ông. Vàng, rừng vàng biển bạc là sự sống, là sự sống còn của một quốc gia đang có rừng và biển chứ không chỉ là ý nghĩa bề nổi đơn thuần như chúng ta hằng nghĩ.

Nhớ mạ

Hồi ấy cánh đồng còn nguyên vẹn lắm. Đất rộng người thưa, mọi thứ bên nhau hiền hòa, yên ổn. Chỉ ít cô bé cũng cất giữ được điều đó trong một góc ký ức của mình. Bấy nhiêu cũng thấy dấu sao mình vẫn còn may mắn hơn nhiều người khác.

Khi đã thạo đi là có thể nhìn thấy màu xanh ấy ở hậu vườn. Những đám cỏ bằng ngấn ngắt mà người lớn bảo là mạ. Mạ nghĩa là gì? Người lớn bật cười, con nhỏ cái gì cũng hỏi, mạ là tên như nước, như gạo, như lửa, không có nghĩa gì khác ngoài ý nghĩa thiết thân với cơm áo của con người. Mạ thật đáng ngạc nhiên ở màu xanh. Khi ấy cô bé chỉ thấy nó thật đồng loạt và kỳ lạ so với các thứ cỏ cây chung quanh, chỉ có vậy thôi. Thế nhưng càng lớn, màu

xanh ấy càng đặc biệt và thiêng liêng. Bởi vì cô bắt đầu cảm nhận được từ bên trong sự sống của chính mình.

Nguyễn Du viết “Cỏ non xanh tận chân trời”, cô nữ sinh lại thấy chỉ có mạ non mới làm cho chân trời xanh rợn lên như vậy. Màu mạ trùng với ước mơ khi thiếu nữ bắt đầu biết gửi mắt về phía xa xăm. Nó dẫn dắt những ý nghĩ háo hức. Tưởng như không có gì tươi đẹp hơn. Một màu xanh náo nức, tin cậy và nhiều hứa hẹn, giá trị hơn tất cả những lời hứa hẹn trên đời. Những buổi mai sương giăng hay những buổi chiều có tiếng nhóc nhen đi kèm, chúng luôn là những hình ảnh bằng an không thể phai mờ.

Bước chân càng ngày càng xa và đôi mắt càng già đi thì con người cũng được ngắm nghía nhiều hơn. Thiên lý cho thấy những cánh đồng cao lương vạm vỡ nhưng không đưa lại một sự liên hệ thiết thân nào với con dân lúa nước. Những cánh đồng nho quy củ như tranh vẽ cho sự thán phục trầm trồ, nhưng không gây bất ngờ hay một rung động máu thịt nào. Những cánh đồng thốt nốt thì gọi buồn chứ không cho vui. Bỗng dưng một triền mạ lúa nương của người Lào hiện ra trước mắt, chao oi, lòng thấy bồi hồi như vừa nghe thấy hơi thở của quê nhà sát bên. Trong nhiều thứ mà mỗi con người mang theo bên

mình, những gì thuộc về tuổi thơ bao giờ cũng được cất giữ một cách kiên cố nhất.

Mùa đông năm ngoái miền Bắc rét thê thảm. Cây mạ lớn lên cùng lúc với thời điểm mọi người du xuân lễ lạt cầu tài cầu lộc đầu năm. Lần đầu tiên nhìn thấy những con trâu quần chăn len và những đám mạ được quây ấm. “Cua ngoi lên bờ mẹ em xuống cấy”, một câu thơ ám ảnh về ngày hè nhưng hình như chưa có câu nào đủ hay cho cảnh người phụ nữ sục chân xuống bùn trong những ngày nguy khốn đó. Chân người nhúng xuống thì cũng có lúc được rút lên để ủ ấm trong tất trong chăn, cây mạ thì suốt ngày suốt đêm trong giá buốt, cây mạ mong manh nhưng lại mang trong nó sức nặng của đói và no và hơn thế nữa. Nếu hà hơi để cho mạ xanh lên được chắc con người cũng thay nhau sục chân trong bùn để hà hơi cho mạ. Người nông dân bất lực khóc điếng trong lòng. Chưa bao giờ con dân lúa nước lại khao khát màu xanh cây mạ như những ngày đó.

Những cánh đồng bờ xôi ruộng mật ven quốc lộ và tỉnh lộ bây giờ hay được nhuộm xanh bằng thứ màu xanh không của lá mạ. Chúng xanh hùng dũng, ngạo mạn đến mức gần như giả tạo. Đó là màu xanh hãnh hờ nhờ nước ngầm, nhờ phân bón, nhờ thuốc diệt côn trùng. Đó là

màu xanh của xã hội ăn chơi, mười héc-ta đất chỉ để phục vụ một nhóm người, hạ dân không được bén mảng đến. Không hiểu vì sao đất của mạ lại dễ dàng biến thành đất của cỏ golf, dễ dàng đến mức ai cũng nghi ngờ sao người ta vẫn cần gạo và cơm mà lại nhục mạ đất đai như vậy?

Dám chắc ai người không cần hạt gạo mỗi ngày cũng biết cảm xúc trước những ruộng mạ bên những thửa đất đã cày vỡ chờ ngày cấy rẻ. Giả sử có cuộc thi hoa hậu màu xanh cho cây và cỏ, chắc chắn cây mạ sẽ chiếm ngôi đầu bảng. Không tin bạn hãy cùng cô bé ngày xưa nhắm mắt lại để hình dung xem, mạ đó, có phải bạn đã nhìn thấy một màu xanh kỳ diệu, thanh bình và vĩnh cửu không?

Ngâu và Mẹ

Chưa bao giờ ta thấy má mình là trẻ. Không phải má không có tuổi trẻ mà bởi vì ta không nhìn thấy má trẻ. Má và ta một khoảng cách tuổi tác cố định, không suy suyển, không tạm thời, không mất đi ý nghĩa thiêng liêng. Vì sao như vậy? Có thể vì khi mở mắt chào đón cuộc đời, người đầu tiên ta nhìn thấy là gương mặt ưu tư đích thực đàn bà của má. Cũng có thể vì sau đó khi ta còn vô tư trường học thì má luôn là một tấm gương trường đời. Lại cũng có thể trong tâm tưởng ta không có ai gần gũi bằng má, giản dị mệnh mệnh, như làng quê, như ruộng đồng, như đất nước. Má là nơi để lũ con gái tìm về dù có lúc chỉ được hành hương bằng ý nghĩ còn những đứa con trai khi đã thăm thía hôn nhân đều để nhận ra một chân lý gần như là nghịch lý, rằng vợ thì bất kỳ nhưng mẹ chỉ có một.

Không gì phức tạp bằng tâm lý con người. Cho dù ta không nhìn thấy má mình là trẻ nhưng cũng không biết từ lúc nào, ta thấy mình giỏi giang, hiểu biết hay thông thạo hơn má. Ta không có lỗi. Vì trong khi ta đi trường học thì má phải lằm lũi trường đời, ta được nuôi dưỡng bằng ước mơ của chính má “Con hơn cha nhà có phúc”, ta được song hành với văn minh và tiến bộ trong khi má vẫn phải ở lại chịu đựng mọi thứ an bài. Sự thực thì ta cũng hơn má về mọi phương diện vì mắt má nói với ta như vậy, sự tin yêu kỳ thác kỳ vọng của má cho ta giá trị đó. Chính vì vậy mà không ít lần đứa con lớn tiếng với má việc này việc kia mỗi khi đụng chạm đến những thứ thuộc về kỹ năng của cuộc sống đã khác xưa nhiều. Má không chấp, má không để bụng, má thấu hiểu hơn ta tưởng bởi vì má vẫn âm thầm cố gắng để tiếp cận và thích nghi với cái bậc thềm mà đám con đang khiến má phải ngược lên.

Chị, người con gái hồi nào của má cũng đã bắt đầu thời điểm tụt hậu của người mẹ với những đứa con của mình. Trong những buổi tâm tình giữa chị và con gái, chị cũng nghe nó nói lên cảm nhận về khoảng cách cố định và thiêng liêng của hai mẹ con. Y như chị đã từng cảm nhận sự không đối xứng với má của mình, bà ngoại của

nó. Nhưng chị cũng thường xuyên bị nó gắt gỏng sao mẹ không thạo xe máy, sao mẹ không nhanh chân với cầu thang cuốn trong siêu thị, sao mẹ không rành hết mấy chục kênh của truyền hình cáp... Và nó kêu mẹ giống ngoại quá trời, giống ở chỗ hay hà tiện, hay hỏi giá các thứ nó khuan về, hay chứa đồ ăn cũ trong tủ lạnh. Vân vân và vân vân. Chị đã hết sức cố gắng nhưng vẫn có cảm giác chậm chân với thế hệ của con mình. Chị âm thầm cay đắng và kiên nhẫn nhưng vẫn không làm hài lòng con cái. Càng lúc chị càng nhớ má, càng thiếu vắng má, nỗi nhớ càng nhiều ngấm ngùi. Có nhớ thương, có hàm ơn và có không ít ân hận vì mình đã luôn lơ lờ vì má không thể sánh kịp với thời đại chị đang sống.

Rồi chị nhìn thấy con gái mình trong vai trò người mẹ với những đứa con ngày càng khôn lớn của nó. Trách nhiệm xem ra còn nhiều nan giải hơn thời của chị nữa chứ. Cô con say mê nữ công gia chánh đã phải thờ dãi cười trừ nhiều lần khi đứa con của nó kêu sao mẹ không giỏi tiếng Anh, sao mẹ không rành vi tính, sao mẹ không biết lái ô tô. Chắc chắn sẽ có ngày đứa con ấy thốt lên rằng con chưa bao giờ thấy mẹ trẻ, mẹ luôn luôn già trong mắt con. Và cũng chắc chắn một ngày nào đó nó sẽ cao giọng hoặc sẽ khéo nói xa gần rằng sao mẹ không

biết nghe hip-hop, sao mẹ thích nghe phim thuyết minh chứ không chịu xem phim phụ đề, sao mẹ không lưu loát tiếng Anh để con đưa bạn bè nước ngoài về nhà? Vân vân và vân vân.

Người ta nói cuộc sống đang đi lên mỗi ngày. Nếu nhân loại vô tư nghĩ như thế này là đi lên thì quả thật nhân loại đang tiến vũ bão về phía văn minh đấy. Ai chạy cứ chạy, chỉ có các bà mẹ thì chậm rãi theo sau con mình, không ai có thể ngang bằng với chúng được. Vì đó là quy luật. Dù vậy, thế hệ bà mẹ nào cũng âm thầm theo sau để không quá xa cách với con cái của mình. Sự gắng gỏi lặng thầm ấy không phải đứa con nào cũng nhìn ra và ghi nhận. Cũng chính vì vậy mà bất kỳ đứa con nào cũng có nỗi ray rứt khi mẹ đã già, đã khuất. Giá như ta không lần nào khinh suất, giá như...

Chắc không phải tự nhiên mà Ngâu với Vu lan về cùng một lúc. Ai nhớ người thương khi Ngâu vào, ta già ta nhớ mẹ nhiều hơn khi chiều nào trời cũng sùi sụt mưa. Bởi vì đến lúc nào đó, một cơn cố tự nhiên của đất trời cũng khiến ta thấm thía nỗi đau không còn mẹ trên đời. Và cũng bởi vì con gái ta đang đẩy ta đứng vào cái vị thế của mẹ ta xưa khi nó có những đứa con bắt đầu thăm soi mẹ mình, rằng sao con chưa bao giờ thấy mẹ trẻ mà mẹ lại

không hiện đại như cái thời của chúng con? Máy thế hệ, một thiên chúc và những vòng tròn giống hệt nhau làm nên bi kịch có tên là Người Mẹ. Phải, làm mẹ hạnh phúc lắm thay nhưng cũng không ít nỗi niềm và cay đắng.

Khoảng trống kỳ nhân

Đáng lẽ phải đến đúng 10 giờ như Ban tang lễ phát tang. Mấy năm không được gặp ông, giờ lần gặp cuối cùng thì ông đã ở trong quan tài. Rất muốn đi sớm hơn vì thích những công việc tất bật của người nhà và cả của những người có trách nhiệm với tang lễ. Thuần túy quan sát, thế thôi. Định vậy nhưng cứ bị níu chân. Chủ nhà ở tầng dưới của chung cư chạy lên nhờ: “Cô ở nhà giúp để thợ hồ của cháu quá bộ vô sửa lại cái mái ban công. Mai chính Rằm rồi, phải tươm tất để tụi cháu còn cúng bái cầu xin ông bà tổ tiên với cô hồn phù hộ cho nữa”. Một lý do cực kỳ chính đáng. Hỏi cháu có biết nhà văn Sơn Nam không, mười giờ sáng nay cô phải đi viếng ông, không chậm trễ được. Đại diện của dân chúng cần lao lắc

đầu. Rồi thấy vẻ thất vọng trầm trọng của người hỏi, cô ta chống chế: “Cháu có nghe loáng thoáng”.

Một người gần gũi với với cư dân Sài Gòn như Sơn Nam mà không thật được nhiều người biết đến sao? Người bình dân họ bận bịu hay họ vốn dĩ bạc bẽo? Văn chương thơ phú mà làm gì hờ trời! Cuối cùng vẫn đến được nhưng đã chậm hơn giờ phát tang mấy phút. Từ Nhà Tang lễ đi ra, dừng lại với những người ngồi phát phiếu gửi xe: “Các chú em có biết nhà văn Sơn Nam lớn cỡ nào không?” Lại được thấy ngập ngừng: “Tụi em chỉ biết ông là nhà văn thôi”. Hừ, nhà văn thì hàng tá, nhà văn hội viên nữa thì đông như kiến cỏ, lạm phát danh hiệu lạm phát đội ngũ lạm phát thành tựu, trách sao dân chúng thờ ơ. Hay tại cái ông lão Sơn Nam này không giải thưởng nọ kia của nhà nước? Như Trịnh Công Sơn, như Bùi Giáng, như Trang Thế Hy...? Chuyện khiến phải chạnh nhớ mấy bà đại diện giới bình dân ở chung cư X của Hà Nội. Mấy chục năm đi về với nhau một cầu thang mà họ thực sự không biết người đàn ông làm lúi cô độc kia là giáo sư triết học Trần Đức Thảo. Cho đến hôm nhà đài âm ỉ báo tang ông. Các bà hàng xóm ấy hồn nhiên: “Người ta cũng Đức Thảo mà vang danh thế còn ông Đức Thảo chung cư nhà mình thì cứ như một lão dở hơi kiết xác!”

Bỗng thấy những con đường bôn chồn côi vắng quá sau sự ra đi của một kỳ nhân nữa. Sẽ không bao giờ có một Bùi Giáng thơ tiền lang thang như hành khất. Sẽ không dễ dàng được leo đèo với Trang Thế Hy dưới những tán sao nhiều phiến muộn kia từ khi ông quay phắt với Sài Gòn không hẹn ngày trở lại. Và giờ thì không thể có cơ hội để dừng xe lại bên đường với một ông lão nhăn nhó bấm sinh: “Chú Sơn Nam, ngồi lên đi cháu chớ!” Người ta cuồng nhiệt hàng đêm với các ca sĩ ở những tụ điểm âm nhạc. Người ta ăn uống tràn trề khắp các vỉa hè. Người ta có thể bỏ ra hàng triệu đồng để vào sân Mỹ Đình nhìn Ronaldinho bằng ống nhòm. Nhưng chắc chắn, chắc chắn không ít người sẽ cân nhắc rồi bỏ đi bởi cái giá vài trăm ngàn cho bộ sách của Sơn Nam. Vì vậy nên người ta không cần biết có những con người chịu đựng sự dày vò trần ai của nghiệp chướng để làm nên giá trị tinh thần cho Sài Gòn. Như móng nhà của một tòa nhà. Móng nhà không là thứ lộ thiên, nếu bước vào một ngôi nhà vững chãi người ta chỉ biết trầm trồ bởi cấu trúc, nước sơn và những thứ bày biện trong đó. Không ai ghi nhận cái móng nhà. Nhưng không có cái móng âm thầm ấy thì đã không có một tòa nhà.

Có những người thực sự vang danh nhưng họ không thể là kỳ nhân. Chẳng như sự cô độc thường trực gắn với lập dị của nghệ sĩ mới làm ra một kỳ nhân. Cô độc mà vẫn nghe thấy chúng sinh, điều đó mới khó, mới thật phi thường. Như Solzennitxyn luôn cô độc trên đất Mỹ. Như Trịnh Công Sơn cô độc với mọi thứ thuộc về đời thường. Như Bùi Giáng cô độc với cả cái xác phàm của mình. Như Trang Thế Hy sớm an lòng với vườn dừa để khỏi xa xạn chốn trường văn trận bút. Và như Sơn Nam. Bởi vì bản thân sự cô độc của họ đã là tuyên ngôn, là nhân cách.

Nói thì nói vậy nhưng vẫn nghĩ. Nếu như ở các nước khác thì Trịnh Công Sơn có bị nghi kỵ không, Bùi Giáng có bị trôi nổi vỉa hè không và Sơn Nam có bị túng thiếu thường trực như vậy không? Đâu rồi đất nước trọng văn và người Việt với truyền thống hiếu học? Nghĩ mãi, nghĩ nhiều những vẫn chỉ thấy mỗi một câu trả lời: Khoảng trống mà các kỳ nhân đất Sài Gòn để lại là mãi mãi, không sao bù đắp nổi.

Nước chum

Gần trăm năm trước, ông nội đem theo một bảy em mồ côi cha lẫn mẹ trốn chạy nước dữ sông Tiền. Tuổi trung niên chân trần, ghe lườn và buồm lá dừa nước, hình ảnh bi tráng chứ không hoàn toàn hào sảng như người ta vẫn ngợi ca. Chèo tay đi hoài đi hoài đơn độc giữa cây bần cây tràm và khỉ voọc chứ làm gì có một đoàn người trống giông cờ mở. Dám rời bỏ quê cha đất tổ để tìm vùng đất mới, đích thị đây là chuyện áo cơm tâm trạng không thể thi vị hóa cho nhẹ đi gánh nặng sinh nhai.

Nhưng ông không bao giờ day nghiêng lý do khiến ông đưa cả bảy em rời bỏ bán quán. Không hẳn học không kêu ca, kể cả chuyện nước lên hàng mét vào mùa nước lên. Chỉ có nỗi hoài nhớ thì được lặp đi lặp lại năm này

chí năm khác. Thật thiêng liêng trang trọng cái mảnh đất mà ông đã quả quyết rời đi. Nó như một hạt giống trong tâm tưởng được gieo xuống mấy thế hệ mà giờ đây đã thành cành nhánh xum xuê ở cuối dòng sông Hậu.

Ngày con cháu mang theo hương hồn ông về lại đất gốc, sông Tiền đang mùa nước bạc nhưng mặt sông vẫn tiềm tàng khả năng gây sự so với sông Hậu ôn hoà. Vườn cổ khô hạn phải dùng máy bơm mới có nước tưới cho cây trái. Một tổ trăm mặc rêu phong, những người đi từ Bình Định vô và cũng được liệt vào hàng tiên phong mở cõi. Những liếp vườn lục lưỡng, những gốc xoài trăm năm, những cỗ xe lôi thông thả dưới ánh trăng mê hồn. Và những mái chùa đáng kính. Quê quán quá thanh bình, hà cớ chi ông nội phải rời đi?

Chạnh nhớ một lần nước lên ngập hết vườn nhà của ông ở cuối sông Hậu. Nơi đây gần với Rạch Giá, biển thở mạnh là có thể nghe thấy nhưng mương liếp bị ngập lé đé hết giữ, như có một sức mạnh vô hình ấn chúng chìm xuống. Một ngày hội với đám trẻ con. Những viên gạch xếp dài làm thành đường đi từ nhà trên xuống nhà dưới. Bọn trẻ bị quây lại trên bộ ngựa gỗ - có từ hồi ông nội mang theo trên chiếc ghe lườn. Những đôi guốc nhỏ xíu để lại trên đám gạch, bọn trẻ cúi nhìn những con cá nhỏ

xíu dạt từ sông lên lãng quăng trong nước lụt. Hàng tuần được sống chung với nước, âu cũng là một thứ kỷ niệm đặc sắc của thời thơ ấu ăm no.

Đã có thể hình dung cảnh con người bị bó chân trong mùa nước nổi. Đạo ấy ông đã sắp gần đất xa trời. Ông ngồi chung trên ván gỗ, ông dất dần đám cháu nhỏ hồi hương bằng những câu chuyện lóp ngóp buồn. Ông kể chậm rãi, rầu rĩ nhưng cẩn trọng. Như một cuốn gia phả vừa tìm lại được, ông bắt đầu từ đạo tổ tiên khăn gói đi dài từ Bình Định vào. Trong khi người Khmer sở tại giắt cây phảng và chiếc nọc cầy lên mái lá nhà sàn chờ ngày nước xuống thì người Kinh tính chuyện lên liếp lập vườn làm ra ánh sáng. Vườn mới thì gan với nước lụt sông Tiền, liếp cao lên cây cối cũng cao lên, chớp mắt mà đã trăm năm đất cổ. Trăm năm có bấy nhiêu đời người thì cũng có bấy nhiêu kinh nghiệm, giờ thì các cháu hãy nhìn vào nước lụt để thấy trong đó có gì? Đám cháu nhà ông chỉ thấy nước lộn cợn đục và những con cá tung tăng vui thích. Ông nhắc nhở: phù sa kia mới đáng ham thích, phù sa là kho báu, phù sa là ngọn nguồn, con người chỉ có thể đắp đập, đặt bộng, lên liếp, be bờ chứ không tự làm ra được phù sa, vì vậy mà con người cần phải tri ân trời đất chứ đừng có hờn trách, lại càng không được kêu ca, oán thán.

Không biết từ bao giờ xuất hiện ở miền Tây từ lũ và mọi người được kêu gọi hãy sống chung với lũ. Ở đâu đó tận phía Bắc mới là lũ khi rừng đầu nguồn đã bị tàn sát gần xong. Thê thảm những trận lũ quét lũ vùi năm sau tàn khốc hơn năm trước. Chỉ ở miền Tây là đến hẹn nước lại về, như món quà mà ông nội kính cẩn gọi là nước chum, mùa nước chum. Không nghe ông giải thích tại sao là chum mới thoả đáng chứ không phải nước lụt, nước về hay nước lên, nước nổi. Nước chum, nghe thật chập chã, mênh mang, xa hút.

Sẽ có lúc cả đồng bằng Cửu Long trở thành biển nước. Như thời hồng hoang. Lỗi không bởi sông Hậu hay sông Tiền mà bởi những cánh rừng đại ngàn xa xôi không còn trên mặt đất. Con người đang tự ăn thịt chính mình. Những dấu cho sẽ là như vậy thì mỗi năm một lần nước lụt nước nổi nước chum, chúng ta luôn được cho nhiều hơn là bị lấy mất. Sống chung với lũ, có nghĩa là sống thuận, sống vui, nếu được định hướng như vậy, con người sẽ tìm thấy bằng an và cả chân lý ôn hoà như ông cha ta đã từng vui vẻ sống.

Ở chỗ kẹt xe

Phải là dân thông thuộc Hà Nội mới biết đoạn đường này. Ô tô tải không vào được, cảm chắc sẽ không bị tắc đường thường xuyên. Nhưng mà không có vỉa hè, dân chúng đã tự do coi nơi lán chiếm hết từ lâu rồi. Và chợ cóc chợ xỏm san sát, người bán người mua thảo nhiên một cách lì lợm trong tiếng còi xe đinh tai nhức óc.

Đành vậy. Đi làm bằng đường chính còn nhiều nút thắt nan giải ở ngã ba ngã tư. Vì vậy, đoạn đường tắt này đã trở nên quen thuộc, quen thuộc đến mức mọi thứ liên quan đến nó đều không còn gì để ngạc nhiên. Lại thật, nhà cửa lộn xộn, phố xá ngập ngụa, chợ búa tràn lan mà mình không thấy ngạc nhiên, đích thị xơ cứng cảm giác hay tại môi trường chung quanh đã tồi tệ quá rồi? Không biết chắc. Tại cái này nên sinh ra cái kia chăng?

Đã bảy giờ nhưng vẫn không tránh được lúc các chị phu rác đồng loạt xuất hiện gần chỗ dốc cầu. Phải dừng lại một chút với mấy chị làm cái nghề hôi thối này đã. Phu rác thì ai cũng có thể hình dung bởi đã có “Tiếng chổi tre” của Tố Hữu một thời dài ngự trị trong giáo khoa thư và cũng đã có câu hát rất buồn của Trịnh Công Sơn: “Đại bác đêm đêm vọng về thành phố, người phu quét đường dụng chổi lắng nghe”. Nhưng phu rác bây giờ không làm đêm mà làm vào giờ cao điểm dù những chiếc xe của họ vá vúi hơn xưa, nhiều rác hơn xưa, nhiều đến mức tưởng cả đồng rác có thể ụp xuống đầu họ mỗi khi xe lên dốc cầu. Chính vì cái nghề ít ai chịu làm này mà họ được dân đi đường vào giờ cao điểm nhường nhịn cho qua.

Dĩ nhiên, đường hẹp, vỉa hè không, xe rác xếp hàng dài ngoằng thì đường phải tắc. Mỗi khi tắc đường mới biết người Hà Nội là dân táo tợn nhất, xoay xở giỏi nhất, ngông nghênh nhất và cũng bất chấp vào loại nhất thế gian. Nghẽn đường ư, hề gì, những gã xe máy hung hăng vẫn phóng vèo lên không còn lối nào cho xe cộ phía kia tuồn xuống. Ngắm kỹ những gã xe máy bất cần ấy thì thấy không là dân chạy chợ nón rách dép lê thì cũng dân xống áo chỉnh tề giày da bóng lộn, hai đối tượng mà người ta cứ lầm tưởng là ngoan hiền, chùng mực nhất. Chiếc xe

nào dựng giữa đường đây, vô duyên quá, dựng ép vô lễ đi! Một gã trai bánh bao ngồi trong nhà thản nhiên khạc ra: “Chuyện gì đến bà, rách việc!” Một tay đi đường mặt búng ra sữa leo lên mép hè phải, cố để cho xe mình nhích hơn người khác nửa vành bánh, pô xe suýt làm phồng ống chân một người đi bộ: “Đi đứng kiểu gì thế hả?” “Đồ bà biết đấy!” - câu trả lời sắc mùi súng đạn. Hết thuốc! Cố tìm một chỗ để đẩy chiếc Chaly cà khổ lên hè ngồi lại mặc cho mọi thứ đến đâu thì đến nhưng không thể nào cựa được, y như thời tản cư. Nhưng mà tệ hơn hồi tản cư, bởi không có quan tâm đùm bọc mà chỉ có găm ghè, giẫm đạp, cắn hờn.

Ân nhân xuất hiện. Người hùng thì đứng hơn. Một người đàn bà thường dân. Ở thành phố không dân - người ta vẫn ám chỉ Hà Nội như vậy bởi những bộ máy khổng lồ mà nó gánh chịu - người phụ nữ này nếu là người về hưu thì chắc cũng diện về hưu một cục và đang lấm láp vĩa hè. Quần áo lam lũ, mặt mũi hốc hác, tay chân thô vụng nhưng đoạn ống nước nhựa trên tay vì “cảnh sát giao thông” bắt đắc dĩ này thật hiệu nghiệm, không thua gì cây dùi cui của cảnh sát thứ thiệt. Len lách, đi lại, hò hét, dẹp bên này vẩy bên kia, chị khiến cho những gã táo tợn nhất cũng trở nên ngoan ngoãn vì họ biết, nếu không

nghe lệnh thì có thể chết đứng ở chỗ này. Mọi thứ chuyển động, như nôi áp suất được hé van, từ từ, nhẹ thở.

Một người đàn bà vô danh chắc chắn không biết Nguyễn Đình Chiểu là ai nhưng vẫn nằm lòng lẽ sống “Giữa đường thấy chuyện bất bằng nào tha”. Không cần một lời cảm ơn, không cần một chúc danh hay một khoản thù lao nào, hể ghen đường là chị có mặt rồi lại biến đi đâu đó với cuộc mưu sinh trần ai của mình.

Một hôm đọc thấy trên tất cả các báo giấy và báo điện tử tin một người phụ nữ Hà Nội vô danh đã rời xe máy, tự nguyện đứng ra điều hành giao thông, giải thoát cho bao nhiêu là người và xe lủm bủm suốt mấy giờ đồng hồ trong mưa giông và đêm tối. Tại sao vẫn cứ lại là phụ nữ chứ không phải các ngài nam nhân luôn xuy ra cái câu của miệng: Ối dào, sức đàn bà, tính đàn bà, chuyện đàn bà, hơi đâu? Không biết nên vui vẻ tự hào về giới mình hay lại chạnh nghĩ nhiều nỗi khác?

Một lần mơ ước

Chị khá nổi tiếng trong xóm. Con đông, làm giỏi, cười giòn. Đàn bà trong xóm ai chẳng con đông và tần tảo nhưng không phải ai cũng có nét cười khiến người khác cũng lạc quan theo, như chị. Và ước mơ, không phải ước mơ thềm mà ước mơ nói toẹt ra. Không phải loại ước mơ cao vời mà hết sức đơn sơ, nhỏ bé. Không ai nhớ chị nói ở đâu, bao nhiêu lần và vào lúc nào nhưng ai cũng nhớ được cái ước mơ bé tẹo của chị.

Vì vậy mà chị thêm nổi tiếng. Khi chị nằm đó thì cái ước mơ ấy càng nổi tiếng hơn. Chị nằm đó, quá nghịch thường để gọi là nghỉ ngơi, quá trẻ để gọi là chết và quá đột ngột để gọi là ra đi. Chắc chắn những nhà làm phim tài liệu về sự phi lý của cái nghèo sẽ ưa thích cảnh này.

Toàn cảnh, một cái xóm nhỏ bên bờ sông quanh năm phù sa thừa thãi. Trung cảnh, một mảnh vườn thổ cư rộng rãi nhưng chỉ còn có cây tạp và cỏ dại. Tiểu cảnh, một nếp nhà lá tả tơi, những tấm vách lỗ chỗ, chiếc giường bằng những gộc tre vườn có một chiếc mùng vải màu cháo lòng vắt vọi lên để người ta xúm xít quanh một người đàn bà bỗng dưng không thềm trở dậy nữa. Hẳn máy quay sẽ dừng lại ở hai bàn chân thò ra từ hai ống quần bà ba đen nhẵn nhúm. Da chân từa phèn càng xanh tái càng lộ rõ vẻ sần sùi như rấm mo cau bị ngâm nước. Một thế nằm ngay ngắn, hai tay vòng sẵn qua bụng, gương mặt bình thản lạ kỳ, đúng là ngủ thiếp rồi “đi” luôn, như có ai đó đến rủ rê và thế là lên đường, không kịp gửi lời chào tới ai cả.

Ai rồi cũng phải chết nhưng chết như chị thật đáng để đau lòng. Chỉ mỗi chuyện chết lặng lẽ, nhẹ nhàng là được ao ước, còn thì mọi thứ chị để lại đều khiến người ta phải chặc lưỡi thở than. Chị để lại người chồng già hơn tuổi, tóc rụng sỏi cả đầu và thường dán tàn thuốc lên nếp vách để khi bế tắc thì gỡ xuống quán lại hút dần. Chị để lại một bầy con tám đứa tuổi ăn tuổi học và chính vì chúng phải ăn và học nên chị mới nổi tiếng với cái ước mơ cho đến khi đã xuôi tay gác kiếm mà nó vẫn còn nguyên là một ước mơ. Chị để lại tất cả, vườn rộng ruộng nhiều nhưng

không hiểu sao chị không có đủ một chút ít tiền để thực hiện cho được ước mơ sơ sài của mình. Như thế ai đó đã chơi khăm chị từ khi về làm dâu cái xóm hẻo lánh đây.

Người viết bài này từng có nhiều ước mơ thích ứng với từng đoạn tuổi. Hồi bé tí mơ được thấy tiền để được biết tiền đẹp và thơm như thế nào. Lớn lên chút nữa mơ được thấy hoàng tử còn mình thì sẽ biến thành công chúa. Khi biết mình đúng là phận nghèo con dân của cái xóm phèn chua nước ngập thì chỉ còn mỗi ước mơ được thành cô giáo bay bay áo dài. Rồi lớn hẳn, biết mình biết người, biết công việc có khi là duyên mà cũng có khi là nghiệp như vợ với chồng, không mơ nghề này nghề kia nữa mà chỉ mơ đủ ăn đủ mặc và ngao du. Gặp kỹ, ước mơ cơm no áo ấm và được xê dịch thăm thú là ước mơ phổ biến nhất, tự nhiên nhất, thân thiết nhất của con người không phân biệt màu da, đức tin và chủ kiến. Đúng như thế thật. Có khi chuyện được đi lại và nhìn ngó còn quan trọng hơn ăn và uống mỗi ngày.

Đến bây giờ thì đã có trong ký ức những lần đầu không thể phai mờ: lần đầu với tàu hoả Bắc Nam 72 giờ, lần đầu với máy bay TU từ Tân Sơn Nhất tới Gia Lâm (chứ không phải Nội Bài), lần đầu với C130 bước từ bụng máy bay lên khi sang với bộ đội chiến trường Cam-pu-chia,

lần đầu trên chiếc Boeing 777 hiên ngang như một tòa nhà xuyên qua Thái Bình Dương... Đi nhiều mới biết vì sao người các nước văn minh xem du lịch là khí trời, là văn hóa sống. Đi nhiều, ngộ ra nhiều, hăm hở nhiều nhưng cũng buồn thương nhiều. Trong nhiều nỗi buồn thương cho dân mình và cho chính mình, luôn có nỗi niềm cho người đàn bà từng tắm chung với mình một đoạn sông có thứ nước xì phèn trước sa mưa. Người đó chỉ dám mơ một lần được ngồi xe đồ mà không sao có được. Ngồi xe đồ, ước mơ nghe buồn cười như là chuyện bịa, đúng không? Chị là người cùng xã với nhà chồng, kết hôn nhằm thời hậu chiến toi bời, vừa đẻ dày vừa chịu chung cảnh ngộ nhà nông trời lên ngụp xuống như con thuyền sắp chìm trên nước xiết. Nhà chồng nhà mình cách nhau một giang đồng quanh năm đi bộ cũng xong, và lại túi tiền cũng không cho chị một cơ hội được ngồi lên chiếc xe đồ mơ ước. Mà chắc gì chị đã chịu đi nếu ai đó cho chị một ít tiền bảo du lịch đi đã. Bởi vì chị cần lợp lại cái nhà, cần hạt gạo cho con đang sức lớn sức ăn, cần cái chữ cho con trong thời chữ là phải mua theo đúng nghĩa có mua thì mới bán.

Bây giờ dám con gái của chị đã chia nhau đi tá lả sang Đài Loan và Hàn Quốc với quyết tâm chống lại cái nghèo.

Chúng ngán ngẩm xe đồ với máy bay, ngán tận cổ như thể đi là cực hình. Nhưng mẹ của chúng thì đã không thể. Một lần được ngồi lên xe đồ, chắc chắn không ít người Việt Nam vẫn còn ấp ủ mỗi một ước mơ đó dù họ vẫn biết mình đã đặt cả hai chân sang thế kỷ khác, thế kỷ có người đã dám mơ một lần được bước lên tàu vũ trụ.

Không có hương sen

Bạn từng thấy những lá sen chưa? Sao không là những cánh đồng sen mà là những lá sen? Đơn giản vì sen phải cộng sinh với củ co, bông súng, đưng lác lau sậy và chim chóc... Đã có thể hình dung những ngày đẹp nhất của lá sen. Khi ấy nước lên ở mức vừa, lượng mưa còn có thể chấp nhận được và đồng ruộng chưa thành biển cả chập chã. Ở vào thời điểm phong độ nhất, lá sen ken dày trên mặt nước còn bông sen thì kiêu hãnh dưới ánh trời. Sen hồng trông khoẻ mạnh hơn nhưng sen trắng thì thanh khiết đến tận cùng.

Thiên nhiên không hoàn toàn tự phát như ta tưởng. Như vũ trụ, như các hệ hành tinh. Mọi thứ chắc phải có sự xếp bày bí ẩn nào đó. Hồi ấy, thời cuộc đang hồi gian

lao nhất, con người phải sống bám vào đồng bụng để tồn tại, những lảng sen là nơi nhiều an ủi khi chúng bắt chợt hiện ra trước mũi xuống. Không gì sánh được với sen. Không nên so với hồng hay so với tulip, riêng so với cúc với đào hay với mai, sen nhiều bản sắc Việt Nam nhất dù không chỉ riêng ở xứ mình mới có sen. Lại vậy đó. Hay bởi vì người Việt quen tôn vinh sen? Không đơn giản chuyện duyên sắc và độ bền cống hiến, thật sự sen cho người ta nhiều liên tưởng nhân sinh hơn. Sự lặng thầm, sự cao cả, vẻ thanh sạch và cả tín ngưỡng gắn liền với nhà Phật.

Không phải ai cũng được nhìn thấy những lảng sen vào lúc chúng hiu hắt nhất. “Nếu không có cảnh đông tàn/Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân”. Câu thơ của nhịp điệu mùa và tâm trạng nhưng lại vang lên hình ảnh sen tàn sau những ngày cốm xanh và chuối trứng cuốc. Nghe đã thấy gió lạnh và bầu trời màu chì. Dịp này, nếu xuyên Việt bằng đường tàu hỏa, ở đoạn Ninh Bình - Hà Nội bạn sẽ thấy những lảng sen rũ mình trong mùa đông như thế nào. Sen xanh khiến ta nghĩ ngợi mà sen tàn cũng khiến ta đeo mang. Lại vậy đó. Chỉ có sen mới làm ta hay chạnh nghĩ. Không phải hồng không phải cúc không phải mai. Ấy là giá trị của sen trong tâm hồn ta, người Việt.

Sau rằm tháng Mười triều cường bỗng nhiên ác liệt. Một thị xã chưa từng lụt lội là Tuy Hòa mà cũng có một đêm trắng kỳ khôi. Chợ Thanh Đa ngập nặng cùng với 98 điểm ngập khác của Sài Gòn. Bà cụ bung xẻ rau muống ra gần ngã tư đèn xanh đèn đỏ cho dễ bán. Thường ngày bà có mấy trái dừa xiêm vạt mặt để phân biệt với những hàng dừa được gọt rất khéo nhưng đã kín đáo ngâm trong nước tẩy gì đó chắc chắn là nguy hại. Và xẻ nông sản của bà còn có mấy búng ngó sen tươi ngâm trong thau nước sạch trông rất đáng tin. Hỏi sao chỉ có ngó sen chứ không có bông sen hay củ sen, bà cười tóm tép: “Già mà bán bông ai mua cho còn ngó sen thì lấy ai lặn ngụp mà có?” Đã có thể hình dung bà thuộc hàng hiu quạnh bên cạnh một láng sen còn sống sót ở ngoại thành Sài Gòn. Hẳn rau muống này là thứ mọc lẫn với sen. “Cụ ơi, sao hôm nay không có ngó sen?” “Mèn ơi, nước lên dữ quá, lá sen còn bị sặc huống chi già. Làm sao thò tay mà bứt ngó sen được hả cô?” Cho dù không có ngó sen nhưng rau muống và dừa xiêm của cụ thì tin cậy nhất chợ.

Nhớ những cành sen bằng gỗ trong ngôi nhà của một nhà thơ bạn bè ở tận Hải Phòng. Sen được cắm khô trong một cái bình Bát Tràng rất cổ đặt trong góc nhà. Đặc sệt Việt Nam. Vừa cổ điển vừa đặc sắc. Phải yêu sen lắm thì

nghệ nhân ẩn danh nào đó mới gọt nổi những cành sen sống động như vậy. Và chính thi sĩ này đã có những câu thơ: “Không có hương sen thì ta thành thói nát/ Nói điều này để mấy ai tin”. Đây là hai câu thơ trong bài nói về Mẹ, Mẹ và Sen, tình mẫu tử và hương sen, sự thốn thức của một tâm hồn đặc Việt.

Rồi sẽ có những dự án làm cho sen không còn đất sống. Hiện Đồng Tháp Mười chỉ còn những láng sen trong những vườn du lịch sinh thái mà thôi. Không cộng sinh với củ co, bông súng, đưng sậy, lau lách và chìm chóc gì hết. Sen tro trong đầm, bên trên là những bữa tiệc có cả củ sen. Rồi sẽ không có sen trong chùa hay trong góc nhà vào những dịp lễ trọng nữa. Và không có hương sen trong đời sống thường nhật quanh ta, hương sen với ý nghĩa nhân sinh, cao cả, thiết thực nhất của từ này. Như ta đang mồ côi mẹ và mồ côi nhiều thứ khác.

*Không có hương sen thì ta thành thói nát
Nói điều này để mấy ai tin.¹*

¹Thơ Thi Hoàng.

Có lẽ nào

Buổi sớm, thị xã tỉnh nhỏ quá đổi thanh bình. Vĩa hè bẽ thế như của châu Âu, những tòa nhà không đẹp nhưng thoáng rộng, nếu lá cây cũng là rác thì chỉ thấy có mỗi chúng mà thôi. Thật dễ chịu khi được làm du khách nhưng bạn bè mình cứ nghèo hoài. Dễ chịu nhưng không dễ sống, một thứ quy luật chết cười của thời đại tiêu dùng. Ở Sài Gòn hay Hà Nội, người ta bám trên lưng nhau kiếm tiền, không dễ chịu nhưng đồng ra đồng vào lại dễ. Ví vậy mà người ta cứ đổ xô lên đô thành, càng nhiều cạm bẫy con người càng gian manh, khả năng biến đổi và thích nghi như vi trùng, vi rút.

Một chàng trai áo sơ mi trắng quần tây sậm nghiêm chỉnh đứng bên chiếc xe máy giờ ngón tay lên ra hiệu.

Đích thị xe ôm. Hay thật, ba thập kỷ qua tiếng Việt sinh sôi nhiều đến mức một chị bạn Việt kiều bảo không dám về nước vì sợ người ta nói mình không thể hiểu. Thấy một người đàn ông da dẻ cóc cáy nắng nôi bên một chiếc xe máy có hai cái mũ bảo hiểm, biết ngay người đó là dân độ nhật bằng cái nghề chưa có trong bách khoa thư. Gã trai khiến tôi ngỡ ngợ. Cao ráo, khôi ngô và lễ phép, lễ nào? Những năm đầu thập kỷ 80 của thế kỷ trước, cánh xe ôm không ít những gương mặt sáng sủa như vậy, nhưng là xe đạp ôm chứ làm gì có xe máy. Hồi đó nhiều người làm xe ôm mà phải len lén đi đêm đi khuya như ăn cắp, chỉ vì sĩ diện cái thân trí thức thị thành. Ông bạn nhà văn Đặng Thu Cưu và nhiều nhiều, rất nhiều những người khác nữa đã từng cầm cự bằng chiếc xe đạp cà tàng vào lúc thời thế còn “ngăn sông cấm chợ” những người từng tham dự với chế độ trước. Vừa mới thấy tâm thế thành thời, bỗng đã lại thấy ưu phiền bởi một hình ảnh bất chợt về những ngày đã qua và những người đã cũ. Không đâu nhiều biến động như đất nước mình, không ai nhiều nỗi niềm như người Việt mình. Lễ nào, biết truy cứu ai đây?

Tôi đưa địa chỉ trên phong thư giấy mời cho chàng trai xe ôm có gương mặt khôi ngô ấy. Tôi không thuộc địa chỉ đơn giản vì ngại lấy kính lão ra đọc trước. Cậu chàng

không nói không rằng, chỉ vào dòng chữ trên phong bao cho một người đàn ông đồng nghiệp đứng gần. Nghĩ bụng: cậu này mới vào nghề, bên trong cái vỏ sáng láng là một gã nông dân ngờ nghệch, chơn chất. Người xe ôm đứng tuổi chỉ dẫn qua qua, không ra sốt sáng cũng không ra bực mình. Cũng típ người kiệm lời, mộc mạc. Khác hẳn kiểu mồm miệng đĩa dai của dân xe ôm bến bãi đô thành.

Qua mùi mồ hôi của người phía trước có thể đoán biết cậu này chưa phải lắm lớp cánh vợ con chờ tiền để mua gạo mua rau mỗi ngày. Thanh tân và hồn nhiên với vóc đặc và gương mặt dễ ưa trời phú. Khách tin vào “thổ công”, còn “người cầm lái vĩ đại” thì cứ sát con lươn đường đôi mà phóng. Trời ơi tình lẻ có khác, “đường ta ta cứ đi” mặc kệ làn nào là làn nào. Đã nắm địa chỉ sao cậu ta cứ hết nhìn bên này lại nhìn sang bên khác? Lẽ nào? Dân xe ôm thị xã mà không biết đường phố nào cũng bên lẻ bên chẵn sao? Thôi thôi, cháu tập vô lễ rồi đưa cái bì thư lại cho cô. Bắt đầu trở lại cái tính hoài nghi cố hữu bởi mọi thứ ở xứ mình đều thiếu sự chuyên nghiệp. Như cánh taxi ở Thanh Đa, cũng những chàng trai khôi ngô ăn vận lịch lãm nhưng bảo cho xe vào lô nhà nào thì y rằng là phải hỏi đi hỏi lại mấy bận mới xong. Một xã hội chệnh mảng khắp nơi, đồng đều, dai dẳng.

Chỉ cần giương kiếng lão lên tôi đã thấy đây chính là con đường ghi trong giấy mời. Nhưng cậu ta vẫn chưa phát hiện ra điều đó. Tôi ngạc nhiên đến mức bất bình. “Sao cháu lập cập quá trời vậy?”. Im lặng. Lại còn khu khu cái vẻ lóng ngóng không chịu nổi. “Địa điểm ở số 54, đây đã số 18, lỡ đi trót thì mình quay lại mà sao cháu lúng túng quá?” Cậu chàng vẫn không dừng lại ở những tấm biển bên đường để nhận ra số nhà, cũng không chịu nghe tôi, lại còn định leo lên vỉa hè hỏi mấy người trên đó. Một màn sương mờ tối phủ trên gương mặt cậu và một thái độ mất tự tin một cách kỳ quặc. Tôi quát: “Cô biết chắc đây là con đường trong địa chỉ thư mời, quay đầu xe đi, tự cô tìm cho! Đơn giản quá mà sao cháu cứ thấy khó vậy?” Gã thanh niên lú lú làm theo, lúng búng: “Cô ơi, tại ...tại vì cháu không...không biết chữ!”

Buổi sáng của tôi đột ngột biến mất. Tôi ngạc nhiên rụng rời mà lại muốn oà khóc. Trời ơi là trời! Tại sao sự thật giống như một mũi tên, lại giống như một gã điên vừa xả súng vào hai chúng tôi với sức mạnh tàn sát của gã? Có thể tin vào một chuyện như vậy không? Người tự thú đã phải gánh chịu sự tổn thương nhưng cậu ta có biết tôi cũng đang bị tổn thương không? Tôi đã tin vào cố gắng phổ cập giáo dục của nước nhà, tôi tin đất nước đã tiến

những bước rất xa so với thời má tôi hay cô tôi mù chữ, tôi tin những thanh niên dám ra thành thì cũng phải dám thoát dốt và tôi còn tin những gì gì nữa hờ trời? Nghe đâu bên Mỹ vẫn có người mù chữ, kệ họ. Nhưng tôi vừa chạm vào một người bằng xương bằng thịt không ăn xin không bán vé số không tật nguyền, thậm chí còn rất khỏe mạnh và rất khôi ngô mà mù chữ! Tôi kêu lên một hơi nghẹn ngào: “Cháu ơi, sao cháu không đi học, chữ thì ai mà chẳng học được, thời nay mà dốt thì tàn đời cháu ơi!”

Có người trong đám bạn của buổi sáng ấy bảo nhiều hoàn cảnh éo le khiến người ta phải mù chữ chứ. Có người lại nói thêm: để thú nhận chuyện đó người ta cũng phải đau khổ lắm rồi. Lại có người xua tay: “Đừng tin, tại thấy khách lạ nên nó giả nai để đi lòng vòng rồi tính mắc đó”. Lẽ nào? Tôi tin cậu trai mù chữ thật và cậu ta đang rất phiêu lưu với sinh kế của mình. Nhưng lẽ nào? Giả nai đến mức đó thì dân thành phố còn phải kêu bằng cụ. Lẽ nào? Ai cắt được khỏi ngực tôi viên đá này đây?

Bên vĩa nghĩa địa

Sáng nào cũng nhìn thấy phía trước mình một dòng sông người hồi hải. Luôn luôn một cảm giác mọi thứ thật trần ai mà cũng thật vô nghĩa. Ngày trước người người cuối trên xe đạp yên lặng nghèo khó, dòng người giống một dòng lá cũ trôi trôi u buồn. Ngày nay xe máy thống lĩnh, dòng người găm gù như thể được vũ trang để xông tới vô định. Con người thành phố chắc gì đã giống một hạt cát. Một hạt bụi thì đúng hơn. Và hạt bụi ấy rất hay ngạc nhiên: người ở đâu ra mà nhiều, thuần túy con người đang đi kiếm ăn chứ công hiến xây dựng gì và nhân loại đông đúc lên để làm chi rồi cứ thế dất dứ nhau đi về phía hủy diệt?

Hạt cát hay hạt bụi hay cát bụi đều ở một tầng nghĩa khác có cái lõi nhân sinh bên trong. Quan sát con người ở tầng thấp của sự sống thì cha ông ta đã biết ví con người là một bầy kiến. Xem ra hình ảnh ấy không còn thích hợp nữa. Hồi con người chưa làm ra tivi và những bộ phim Discovery thì sự so ví ấy rất xác đáng. Nhưng khi đã xem nhiều và đọc nhiều thì thấy xã hội loài người còn lâu mới bằng xã hội của kiến. Kiến sống qui củ và đoàn kết, gắn bó. Kiến được chỉ huy và tổ chức tốt, từng cá nhân kiến đều có sứ mệnh cao cả với cộng đồng và với cái tổ của mình.

Kiến thật đáng nể, vì vậy, xin hãy thứ lỗi nếu gián-tôi dám ví con người thành phố giống một bầy gián. Thứ nhắm chúng ta xem. Mỗi sáng chúng ta bò dậy từ hang hốc của mình rồi động dậy ngoe cang tản đi. Gián-ô-tô đóng hộp nhưng cũng đâu tránh khỏi tình cảnh tạt tưới trong cuộc mưu sinh. Gián-xe-máy thì loạn xạ điên khùng trong nắng nôi bụi bặm và cống rãnh vây quanh. Còn gián-xe-đạp, gián-xe-thò, gián-xe xích lô thì riêng xổng áo cũng đủ thấy vẻ lảm lạp trần ai cái thân cái phận hẩm hiu. Gián - tôi từng nghe thấy người ngọm mình như bị bốc mùi khi mọi thứ chung quanh đều trở nên bội nhiễm. Không dung mà nhà văn Kafka đã cho một con người

bùng dậy với bộ dạng một con gián để xem mọi chuyện diễn tiến ra sao.

Sáng sáng, gián - tôi hay chọn con đường đi tắt qua nghĩa địa để tránh những nút thắt giao thông giờ cao điểm. Đoạn đường nhựa đi qua sau nhà có tên là Vành đai III sẽ nối Mỹ Đình - Thanh Xuân - Linh Đàm, toàn những địa danh sang trọng cả. Nhưng để có nó thì Hà Đông mất cả một cánh đồng và giờ thì chuyện đó không còn quan trọng nữa vì địa giới thủ đô đã được vẽ lên tận Hòa Bình. Một dự án sớm ra đời để cho những người gián chia tiền, còn lũ người tham gia giao thông (nói theo cách nói sính chữ hiện hành) thì xin hãy dài cổ... gián mà đợi! Thành ra đường Vành đai III đang bị chặt thành nhiều khúc mãi mãi không nối được với nhau. Cánh đồng nhiều cỏ ống hơn, nhiều muối mòng hơn và cũng nhiều kim tiêm hơn. Vì vậy mà gián - tôi mới phải ngoặt vào nghĩa địa thì mới ra được đường chính nếu muốn lên trung tâm Hà Nội.

Nghĩa địa của người mình cho dù phú quý có sính lễ nghĩa thì vẫn cứ là khung cảnh nghĩa địa ở rìa làng. Những ngôi nhà mồ lô nhô xanh đỏ tím vàng hòa hợp với thời kiến trúc lố lăng. Những ngôi mộ cũ chỉ thấy có bát nhang chứ không bia mộ ảnh ột gì cả. Những nắm mộ đất rời sẽ phải dỡ ra cải táng được bọc bằng thứ cỏ

công nghiệp của sân vận động xanh rì rì. Và những ao chuôm rau muống rau ngổ cùng những túp lều của nông dân vùng xa nhập vào để làm u ám thêm đội quân gián đã đông lên vô kể từ bao giờ không ai biết rõ.

Một túp nhà sát cạnh đường đi, chỉ cách mấy khuôn mộ nghèo một lối xi măng đủ cho hai xe máy lách qua nhau. Từng nghe ở Sài Gòn có một nghĩa trang có thể làm mái ấm và chỗ hành nghề của biết bao cô gái ăn sương. Họ ăn, họ ngủ và họ “đi khách” ngay bên cạnh các thành mộ. Đó là nghĩa trang dành cho giới văn nghệ, âu là, thôi thì văn nghệ sĩ bao giờ cũng gần với chúng sinh, nếu thiếu nỗi niềm của chúng sinh thì họ đã không thành văn nghệ sĩ. Nhưng nghĩa địa mà gián - tôi đi tắt qua hàng ngày không cho cảm giác nó sẽ chở che cho những con gián còn nghèo hơn cả gián tôi. Tại sao vậy kia? Tại vì nước nổi lùm thum, tại vì người chết thường xuyên được đặt xuống hoặc moi lên, tại vì...

Ngày hè cánh cửa xập xệ của túp nhà được đẩy sang bên để cho khí thoáng lùa vào. Ngày đông qua khe vách bằng các-tông thấy âm u rợn gáy. Vậy rồi trong một buổi sáng đẹp trời gián tôi chợt bắt gặp một chị gián tóc dài thông dong đứng giữa khung cửa chải tóc. Chao ơi, dấu ấn của cuộc sống hóc hang không chối vào đâu được và từ

một cái phòng có chút ít sự sống kia một người đàn ông tương xứng hiện ra. Một cuộc sống lứa đôi, một khoảnh khắc sống động trước khi chị nàng đặt gánh chè chai đồng nát lên vai. Chúng tôi nhìn nhau lặng lẽ. Hồi chiến tranh không ít người kháng chiến đã biến nghĩa địa thành nhà. Sự tồn vong đi cùng với lý tưởng. Bây giờ những người chạm đáy nghèo túng này hít thở bầu không khí lý tưởng nào đây? Đêm đêm bên rìa nghĩa địa là không khí râu tôm ruột bầu hay gián vợ sẽ “được” gián chồng thương cẳng chân hạ cẳng tay trong mùi rượu nặc nồng?

Gián tôi nghĩ mãi nghĩ mãi và lần nào đi ngang cũng mong được nhìn thấy cảnh chị gián tóc dài với gương mặt xanh tái nhưng không có vết tím bầm nào cùng với cây lược trong tay - đó là giây phút gọi cảm nhát của một người đàn bà trước khi họ bắt đầu một ngày lao khổ. Cuộc sống ấy có thể gọi là cuộc sống chăng? Hay phải nghĩ ngược lại, rằng nhờ có lứa đôi mà con người đã dám chấp nhận một cái hốc lạnh lẽo bên rìa nghĩa địa?

Chỗ tin yêu

Đường đến nơi này không dễ dãi như đường lên Đền Hùng Phú Thọ hay thơ mộng hữu tình như Suối Yến Chùa Hương. Từ thị xã Uông Bí rẽ vào đi mãi đi mãi vẫn chưa thấy gì. Thỉnh thoảng dòng suối lộ ra những viên đá bị thời gian mài nhẵn và rất nhiều dây leo đại phồn phơ bên vách núi. Mũi xe cứ ghéch dần lên, biết rằng dốc ở đây khá dựng. Hoi hướm núi thiêng rõ dần, càng vào sâu càng thấy mình đang quay lưng lại với hiện tại. Ngày xưa nơi đây là đại ngàn, nơi mà người đời vẫn gọi là thâm sơn cùng cốc.

Người có thể xa giá đến cuối đường cái quan, cũng có thể ngồi kiệu vào đến ngàm suối này nhưng chắc chắn phải đi bằng đôi chân của chính mình mới lên cao được.

Người đi hài cò hay xà cạp? Người mặc hoàng bào hay áo vải nâu sòng? Đã nghe thấy mùi thơm của lịch sử. Lịch sử đang lên tiếng chuyện trò. Lịch sử ở Cổ Loa nói tiếng nói bi ai bằng vào bức tượng không đầu của công chúa My Châu nấu trong gian thờ. Lịch sử ở Thành Nội và lăng tẩm Huế nói tiếng nói của một bức tranh sáng tối hoành tráng. Lịch sử ở Hà Nội nói nhiều tiếng nói của biển dâu hơn cả. Còn lịch sử ở Yên Tử thì sao?

Quá nhiều rêu phong. Những tảng rêu trên những mái chùa mà sự tịch mịch không tìm thấy ở Trấn Quốc của Hà Nội hay Thiên Mụ của Huế. Những tảng rêu trên thân cây mít để lấy quả làm rau phụng sự cho việc chay trường. Và rêu trên những bậc thềm trơn trượt. Lá trúc lòa xòa, trúc có mặt ở khắp nơi, trúc mọc thành rừng, thứ trúc đại diện cho cốt cách mà người xưa chọn. Dễ dàng gặp ở những bậc thềm vắng vẻ một vài cụ bà dựng gậy trúc ngồi thờ. Các bà không mang xách gì, cũng không có tiền để thuê mướn người ta vác đồ lên như cánh trẻ. Dép lê, áo vải và lòng thiền, thế thôi.

Không ai dám riu ran đùa nghịch trong không khí trầm mặc nơi này. Nó không để so sánh với bất kỳ thắng cảnh nào. Bích Động và Hạ Long ư - những nơi đó thiên nhiên quá ưu đãi và hoàn hảo. Yên Tử không có dấu ấn

tâm linh thì không ai tìm đến làm gì. Những bậc thêm thấp và thoáng có từ bao giờ? Ngày xưa hẳn Người đã đi bằng gậy trúc nhưng chắc chân thiền phẩm phẩm hăm hở trên những lối đi chưa hề lót gạch. 20 tuổi lên ngôi, 34 tuổi làm thái thượng hoàng sau hai lần đánh thắng Nguyên Mông, một người đàn ông mới hơn ba mươi tuổi mà nhiều hào quang và đức độ vậy thì chắc chắn sẽ không chịu ngồi để người khác vâng mình lên núi. Vẫn còn đầy đủ nhiệt huyết tìm đường. Nhờ vậy mà chúng ta đã có Yên Tử ngày nay.

Đột ngột Đường Tùng hiện ra sau rất nhiều trảng trúc. Không dung mà có cây tùng ở đây. Tùng nếu không được chủ ý trồng thì cũng đã được giữ lại để làm cao hơn cốt cách trúc. Dưới một con đường thoải thoải những góc tùng trưởng lão, nhất định ta sẽ muốn cúi đầu và đi chậm lại. Hàm ý Đồi và Đạo trong cấu trúc tu thiền của Người đã rõ hơn. Phải đi từ cây mít đồi thường rồi đến cây trúc, cây tùng và rồi thứ cây gì nữa? Những bậc thêm lại tiếp tục mở ra, vô tận.

Leo lên được chùa Hoa Yên thì đã không còn muốn đi đâu nữa hết. Chỉ muốn ngã vật ra để hình dung ngày mai chúi xuống chân núi như thế nào, có gian nan bằng lúc lên không? Hoa Yên chỉ có cây hoa sứ, cơm chay, nước

suối và những bà những chị hoặc chân đất hoặc dép lê lên đây làm công quả. Cuộc sống thật sự tách biệt dưới kia. Thử thách không xoàng chút nào. Khó hơn người Ấn đi tắm sông Hằng. Nếu không có tấm gương của các cụ bà đi làm công quả, chắc gì mình đã lên được Hoa Yên. Một ngày đường trọn vẹn. Chiều đã tối, hoẵng tác, sương rơi và hương khói rì rầm. Lặng mộ Người không bề thế không sân rồng không lính canh gì cả. Vì vậy mà sự hiện diện của Người thật gần gũi, cao minh.

Chí khí của chúng ta chưa là gì so với chí khí của người xưa. Triết học của chúng ta cũng chưa chắc đã đặc nhân tâm so với triết lý của Người cho thời ấy. Phải leo đến đỉnh chùa Đồng thì mới cả gan ngẫm nghĩ như vậy. Phải hai người bạn kéo tay thì tôi mới thoát được những bậc đất dài hơn ống chân của mình. Bám rễ cây mà lên. Nhiều lúc tưởng có thể đứt hơi mà chết. Đúng lúc ấy thì chung quanh bỗng vỡ oà, toàn những trụ đá trơ gan cùng tuế nguyệt. Không phải tay đụng mây mà chân đã đạp mây. Tất cả bỗng bình như tiên giới. Và cũng sạch bong như tiên giới. Không biết các bà cụ say công quả kia đã lần nào lên được chùa Đồng? Đã từng biết trên mây xấp là trời xanh thông thống, mọi ý niệm về Trời về Thượng đế đều dễ lung lay, thậm chí ngoái nhìn từ ngoài bầu khí

quyển thì quả đất quá mong manh. Thế nhưng mây trắng ở chùa Đồng lại khiến ta tin có trời cao đất dày và có sự gột rửa.

Lần thứ hai trở lại Yên Tử tôi từ chối cáp treo. Hình dung những cô cậu ngả ngón áo dây và quần soọc lên chùa Hoa Yên. Chắc họ chỉ lên đến đó rồi thất vọng quay về. Hậu sinh đã không còn biết đứng trước tam bảo thì bái lạy thế nào, bảo sao người ta đã không ngần ngại đưa cáp treo lên Yên Tử? Đây không là nơi thiêng lăm, không là nơi cầu xin, cũng không là nơi thư giãn. Đây là nơi để tìm thấy tin yêu. Môn lịch sử trong nhà trường ngày nay quá chuyên chú với thành tích cách mạng của con người thế kỷ 20, vì vậy mà hậu sinh thật mơ hồ với một con người mới 20 tuổi đã ngồi ở ngôi Vua, trong vòng 5 năm tiến hành lần lượt hai cuộc kháng chiến và 34 tuổi thì lui vào hậu trường, một con người vĩ đại nhất trong lịch sử nước nhà với hai câu thơ bất tử:

*Xã tắc lương hời lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu.*

Một người cha thì như thế nào?

Tôi mới có bốn tuổi thì ba tôi bị giặc bắt. Ký ức của một cô bé bốn tuổi thật ít ỏi và lốm bốm. Mới bốn tuổi thì đứa trẻ đã biết gì và nhớ gì? Nhưng tôi vẫn nhớ, nhớ những trận khóc vật khóc vã của bà tôi, nhớ những tiếng chặc lưỡi trong đêm dài của ông tôi, nhớ kiểu ngồi bất động trong bóng tối của má tôi, nhớ đôi chân chạy vạy thoăn thoắt của cô tôi, nhớ nỗi niềm già khóc của chị em chúng tôi từ khi đó. Không gì lớn hơn nỗi đau này vì ba tôi là con một, lúc lâm vào cảnh lao tù ba tôi mới ba mươi sáu tuổi.

Tôi bắt đầu tuổi đến trường bằng những hy vọng mỗi ngày. Tôi chỉ hy vọng hôm nay, khi tôi từ trường về thì ba tôi đã có mặt ở trong nhà. Tôi nhớ những buổi trưa, từ

trường về phải đi qua một giang đồng, hình ảnh con cò trắng trên lưng trâu thật cảm động và thanh bình nhưng sao trong nhà tôi không có thanh bình, ba tôi đâu, sao tôi không thể là con cò trên lưng ba tôi như vậy? Những buổi chiều mưa giông, nếu hôm ấy phải học vào buổi chiều thì tôi sợ sấm sét đến mức hai chân quỳ lại, lúc ấy tôi chỉ ước ba tôi đang đứng ở hậu vườn để giang tay ra. Tôi nhớ một trận mưa rất to, chỉ tôi và tôi đi học về, chúng tôi tìm thấy mấy trái xoài xanh rụng trong nương nước ngẫu đục, sao trận mưa lại khủng khiếp buồn như vậy dù chúng tôi đã vớt được mấy quả xoài để nheo mắt ăn chua? Vì cây xoài ấy liên quan đến ba tôi, cô tôi kể rằng năm Thìn bão lụt ấy, năm má tôi vừa sinh tôi ở xa nhà, ba tôi đã về qua vườn nội và ông đã đích thân cưa cây xoài sau hè để trồng một cây khác xa hơn mái nhà, cây cho các con, xoài cho các con mà nhà thì không bị đe dọa nếu lại giông bão nữa. Vậy đó! Tuổi thơ tôi có tất cả, chỉ thiếu một người. Tôi có ông nội quắc thước và mẫu mực, người vào thập niên 30 của thế kỷ trước đã dám đem theo vợ con và bốn người em trai vượt sông Tiền đi dài theo kênh xáng Xà No để gây dựng nghề vườn bên bờ sông Nước Đục ở cuối trời Hậu Giang. Tôi có bà nội hát bội rất hay và biết làm nhiều thứ bánh ngon. Tôi có bà má nhẫn nại bền gan mà

lại có thêm người cô út trí tuệ, can cường, sáng rõ. Tôi có chị có anh và có mảnh vườn quanh năm cây lành trái ngọt, không phải thèm khát thứ gì. Tôi chỉ khát thèm mùi mồ hôi của cha, đôi bàn tay cha, sự ân cần của cha, tất cả, những thứ mà tôi không thể tìm thấy ở ông nội hay anh trai của mình.

Người lớn trong gia đình kể rằng ba má tôi có tám người con nhưng duy nhất tôi là không chôn nhau cắt rốn trong vườn nhà. Ba tôi theo kháng chiến năm 1946, hơi muộn vì ông nắm núu ông bà nội tôi quá. Rồi không khí Toàn quốc kháng chiến đã lôi kéo ông, trong Tuần lễ vàng ông đã hiến cho nhà nước xưởng dệt gia đình để đầu quân cho Vệ quốc đoàn. Bà nội tôi đã lên đơn vị khóc lóc van nài ba tôi mới chịu sang một cơ quan Dân chính để đỡ phải trực tiếp với súng đạn. Ông ở tận U Minh Thượng, má tôi phải đem hai con gái theo ở cùng bà để cho gần với chỗ ông. Và tôi đã được sinh ra cùng với nước phèn của vùng Chấn Bạng – Rạch Giá. Sau này tôi nghiệm ra, tôi có số xê dịch đa đoan hơn các chị trong nhà là vì khi còn trong bụng mẹ tôi đã rầy đây mai đó. Cũng vì là con một nên ba tôi không đi tập kết để có bằng cấp lớn hơn, ông đã chịu phần ở lại và bị giặc bắt vào năm 1956.

Ký ức rất hay dần dà ở cái mốc này, lúc tôi mới bốn tuổi ấy. Tôi nhớ một chiếc tam bản lớn có mũi vòm bằng

lá dừa nước, trong đó má tôi, chị Hai chị Ba (để cầm chèo) và ba đứa nhỏ lít nhít sau cùng. Chiếc ghe đi mãi đi mãi trong đêm rồi sang ngày trên những dòng sông mỗi khắc mỗi phình ra, hời hợt. Chị Hai tôi bảo Xẻo Rô đây rồi, Xẻo Rô là địa danh ven thị xã Rạch Giá, nơi giam tạm giam ba tôi để dụ hàng, nếu không được thì sẽ đưa ông lên Chí Hòa – Sài Gòn ra tòa chịu án. Ông là “Việt Minh thứ dữ”, hay lên Sài Gòn nằm vùng kết nối làm ăn để gây quỹ cho kháng chiến và trong một lần về lại căn cứ ở Rạch Giá, cùng chuyển xe với bí thư Tỉnh ủy, các ông đã bị những người phản bội mật báo để giặc phục bắt ở dưới Cần Thơ một đổi. Khi cảnh sát tuyết còi: “Trên xe ai là Ba Hương xin mời bước xuống”, ba tôi đã làm Lê Lai cứu chúa, chiếc xe lại lao vút đi. Về đến Cần Thơ, qua bọn chỉ điểm, cảnh sát mới vỡ lẽ đây là Ba Triêm chứ không phải Ba Hương, mật danh của ông Lâm Văn Thê, bí thư Tỉnh ủy Rạch Giá. Đối phương tặc lưỡi: “Cá lớn cá bé gì cũng cá, không Ba Hương thì Ba Triêm cũng được!”

Tôi nhớ khu tạm giam ở Xẻo Rô có rất đông người. Hôm nào em gái út hai tuổi của tôi cũng khóc thét không chịu vào thăm ba, vì nó sợ mấy gã cai tù. Đêm cuối cùng chia tay, một viên cai đã chỉ đúng vào tôi: “Cho con nhỏ này ngủ với ba nó một đêm đi!” Thế là tôi được giữ lại và

đưa vào một căn phòng lát gạch, có một chiếc mùng cũ và có hình ảnh ba tôi ngồi dậy rất nhiều lần trong đêm để đập muỗi cho tôi. Đường về thăm thăm, những nhịp chèo mât hết hy vọng trong đêm, bọn nhỏ chúng tôi nhìn nước mặn nhảy nhót lân tinh để giải khuây trong im lặng náo nùng, vì nếu có cát tiếng thì má tôi và chị Hai chị Ba tôi sẽ khóc òa.

Tôi nhớ một lần, khi bom đạn còn chưa làm bình địa vườn nhà, tình cờ tôi tìm thấy trong mớ đồ lưu niệm cô tôi vẫn chôn trong một cái thùng những kỷ vật liên quan đến những ngày Chí Hòa của ba tôi. Đó là một rẻo báo cắt từ tờ báo in ở Sài Gòn đưa tin phiên tòa xử ba tôi, tên tù Lê Văn Triêm về tội làm chính trị, án 20 năm khổ sai Côn Đảo. Khổ sai ư, trong trí óc tôi khổ sai là tuyệt đường, là suốt ngày ôm còng cối xay như trong sách báo ấy. Khổ sai Côn Đảo là không có ngày về trừ phi vượt ngục được bằng bè cây. Cùng với mẩu báo là một chiếc ví thắt bằng dây cườm rất khéo dành tặng má tôi, những người tù không có gì cho người thân ngoài thứ thời gian dằng dặc. Nhưng chiến tranh đã đốt phá tất cả, rẻo báo, kỷ vật và tất cả giấy tờ sổ sách ghi chép của nhà tôi. Không còn một dòng bút tích nào của ba tôi nữa, may sao người con gái thay ông đi tập kết, người chị thứ Tư của tôi đã giữ được một bức ảnh

hỏi ông ở Chắc Băng và một cuốn sổ ghi những điều ông dặn dò khi đưa chị xuống tàu ra Bắc.

Một buổi sáng tháng Bảy ngâu dầm sùi sụt, một hung tin đã giáng xuống nhà tôi: Ba tôi đã chết trong xà lim biệt cố vì đã làm lộ tờ giấy gì đó của chi bộ nhà tù. Ông mới thụ án được có 6 năm, chưa đầy 1 phần 3 thời gian khổ sai. Ông nội tôi gục ngã luôn, chỉ bảy tháng sau thì ông qua đời. Bà nội tôi khóc khô vì nước mắt cạn, má tôi bất động thường hơn, lâu hơn, cô tôi khóc lẫn khóc lộn hết ngày dài lại đêm thâu, tất cả đã bị cuốn phăng, không còn một bóng mát đàn ông nào trong tâm tưởng cũng như trên mái nhà của chúng tôi nữa, vĩnh viễn. Anh tôi, con trai một của ba tôi được bí thư Lâm Văn Thê đem vào Khu, giấc mơ kiến trúc sư không thành, một lần tôi thấy anh khóc ba tôi trong ngày giỗ, so với chúng tôi, tiếng khóc ngắn và hộc lên như bị bóp cổ cho thấy hết tâm trạng của một người con trai mồ côi cha là như thế nào, nó nặng tựa ngàn cân, vì vậy, nó không thay đổi.

Chúng tôi lớn lên vũng vàng trong nước mắt như vậy. Đứa con nào cũng già trước tuổi và có một khoảng trống vô biên trong lòng. Người chị cả và đứa em út hai tuổi ở Xẻo Rô ngày ấy bám lại vườn nhà với má với cô và thành vợ liệt sĩ, hai liệt sĩ cùng với bức ảnh ba tôi trên bàn thờ,

tối nào nhà cũng nghỉ ngủt khói nhang. Mấy đứa con “khúc giữa” của ông ai cũng nguyên vẹn khi ra khỏi chiến tranh, chắc là vì đã có ông đóng góp máu xương cho. Ngay sau 1975 anh tôi ra Côn Đảo, Ban di tích chưa hoàn thành xong sơ đồ mộ chí, ở những nơi bạn tù của ba tôi chỉ dẫn thì nước và cỏ ống lút đầu, ba tôi có mộ không trong cánh rừng mờ mả của Hàng Dương? Chúng tôi luôn có ba ở trong lòng nhưng không có nắm mộ của ba thì thật ngoài sức tưởng tượng của chúng tôi.

Mãi đến khi kinh tế nước nhà khấm khá, đại gia đình chúng tôi mới tổ chức nổi một chuyến gồm bầu đoàn thể từ ra đảo để xin một nắm đất Hàng Dương đem về vườn nhà. Tôi dám chắc không đâu trên đất nước này tiếng gió tiếng lá nghe u hoài như ở Côn Đảo. Ba khu mộ của ba thời kỳ chiến tranh, khu tiền khởi nghĩa mộ không tên nhiều vô kể, khu chống Pháp nổi bật bởi phần mộ linh thiêng của chị Võ Thị Sáu và ba tôi lạc trong khu C của thời chống Mỹ. Tôi đi quanh quần giữa những nắm mồ khang trang bằng đá núi, được nhân viên Ban di tích dọn cỏ mỗi ngày. Chân tôi dấn dừ mãi bên trụ bia hoa cương đề Liệt sĩ Lê Văn Thêm, tôi thấy bồn chồn một niềm tin rằng những chỉ dẫn của bạn tù cho gia đình tôi đã không lầm. Tôi chạy ù vào văn phòng Ban di tích, những anh

chị em vì tính đã làm hiện lên tên tuổi cùng ngày mất của ba tôi trong khi bia mộ đã khắc nhầm Lê Văn Triêm thành Lê Văn Thêm. Không gì sánh nổi với giây phút ấy. Cả nhà chúng tôi đã đoàn viên, kể mất người còn nhưng đã đoàn viên giữa hương hồn của hàng vạn người ở Hàng Dương. Bên dưới tấm mộ bia đồng loạt bằng hoa cương của sau này, chúng tôi tìm thấy một tấm mộ đá rất thấp tạc số tù của ba tôi, tên họ của ông bà nội tôi, bản quán Cao Lãnh của dòng họ tôi và dĩ nhiên, ngày âm cùng với ngày dương của liệt sĩ. Những người bạn tù của ông đã chu đáo và vội vã khắc nguệch ngoạc lên đó không thiếu một thông tin gì. Ba tôi đã được chăm sóc âm thầm để chúng tôi có lại ông như vậy, hôm nay.

Một người cha là như thế nào, đứa con nào cũng thường trực câu hỏi ấy khi đi tìm chân dung hoặc đầy đủ hoặc thoáng qua của cha mình. Bởi người cha là nóc nhà, nhà chúng tôi có tới hai lớp, lớp ngoài của ông nội tôi và bên trong là ba tôi, càng ngày tôi càng nghiệm thấy sự vững chắc đó trong tư chất, cốt cách và sự nghiệp của chính mình. Ba tôi cho tất cả anh chị em tôi gien văn hay chữ tốt nhưng tôi là đứa thừa hưởng rõ rệt nhất. Và hơn thế, trên tất cả là tiết tháo, lễ sống và sự xả thân với cuộc đời này. Không ít lần tôi tự hỏi, nếu ba tôi còn sống để

thành người thành đạt cùng thời với những bạn bè rường cột quốc gia của ông thì chúng tôi sẽ ra sao, chắc sẽ là những cô cậu hãnh hố và giàu sụ. Hay là ông sẽ rút lui sớm, đi ẩn tại vườn nhà và mỉm cười độ lượng với nhiều nhương? Không biết nữa, chỉ biết là ba tôi như vậy, một tấm gương để tôi tự hào và để tôi phải làm cho ông được tự hào.

Nói với con trai

Chưa khi nào mẹ nói với con mẹ ghi nhớ nhất những hình ảnh nào thời con thơ ấu. Đơn giản vì con là con trai, giữa mẹ con ta không có những phút giây cà kê như giữa mẹ và chị gái của con. Sâu xa, các bà mẹ đều như nhau ở nơi các con được cất giữ nhưng ngăn dành cho con trai thì được khóa kín hơn, chính vì vậy mà chúng như nó khuất hơn và cũng nặng hơn.

Mẹ nhớ giây phút con sắp chào đời, đương nhiên là vậy. Con kiên quyết và dữ dội ở cái cách con quấy đạp trong không gian tù túng bấy lâu để mong được thoát ra và để hét lên tiếng hét làm người vang dội. Đau đớn và hạnh phúc, không ở đâu hai thứ ấy liền kề một cách tột đỉnh như vậy trong giờ phút mẹ lâm bồn. Một thiên thần

hiện ra, vì không có cánh nên thiên thần sẽ có số phận của cát bụi, không lẫn lộn với bất cứ thiên thần nào khác. Mẹ thấy con ngồi sáng, bởi mắt mẹ không còn tỉnh táo nữa rồi, mẹ mù mị trong tình mẫu tử mênh mông và thiên vị. Rồi con vào tháng thứ 3, tháng thứ 6, tháng thứ 9... những cái mốc như những bậc thang đều đều quan trọng. Mẹ như còn nghe thấy mùi thơm bên khước miệng ươn ướt của con khi con cười con khóc. Nhưng mẹ nhớ nhất lúc con lần bên thành giường tập đi vào tháng thứ 12, con bậm môi chạy a đến chỗ mẹ, khi đến nơi con mới bật cười. Tại sao hình ảnh ấy sâu sắc và mãnh liệt nhất trong mẹ? Có lẽ vì con biết đi sớm và vì cái cách con gan góc bước đi để đến với cái đích của mình.

Tuổi thơ của con nhiều mụn nhọt do sữa quá date và thiếu thốn trăm bề. Nhưng con còn được ngao du một mình trên đường từ trường học về nhà bởi bao vây mẹ con mình là khung cảnh nghèo đói một cách giản đơn. Con thanh thản lớn lên, con bằng lòng với từ trường sách vở của nhà ta, con chấp nhận dễ dàng yêu cầu tự lập từ mẹ, con là đứa con ngoan từ trong gien, từ trong bản chất. Con đặc biệt miễn cảm với những nhân vật trong Tam quốc chí và khi mới 11 tuổi, con đã biết hỏi: “Tham nhũng là sao hở mẹ?” Chùng như tuổi thơ đã tạm biệt

con ở câu hỏi này, đôi mắt trong xanh ngơ ngác. Mẹ vui mừng và âu lo, con đã vào đời bằng suy nghĩ trước khi con chính thức đặt đôi chân của mình lên con đường chắc chắn chẳng có hoa hồng nào cả.

Một chàng trai giữa trời đất thì sẽ như thế nào, đó không chỉ là câu hỏi mà là khát vọng của mẹ, như mọi bà mẹ trên đời. Thông minh và đỉnh ngộ, đủ chưa? Không cần ba hay mẹ phải quy lụy ai, con đi một bước vào đại học, mẹ âm thầm cảm kích xiết bao. Nhưng có bằng đại học thì đã có thể coi là nên người chưa? Tủ sách của gia đình tiếp tục là giá đỡ cho con. Nghèo hay không nghèo hơn nhau ở chỗ ấy, mẹ không dạy bảo thành lời nhưng hành vi của mẹ nói với con như vậy. Con than thở: “Nhà mình mua một nải chuối ăn cũng phải tính!” Như vậy là con đã nhìn thấy những ai đó bồng lộc đầy nhà ăn không xuể. Nhưng con không phụng phịu như những đứa trẻ khác. Mẹ thở dài đau xót, đây không phải chuyện khoảng cách giàu nghèo tự nhiên mà là chuyện mẹ con ta đang hít thở bằng không khí nào, mình bạch hay không mình bạch. Không phải nước chảy hai dòng bên đục bên trong mà chúng đã bị trộn vào nhau, ai không chịu được bản thì quấy đập, sặc sụa và bế tắc. Con vẫn gan góc trong sở học của mình nhưng đã nao núng: “Ra trường không biết

con chọn con đường nào, chính trị hay kinh tế đây?” Chị gái của con buột miệng: “Em nên chọn con đường đủ ăn cho ba mẹ nhờ!”

Con chọn công sở, như rất nhiều người. An phận thủ thường, lại điệp khúc nghèo, mua một nải chuối cũng phải tính. Nhưng chắc gì cây muốn lặng mà gió chẳng đùa. Từ bao giờ công sở cũng là chiến trường? Con không phải hỏi mẹ Tham những là gì nữa, con chỉ băn khoăn mình ngồi ngó được bao lâu trong dòng vắn đục này. Con vắng cơm chiều nhiều hơn, con bảo thời này không bia rượu thì không ai chơi với, dân công sở được người ngoài công sở bao còn mình thì phải bao lại những người nào đó nếu muốn thêm lương thêm chức. Mẹ thấy con hao mòn sức lực và ý chí, con sẽ biến thành số đông: buông xuôi, tầm thường và bạc nhược. Không ai chọn được cha mẹ và quê hương, cũng không ai chọn thời thế sinh ra mình nhưng con trai của mẹ sẽ làm trai như thế nào trong thời buổi nháo nhương này?

Gia đình nhỏ của con trong tương lai sẽ như thế nào? Một người con gái đang ở đâu đó sẽ bước vào đời con và sẽ bước vào ngưỡng cửa nhà mình để kêu mẹ là mẹ? Dĩ nhiên mẹ muốn nàng dâu duy nhất của mình phải xinh, phải ngoan, phải hiền và phải hiện đại. Liệu các tiêu

chuẩn ấy có phối với nhau nhịp nhàng trong một con người được không? Mẹ không biết, đó là một ẩn số vĩ đại không kém gì ẩn số hình dạng, dung mạo và những phẩm chất của con khi con còn chưa được sinh ra. Mẹ hào hứng và hồi hộp, mẹ sẽ chấp nhận hết, mẹ nguyện là sẽ không can thiệp, không gây chiến cho dù người phụ nữ ấy như thế nào với mẹ. Miễn là con yêu, con sống được và con vui. Mẹ sẽ đỡ đần cho con trong khoảng cách mới giữa mẹ và các con, nhất định sẽ là một khoảng cách độc lập để con được tự nhiên, hạnh phúc. Mẹ không yêu cầu ở các con bất cứ điều gì, tiền bạc, thời gian, nghĩa cử, bởi mẹ biết các con có nhiều thứ để vật lộn hơn cái thời của ba và mẹ.

Trên tất cả, con là một chàng trai phải có thân trai trong thời buổi gian nan này. Mẹ vẫn tin và yêu con hơn mọi thứ trên đời.

Tuổi thơ của mỗi người

Nắng đang ngọt đi nhiều. Phải có gió có mây và có hơi nước thì mới lọc ra được thứ nắng này. Đã biết nắng ở Lào, nắng ở Phnôm-pênh, cũng dọc đường Mê Kông đầy nhưng với mệnh mang Nam bộ thì nắng mới dịu dàng như vậy vào những ngày Tết. Bồn chồn, thúc giục, không ai chờ không có gì đang đợi mà vẫn cứ rạo rục không yên. Thì ra phía trước mình là tuổi thơ của chính mình, biết rằng người già không thích thêm tuổi thêm năm nhưng cứ chạm vào nắng và gió này thì ký ức tung tăng chân sáo lên ngay.

Xóm ấp khang trang, yên bình. Giữa hai cuộc chiến, thời kỳ im ắng ngẩn ngủ nhưng vẫn cứ là thanh bình. Hay là vì tuổi thơ vô lo nên mọi thứ bị kịch còn trượt bên

ngoài mình, mở mắt ra chỉ thấy sông trong, nước ngọt, gió lành, trái thơm. Hồi ấy tôi mới bốn hay năm tuổi gì đó. Những nếp nhà vững chãi, người giàu ở xen với người nghèo, thân ái, yên ổn. Mỗi ấp vài chục nóc nhà có một trường tiểu học, cô giáo áo dài thướt tha, không thấy cô mặc đồ thường bao giờ. Nhà giàu lập hàng rào bằng cây đâm bụi sắt xén nghiêm ngặt như cây ở công viên thị xã, nhà nghèo sân để mở với những khóm bông mười giờ hay bông mỏng gà tự nhiên mà vẫn thắm. Lớn lên và ngao du nhiều mới biết khuôn viên nói lên văn hóa sống mỗi nhà và diện mạo làng xóm nói lên tâm thế xã hội của dân cư nơi đó. Một câu thơ của bạn tôi: *Nhìn hoa vũ trụ sáng*.

Nhà nào cũng có mai vàng. Nhà giàu gốc mai được xây thành bệ, bệ thế. Nhà nghèo gốc chan hòa với mặt sân nhấm dẫu chân heo chân vịt nhưng được trút lá là mai ra nụ tung bùng, không câu nệ mình đang cấm ở chỗ sang hay chỗ khó. Sau 1975 nhiều người mới Nam tiến kêu miền Nam không có Tết. Hình như người ta quen kiểu áp đặt chủ quan của người gần nguồn gần cội. Tết Nam bộ chan hòa nắng chan hòa mai, ai thắm được nó thì mới thấy đích thị Tết đấy. Nó hợp với áo dài, với bánh mứt và dưa kiệu, nó sinh ra phóng khoáng và giòn giã. Nó cho người mở cõi những quả xoài phồn thực hết cỡ, nó dâng

hiển cho quốc gia một vùng văn hóa có tên là “văn hóa miệt vườn”.

Ngày cuối năm cố định một trình tự thiêng liêng mẫu mực. Người lớn tất bật nghiêm trang, trẻ nhỏ cũng bị cuốn vào những công việc không tên hồi hải. Tôi nhớ bộ bà ba lụa tơ tằm của ông nội bên mâm cơm rước ông bà, trang trọng thành kính. Các ông chú ở gần cũng ngồi tam bản về để thấp nhang bàn thờ chính, ai cũng cao ráo, mực thước. Dấu ấn thời khẩn hoang để lại trên tính cách những người đàn ông tôi ngưỡng mộ dáng người rất thẳng, cốt cách hào sảng nhưng rất mực tôn ti trật tự với ông anh lớn. Đối trọng với họ là những người phụ nữ vén khéo, nhu mì, làm nhiều nói ít. Chị em chúng tôi được nuôi dưỡng bằng hành vi của người thân và mỗi năm tôi thấy mình thấm nhuần nền nếp gia phong như một cái cây lớn dần lên trong chầu.

Tôi thấy ghệt thở với tiếng trống lân. Cũng lấy làm lạ cho mình, tôi không thấy cảm hứng với bộ mặt khô hài của ông địa mà chỉ chăm chú với bước nhảy của người đội lân. Cao trào là khi lân đi qua những chiếc cầu khỉ bằng những bước chân điêu luyện. Thấy lại bước chân mở đất của ông nội và các ông chú tôi. Sau này tôi mới biết vì sao bước nhảy của lân lại có quan hệ với truyện thơ Lục Vân

Tiên mà bà nội tôi say mê ngâm ngợi hàng đêm. Đó là tình thần thượng võ có từ trong gien trong máu của tôi khi gia phả ghi rằng ba tôi là thế hệ thứ 8 của một ông tổ từ Bình Định vào miền Tây lập nghiệp sau khi nhà Nguyễn thu phục nốt trấn Hà Tiên của nhà Mạc Cửu. Những quần bò áo bố chỉ còn trong những bài ca tiết kiệm được xướng lên mỗi khi cần thiết như một thứ kinh kệ trong nhà. Tôi đã được sinh ra trong thời người nghèo cũng có thể sắm vài Mỹ A hay lựa tơ tằm Tân Châu để mặc ba ngày Tết.

Mồng Một tết cha mồng Ba tết thầy. Người ta đi như trẩy hội trên những cánh đồng chỉ còn tro màu rạ sáng. Người về nội kẻ về ngoại, đứa đi tết cô đứa đi tết thầy. Những cánh đồng chưa có nhiều kênh thủy lợi cho lúa tăng vụ, những cánh đồng nguyên sinh cò bay thẳng cánh. Thơ thới thanh bình. Không làm sao khôi phục được danh tiếng của những cánh đồng ấy nữa. Nhớ mãi sắc áo em thơ xanh đỏ tím vàng trong nắng mặt, nhớ tiếng chân mình ràn rạt trên đầu rạ thơm và nhớ mùi con cúi từ những đồng rơm trên đường về buổi tối. Bập bùng lửa bập bùng vui. Làng quê như tấm khăn rộng vô biên cho mọi người, ai cũng được phần thân thiện và tao nhã.

Một tuổi thơ thật sự bị chặt khúc từ khi người ta lập Khu trù mật và xử sự với những người mới kết thúc cuộc kháng chiến với Pháp bằng luật 10/59. Bảy tuổi tôi đã không còn thơ ấu nữa nhưng từ khi biết rộn ràng với nắng với mai với lân với Tết cho tới lúc phải đóng vai chiến sĩ tí hon, đó là quãng lặng quý giá như sau này, thỉnh thoảng chiến tranh vẫn tự nhiên có những lúc chùng xuống một cách đau đớn như vậy. Bảy năm cho sự nhân chân một nông thôn từng rất tốt đẹp và lành mạnh như vậy đó. Ai chẳng có tuổi thơ của mình, người sung sướng tuổi thơ dang dặc nhưng lựa, kẻ bất hạnh tuổi thơ bầm dập đau buồn. Trong cảnh cha đi biển biệt sớm rồi thành tù nhân khổ sai Côn Đảo, nhờ vườn tược và cái nôi hồn hậu của xóm làng mà tôi thấy mình đầy đủ.

Không ai có thể lấy mất tuổi thơ của ai nếu người đó thật lòng lưu giữ. Nhưng tôi đã không nhìn thấy tuổi thơ của những em nhỏ ở quê khi vườn toàn cây tạp, sông quá nhiều lục bình, ánh điện sáng đêm bên những cỗ bài tá lả và mỗi khi lễ lạc, những gã đàn ông trẻ măng lác lác với những can rượu hai mươi lít. Ai đã xóa sổ làng quê ký ức của tôi? Nắng vẫn hiền gió vẫn tươi sông vẫn đầy nhưng mọi thứ đã là một thời khác, của một kiếp khác. Vì vậy mà tuổi thơ của tôi là của riêng tôi và cũng chính tôi mới

thấy hết giá trị của nó. Lại thật, tôi vẫn cứ ngạc nhiên rằng sao tuổi thơ ngắn mà trữ lượng của nó lại dồi dào, một nghịch lý bất thường, hay vì hồn cốt làng quê quá mạnh nên dù có đi đâu và làm nghề gì, mình vẫn không quên được sức ám ảnh của nó?

Bài học cộng sinh

Cuốn phim bắt đầu bằng cảnh một bầy trâu rừng chuẩn bị ứng phó với bóng đêm. Khung cảnh châu Phi cỗi mở và hoang dã. Gã trâu đầu đàn cực kỳ to lớn và oai vệ chạy một vòng tròn quanh đàn trâu để kiểm soát. Những gã trâu trai tráng khác bám sau vị trâu thủ lĩnh làm thành một vòng chiến binh dũng cảm. Đêm xuống phập phồng. Bầy trâu nằm quây tròn, những mọ trâu và con nghé ở trong. Chúng không có vẻ thông thả như trâu nhà, chúng thao thức một cách bản năng vì bóng tối thật bí hiểm.

Bầy sư tử xuất hiện. Thật ra chúng đã cộng sinh với bầy trâu từ xưa xưa, không biết từ bao giờ, chắc là từ khi tự nhiên sinh ra cả hai và sàng lọc để chúng làm “hàng xóm”

của nhau cả ngày lẫn đêm trong cuộc rượt đuổi vòng tròn trên vùng đất này. Ống kính cho thấy cảnh một con trâu đau đẽ trong đêm. Dù lũ hàng xóm có ranh ma hung tợn thì cuộc sống vẫn cứ phải tiếp diễn, sinh sôi. Cả đàn trâu được dựng dậy để bảo vệ một sinh linh vừa mới chào đời. Một khoảng đất mở ra để mẹ con mợ trâu kia rộng chỗ. Trâu con lập cập đứng lên, quy xuống rồi lại đứng lên và thế là đàn trâu bắt đầu di chuyển. Vì một thành viên cần phải tập đi mà trâu thủ lĩnh đã bắt cả bầy phải chuyển động. Chậm chạp và dút khoát, rùng rùng trong đêm, trâu mợ và lũ nghé đi trong, trâu chiến binh vòng ngoài còn trâu quân vương thì xông pha khi đối đầu khi bọc lót, dững mãnh, tận tụy.

Sư tử đói meo nhiều ngày khi theo bước đàn trâu buơn qua trảng, buơn qua đầm và giờ thì cả hai lực lượng đang đi vào một đồng cỏ bằng phẳng. Chứa sơn lâm có độc lảng vảng đâu đó trong ráng chiều, tiếng gầm của nó vang động hoàng hôn. Bầy sư tử cái tìm thấy một nơi lý tưởng để giấu những con sư tử nhỏ, đó là những cụm dứa cạn lòa xòa kín mít và kiên cố. Bắt đầu một cuộc săn mồi nham hiểm, nhà nghề. Những mẹ sư tử lẫn xả vào đàn trâu để khiến đối phương bộc lộ những thành viên yếu ớt. Những trụ sư tử vị thành niên hăng máu hòa theo. Con

nghe trâu đêm trước trở thành kẻ xấu số đầu tiên. Miếng mồi bé tí đang ngon thì chúa sơn lâm xuất hiện, cả đám đàn bà con gái con trai nhà sư tử bỏ chạy để bảo mạng, mặc gã sư tử chúa cô độc với bữa ăn đoạt được từ quyền lực trị vì của gã.

Cuộc chiến tiếp tục, mỗi giờ mỗi khốc liệt hơn. Hoàng hôn đẫm máu. Lần này là một chú trâu đã nhú sừng. Tồn hại bất khả kháng. Đàn trâu không hèn nhưng sư tử quá ranh ma. Chúng, lũ sư tử dai nhách ấy dám bỏ ra hàng giờ liền chỉ để giả vờ thiu thiu ngủ sát bên chỗ đàn trâu nằm, những khoảnh khắc yên bình giả tạo nhưng hiểm hoi, để cả hai thư giãn sau nhiều giờ cân não. Đàn trâu đặc biệt sung sức sau một đêm nằm nghỉ, những buổi sáng ấy sư tử lại quay ra vui thú với con thơ, kiên nhẫn chờ chiều xuống. Có cái gì đó khiến lũ trâu cứ phải đi như thể tìm đường để thoát khỏi một cái bẫy. Và rõ ràng, sư tử lại dư thừa nham hiểm để biết rồi sẽ có những chú trâu bị tụt hậu. Lại một đợt tấn công và lần này là một gã trâu chưa có kinh nghiệm chiến trường, một gã trâu cỡ vừa sớm bị qui trình sinh tồn sàng lọc. Trâu thủ lĩnh đã gọi đám trâu cận vệ giải cứu nhưng nếu không chấp nhận sự hy sinh này thì bầy trâu sẽ không yên ổn để đi tiếp. Đám sư tử con trong khóm dừa háo hức thu nhận bài học sẵn mồi từ

mẹ chúng qua kẻ lá. Một lần nữa mấy thợ săn lại bắt ăn vì bóng gã thợ săn chúa đã thấp thoáng đằng xa, bồng tung bay trong nắng chiều, tham lam, kiêu ngạo.

Su tử và trâu rừng cùng tìm cách song hành khi bên dưới chúng là đầm lầy và cá sấu. Khoảnh khắc hòa bình chóng vánh nhưng có thật. Khi giữa hai bên là một đối thủ nguy hiểm thì sự hòa hoãn xuất hiện. Nhưng đồng cỏ đã mở ra, khung cảnh thanh bình cho lũ trâu nhưng với thợ săn thì đây là mảnh đất của chiến địa. Đàn trâu ăn uống, yêu đương và sinh đẻ trong không khí chiến tranh ấy. Lại những đợt di chuyển vừa tràn đầy hy vọng vừa lại tràn đầy tuyệt vọng. Châu Phi rộng lớn gì đâu, trái đất có bao la gì đâu. Đàn trâu thiếu đất dung thân mà thợ săn thì luôn luôn thiếu mồi. Giả sử không có lũ hàng xóm tham lam kia thì đám trâu rừng này sẽ như thế nào? Chắc chắn chúng sẽ kém cỏi đi, vì vậy mà chúng không đáng để người xem ngưỡng mộ và kỳ vọng như vậy.

Bóng tối nhá nhem. Thời điểm của ma quỷ sắp sạo. Một bầy voi lướt qua giữa thợ săn và trâu rừng. Cũng voi đầu đàn hùng dũng và cũng voi cái voi con lùm đùm phía sau. Nhưng với thợ săn, trâu rừng đáng giá hơn. Trong lúc đàn trâu ngổ ngàng với đoàn lũ khách vừa lướt qua thì lũ thợ săn đã đồng loạt tấn công. Lần này kẻ quy ngã là một gã trâu

lực lưỡng trong đám trâu cận vệ của thủ lĩnh. Đợt giải cứu thứ nhất thành công. Sư tử bị những chiếc sừng nhọn hoắt làm cho chúng phải giạt ra, phân tán. Nhưng mùi máu quá gần, gã trâu sơ sểnh kia đã bị lồm một chỗ ở cạnh đuôi. Đàn trâu tiếp tục vừa đi vừa quay lại hù dọa đối phương nếu cứ lảng nhãng như vậy. Tất cả lũ sư tử cái trên đồng cỏ đã được gọi đến. Đợt giải cứu lần thứ hai của trâu thủ lĩnh thành công. Nhiều bạn trâu trong đàn quay lại giúp gã trâu bị thương đứng vững. Cuộc săn đuổi không ngừng nghỉ. Gã trâu lại bị tấn công lần nữa. Lần này, một mình thủ lĩnh gầm gừ quay lại khiến lũ sư tử háu ăn tháo chạy tán loạn. Nhưng thay vì đỡ gã trâu đứng lên, thủ lĩnh chỉ dùng mũi thăm dò và rồi trâu ta húc những cú húc dữ dội vào gã thuộc hạ đang kêu rên trên mặt cỏ. Một sự kết án, một kiểu trừng phạt hay một sự kết thúc ân nghĩa? Những phút giây bi tráng, ngột thở, lay động.

Màn hình kết thúc bằng hình ảnh những chú nghé con chiến đấu với lũ sư tử bé vừa xông ra từ lùm cây. Trong sự cộng sinh vui ít buồn nhiều này, bầy trâu đã không phụ lòng thương để ở cách tổ chúc bầy đàn. Chúng không đón hèn, chúng không bởi bã, chúng luôn đứng cảm bên nhau và nếu cần, chúng sẽ chấp nhận hy sinh cho bầy đàn của mình được tồn tại để tiến lên.

Câu chuyện hòa bình

Là người bị cuộc chiến nướng gần hết thời tươi đẹp nhất của mình nhưng tôi không nghĩ về nó với cảm giác chiến thắng. Thế nhưng ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì đặc biệt thiêng liêng, không sao quên được. Hơn cả ngày cưới, hơn cả ngày sinh đứa con đầu lòng, trên tất cả, đó là sự hồi sinh. Cảm giác về hòa bình thật sâu sắc, chỉ có nước mắt mới diễn tả được nó. Mỗi khi đứng trước màu xanh lá mạ hay về êm đềm của một dòng sông tôi đều thấy rung rung bởi vẻ thanh bình quá đổi hiếm hoi của nó. Phải có hòa bình thì mới có thanh bình nhưng hậu chiến bồi bồi, lòng người ly tán và cuộc chiến ở hai đầu đất nước đã biến những khoảnh khắc thanh bình thành mong manh, chưa xót.

Nhớ cảm giác khi bắt đầu nhận được tin dữ từ biên giới Tây Nam. Cốc rượu hòa bình chưa kịp nhấp thì đã loạn lạc đảo điên. Tôi cảm thấy bằng sự miễn cảm của một người viết văn và làm báo. Cảm giác rõ ràng về một cuộc chiến kỳ quặc. Đành lật lại Việt Nam sử lược để tự lý giải những co kéo của lịch sử. Có tránh né gì thì đây cũng đích thị là cuộc chiến thứ ba mà dân tộc Việt Nam phải tiến hành trong vòng một thế kỷ. Quá nhiều máu xương và bi kịch. Bận đó rồi thù đó hay đơn giản các nước nhỏ là một lũ tốt đen trên bàn cờ các nước lớn? Hay không bao giờ có từ *Bạn* đúng nghĩa mà chỉ có “các mối quan hệ đều tạm thời, quyền lợi mới là vĩnh viễn”, như chủ thuyết của quốc gia lân bang?

Hồi ấy chúng tôi đi sang Phnom Penh bằng đường Mộc Bài - Tây Ninh. Tháng 4 năm 1979, tức mấy tháng sau khi bộ đội Việt Nam đẩy được bọn Pôn Pốt lên biên giới Thái Lan. Vẫn tinh thần đi thực tế chiến trường, vẫn tâm trạng bất an với chiến tranh, vẫn tình thương người lính chưa biết thế nào là hòa bình đúng nghĩa. Ba mươi năm trước tôi mới 27 tuổi, không còn trẻ nhưng vẫn thanh xuân với ý thức dân thân. Người dân Cam-pu-chia hai bên quốc lộ vẫy tay reo hò mấy tháng liền với bất cứ bóng dáng Việt Nam nào. Tâm trạng được tái sinh chứ

không chỉ là hồi sinh. Thế giới cáo giác có mầm họa diệt chủng ở đất nước Chùa Tháp nhưng thế giới đã bất động, thậm chí các nước lớn còn mặc nhiên cho ai đó hậu thuẫn cho Pôn Pốt. Khi những nụ cười tái sinh trong người dân Cam-pu-chia thì thế giới làm ngơ, âu là, vẫn bài toán giữa các nước lớn đây mà.

Tôi đi Cam-pu-chia lần thứ hai, lần thứ ba rồi lần thứ tư. Thấy những vạt mạ non quanh những gốc thốt nốt u buồn. Có hòa bình rồi mới có thanh bình. Câu hỏi hồi trước trở đi trở lại nhiều đau đớn hơn: nếu ở phía bắc là mối quan hệ cần phải dè chừng thì ở phía nam lại có cái gì đó rất chung trong bi kịch của anh em nước nhỏ diu nhau đi qua sóng gió. Một cánh đồng chung, phẳng lặng, bên này cây dừa làm biểu tượng còn bên kia cây thốt nốt đặc trưng. Buồn vui chung khoảnh khắc của màu mạ, chung một gợn lúa khi chiều tà, khi trăng lên. Người Việt Nam cần rằng với điều tiếng để có một Cam-pu-chia thanh bình hôm nay. Có bao nhiêu hương hồn của chiến binh Việt Nam lẫn quẩn trên tàng thốt nốt trong những cuộc viễn chinh trợ giúp từ xa xưa đến giờ?

Không sao quên được hình ảnh những chàng sĩ quan trung đoàn đêm chia tay với các nhà báo nhà văn ở một nơi nổi tiếng về bệnh sốt rét. Những câu chuyện bộ đội

Việt Nam chết khát trên các điểm cao được nhắc đi nhắc lại như những cái chết chưa từng có trong lịch sử chiến trận của đội quân thiện chiến. Và những câu hát uỷ mị của những người lính xa nhà xa nước: *Chỉ còn bên nhau một giây nữa thôi. Một giây phút thôi là xa nhau rồi... Tiếc chi một đêm, ta tiếc chi một đêm rồi xa nhau nghìn trùng...* Chưa bao giờ cả hai phía thấy nặng nề và nức nở như vậy. Không lâu sau tôi được tin những người lính nài nỉ chúng tôi đừng tiếc gì với họ ấy đã hy sinh trong một trận đánh lớn, không còn một ai. Lần khác, người ta báo tin đã chở bằng máy bay về Viện quân y 121 một sĩ quan mà tôi đã quen thân, hiện anh ấy đang thoi thóp, có thể ra đi bất cứ lúc nào. Tôi chạy đến, nhìn thấy một bộ xương khô chứ không phải một người hùng. Và từ trong sân viện, tôi nhìn thấy những thanh niên cụt một chân xanh xao bên chiếc nạng, nhiều, nhiều không đếm xuể, nhiều đến mức tôi phải nghĩ, cuộc chiến thứ ba này chúng ta thắng hay thua. Một lần nữa các nước nhỏ lại thua, các bà mẹ chúng ta lại thua, đất nước lại lãnh đủ mà họa chiến tranh thì vẫn còn ở mưu đồ của các nước lớn. Muốn khóc rống lên khi nhớ một dây lán quân y của một sư đoàn ở Pai-lin và Ta Sanh đất Bạ. Một vị bác sĩ kể: “Cậu nào cũng trẻ, cậu nào cũng phải bị cưa chân mới bảo toàn được tính mạng,

cậu nào cũng kêu *Má ơi* khi nghe tiếng cửa xiết qua người rồi cậu nào cũng ngóc dậy hỏi dép đâu dù biết từ nay chỉ còn một chân để đi dép!”

Đã 30 năm rồi ư? Ba mươi năm rồi các nước lớn mới thu xếp được với nhau để có một phiên tòa xét xử bọn đao phủ còn tệ hại hơn các bạo chúa thời trung cổ. Ai sẽ công bằng cho dân tộc Việt Nam đây? Thời Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại xẻ rừng đào kênh để xác lập đường biên, ông cũng đã không ít lần phải viễn chinh để trợ giúp những cuộc nội chiến bên ấy. Lịch sử cứ lặp đi lặp lại, hai dân tộc cứ phải diu nhau đi qua ba đào. Sau năm 1989, căn hộ nhỏ xíu của mấy mẹ con tôi ở Cần Thơ vẫn tiếp tục là nơi đi về của nhiều người lính mà tôi từng quen biết. Người bị tàn phế sắp ra quân và không biết sống bằng nghề gì. Người chờ xuất khẩu lao động sang Tiệp, sang Đức. Người đang điều trị tại ngoại để có khoẻ mạnh mà trở về với vợ con... Chúng tôi hay nói cùng một chuyện, cùng nhớ về những địa danh xa xôi và cùng thờ dài khi cuộc sống thường nhật áp sát. Tất cả họ đều mang trong lòng ký ức trĩu nặng và di chứng khổ đau vì sốt rét. Và rồi con gái tôi “thừa hưởng” ngay bệnh sốt rét từ những vị khách ấy. Căn bệnh đã giết chết tuổi trẻ của con tôi nhưng tôi tự an ủi, rằng dù sao tôi cũng là một bà mẹ may mắn,

con tôi chỉ bị sốt rét chứ đâu có cụt chân, đã thật sự hòa bình và rồi sẽ có thanh bình và mọi thứ.

Nhưng bao giờ thì các nước lớn hết tham vọng và bao giờ thì các nước nhỏ mới có nền hòa bình vĩnh viễn như mong ước?

Tóc chết

Không nhớ rõ lần đầu nhìn thấy tóc mình bạc là lúc nào, chỉ nhớ cảm giác buồn lặng đi trước gương. Vào khoảng 35 tuổi thì phải. Bạc quá sớm, bạc trước cả anh cả chị trong nhà. Má nói do cái nghề chẳng giống ai, lấy đêm làm ngày, tần mần chữ nghĩa, mà chữ nghĩa thì đi liền với khổ nhọc và tai vạ.

Con gái khi đó đang tuổi quán mẹ, lấy nhíp bảo mẹ ngồi dựa vô lòng đây con nhổ mấy sợi tóc ngứa xĩa lên chỗ đường ngôi nè. Sống lại trọn vẹn hình ảnh những buổi trưa trong vườn hương hỏa. Hai má con ngồi dựa vô gốc dừa, nương liếp thanh bình, gió đồng mát rượi. Và má sung sướng tê mê mỗi khi con gái chấm xuống đầu gói

má một sợi tóc sâu ngắn ngắn. Má sướng không phải vì được cắt đi một sợi tóc cần cỗi mà còn vì cảm giác được nhờ con, được con chăm sóc. Lúc ấy má đã vào tuổi trung niên, tóc má bạc phải lúc chứ không bạc tề bạc hại như tóc của mình. “Đã mang lấy nghiệp vào thân. Thì đừng trách lẫn trời gần trời xa”.

Nếu không nhờ công nghệ tân tiến của thuốc nhuộm thì nhìn từ phía sau hai má con sẽ giống như hai chị em ở cái phom người và mái tóc trắng cước. Mỗi lần má lên thành, thấy con gái để chân tóc trắng thái dương là má đã nhắc đi nhuộm. Hỏi sao hồi đó cỡ tuổi con má để trắng còn con thì má giục? Má cười buồn: “Má góa bụa, trắng đen xấu đẹp ai cần, còn con, phải biết chăm chút cái dung nhan!”. Con gái cũng bảo “Thời ngoại khác thời mẹ khác”. Quả thật là khác, thời của má góa bụa vì chiến tranh, sống và chết chứ không phải sống như thế nào. Thời nay người ta không chỉ lo cho chất lượng sống như thế nào mà còn có quá nhiều mối phải bạc tóc. Nông thôn tiêu điều, phố phường hỗn loạn, trẻ con không có tuổi thơ vì học hành và người già thì trần ai với chữa bệnh. Nghĩ như vậy thì có quá bao đồng không, hay cứ làm người vô cảm cho đen tóc?

Khu phố ngắn mà có tới mười tiệm làm đầu. Toàn các cô gái trẻ miền Tây, miền Đông và cả miền ngoài chen

chúc kiếm sống. Chọn lấy một tiệm toàn những cô đứng tuổi chân chỉ chứ không váy ngắn hay tóc tím tóc vàng để bảo đảm thái độ mộc mạc và giá cả bình dân. Cô thợ chính lừa tay vào gáy khách: “Cô trẻ mà nhiều tóc chết quá cô ơi!”. Tóc chết, cảm ơn nhân dân đã cho mình một từ hay, chao ơi, tiếng Việt sinh sôi là nhờ những người bạc mặt với sinh nhai chứ không phải từ những người hàn lâm tháp ngà. Tóc chết, quá xác đáng, tóc phải chết rồi người mới chết, vì vậy mà những người chết trẻ khi tóc đang xanh luôn khiến người ta bàng hoàng xúc động. Tóc chết, mọi bộ phận trong cơ thể nếu lở chết sớm thì tính mạng nguy nan, riêng chỉ có tóc chết thì lại khiến mình an lòng, thậm chí kiêu hãnh.

Lại nhớ má. Má chung sống với mái tóc chết khoảng ba chục năm trời, tức từ khoảng năm mươi tuổi thì tóc má đã bạc phùng lên hết. Đám cháu nội cháu ngoại bảo má giống bà tiên. Về già má không để mái tóc bới qua loa nữa mà bắt con cái đưa đi tiệm để cắt rồi uốn bông cao lên. Má bắt đầu sống bù những ngày không biết đến tiệm tóc và mỹ phẩm. Má nhìn thẳng vào gương, má vui vẻ với mái tóc không nhuộm và má trở nên yêu đời như thể hồi sinh. Má chẳng những thích nghi hoàn toàn với mái tóc trắng sớm mà còn tự hào vì nó đã trắng xoá hết, nó đẹp

vẻ đẹp của viêm mãn, đến bến đến bờ. Má không biết tổng kết cuộc sống xả thân của mình bằng lời lẽ hay chữ nghĩa, nhưng má đã bày tỏ điều đó khi ngồi trước nhiều tấm gương trong tiệm tóc. Má thấy mình đầy đủ từ phía trước phía sau, má toại nguyện là mình đã ở vậy đến hết đời để chèo chống. Má, hình ảnh lẩn át trong tâm tưởng con cháu là nụ cười phúc hậu của một bà tiên dưới mái đầu bông bênh mây trắng.

Nếu má biết các cô tiệm tóc bây giờ gọi tóc bạc là tóc chết thì liệu má có thanh thản với mái tóc khổ vọng của mình không? Ai rồi cũng như thế cả, mới đầu là những sợi tóc nổi loạn, sau thì chúng ngang nhiên và rồi chúng sẽ đông dần lên, chiếm lĩnh. Quy luật thuận chiều. Đến một lúc nào đó con người sẽ thấy mình kỳ dị nếu trên đầu chỉ toàn tóc đen. Mình là người gì mà không có tóc bạc? Mình vô tâm, mình ít nghĩ, mình tốt gien hay mình sống cạn? Chắc chắn người nào cả nghĩ đều phải thấy ngại sao tóc mình cứ xanh um một cách khác thường. Nếu tóc sống mãi khi mình đã héo tàn thì là nghịch thường chứ không là may mắn nữa.

Rất nhiều người đàn ông đã cầu viện tới thuốc nhuộm cho mình trẻ ra. Nhất định những người đó phải là kẻ yếu tinh thần. Đành vậy. Họ là những người bình thường chịu

khó mất thời gian cho những quan niệm bình thường. Thế nhưng nếu người đàn ông đó là người có trọng trách thì mái tóc đen giả kia để khiến cho người ta xét lại nhiều thứ giả khác từ họ. Tóc chết để cho những ý nghĩ xanh tươi được xuất hiện, đó là giá trị của quy luật và với những người nắm giữ vận mệnh của nhiều người, những sợi tóc chết trong đêm của họ là hạnh phúc của cộng đồng, là phần thưởng cho chính họ và cho cả quốc gia. Xin đừng trưng ra trước bàn dân thiên hạ mái tóc nhuộm đen nhúc khi tim lạnh, máu nguội và những tế bào não đang xơ cứng.

Có một nỗi niềm

Chị đang vào tuổi lục tuần, tầm tuổi mới nghe qua cũng đoán biết, như rất nhiều người, chị đã mất cả thời tươi trẻ cho cuộc chiến ở Việt Nam trước năm 1975. Hơn ba mươi năm trên đất Mỹ mà chị không có về Mỹ một chút nào. Lại hơi già so với tuổi. Da ngăm đen, thích quần lụa đen và xống áo màu tối, người phụ nữ của Sài Gòn cũ, không tạp không lai. Và buồn, gương mặt buồn buồn, nỗi buồn kín đáo, giữ gìn và nổi bật ở giữa những người khác biệt màu da hiểu động, ăn to cười lớn.

Có đi rồi mới thấy người Việt mình ở bên đó, ngoài một số ít được xem là thành đạt, vẫn có một nỗi niềm chung rất khó định nghĩa. Khác hẳn với người Tàu. Gặp họ nhiều, quan sát họ lâu càng chạnh nhớ những ca khúc

Da vàng của Trịnh Công Sơn vào những tối khi Khánh Ly cất lên: *Đại bác đêm đêm vọng vào thành phố. Người phu quét đường dựng chổi lắng nghe.* Dầu ấn loạn lạc hằn sâu, được ở trong nước thì có thể cười tràn để xòa xoa nhưng giữa thế giới cái gì cũng khác, con người càng phải cẩn trọng với tâm thế của mình. An mà không vui, có mà vẫn thiếu, xa mà không quên.

Chị là con gái của một gia đình tư sản thứ thiệt đất Sài Gòn, sang Mỹ du học sớm, về nước chưa kịp làm gì thì đã phải chạy đi như rất nhiều gia đình cùng phía với mình khi ấy. Hai khách sạn ở trung tâm Sài Gòn và một tư gia cùng hàng ngàn cây vàng cất sau tủ bếp, má chị bỏ lại hết, nói là phải bỏ của chạy lấy người. Đúng như bà tiên liệu, nếu có ở lại thì sớm muộn gì cũng phải tìm đường mà đi. Nhờ bằng cấp sẵn, sang lại xứ người chị được đi làm và nhờ lưng vốn giắt theo má chị đã không phải vin vào cứu trợ của cộng đồng như nhiều gia đình khác. Nhưng vẫn thấy buồn, càng ngày càng buồn hơn, vì con đường quay về quá gập ghềnh cay đắng. Danh sách người di tản sau đó bổ sung cho gia tộc chị tất cả, không thiếu một ai nhưng lòng chị vẫn canh cánh buồn. Không có cơ gì để quay lại nữa rồi, không ai chờ không ai đợi, chỉ cần hương

hoa thì cả tổ tiên cũng đã đi theo, nhưng sao lòng không thanh thản?

Có hỏi gì chị cũng không cho biết tư gia cũ ở đâu. Chị ý tứ hơn đánh giá của chúng tôi. Chắc chắn chị không bao giờ quên địa chỉ ấy, đoạn phố ấy con đường ấy, nhưng nói ra để làm gì. Gạn hỏi sao chị không về đi, đất nước thay đổi hồ hởi, lòng người bình lặng nhiều rồi, về đi, về một lần đi rồi chị sẽ thấy muốn về hoài, về mãi? Chị lại ý tứ giữ gìn, không nói gì thêm. Nói ra để làm gì? Đại lộ ấy, những tòa nhà ấy, thậm chí cả thứ nhạc ngày xưa ấy đâu đã sống lại xôn xao nhưng mọi thứ đã khác tận bên trong rồi. Như thời gian, như màu tóc, như lòng người, như quy luật.

Chị khiến tôi ngậm ngùi như đích thân chị đã trao cho tôi một món quà mà lại dặn đừng mở, đừng có mở nó nhá. Sao vậy? Tại sao giữa chúng tôi dễ có nghĩa đồng bào mà tình thân với nhau lại bị giới hạn? Không thể gọi là bạn khi hai bên không nhìn thấu nỗi niềm của nhau. Nó giống một trò ú tim hơn là mối quan hệ. Bỗng nhiên một ngày tôi nhận được một cú phôn của một cô gái tiếng Việt lơ lơ nói là đang ở tại Sài Gòn, cách Thanh Đa chỉ khoảng 4km nhìn trên bản đồ. Cô gái là con gái rệu của chị, chao ơi, gói quà đã được mở ra, tôi biết ngay đây là

đại sứ hòa bình của chị dành cho chúng tôi và cho quá khứ. Còn gì vui hơn. Cô nhỏ về nước lần đầu với người chồng Mỹ và chúng tôi là bạn bè hiện tại của mẹ nó ở quê nhà.

Một cô gái thuần Việt từ dáng vẻ đến cốt cách. Chúng tôi đi bên nhau trên những mét đường chắc chắn ngày xưa mẹ nó thuộc lòng từng chòm cây, màu đèn, nét phố. Cô gái vui thích với tất cả, một tình yêu không ranh giới không định kiến với mọi thứ có tên là Sài Gòn. Cô mê mẩn với chiếc áo dài trên người mình, cô ngắm soi mọi thứ liên quan đến ẩm thực Việt Nam và cô không từ chối bất cứ cuộc chèo kéo nào. Cô hãnh diện với người chồng Mỹ khi mình được đón tiếp và được hòa tan. Bằng đường dây bạn bè được thiết lập từ người mẹ, cô đi Hà Nội một cách tò mò và xông xáo, cô giống một con cá hồi đang ngược nước để tìm lại cội nguồn. Chúng tôi cùng vỡ oà trước niềm phấn khích của cô.

Đã có biết bao chiếc cầu được xây lên một cách lặng thầm và bền bỉ như vậy. Tôi hình dung chị sẽ vui ra sao khi nhìn thấy con gái trở về trong chiếc áo dài may bên góc chợ Bến Thành. Nhưng chị vẫn buồn, chắc vậy, nỗi buồn này thật không dễ gì tẩy xóa cho tan. Sáu mươi năm một đời người, từ nhỏ đã phải ly hương, vừa thanh tân

tâm trạng lập thân thì đã xám tro số phận vì chiến tranh dẫu bề. Và khi đất nước mở lòng thì mình đã nguội lạnh từ lâu. Dẫu sao chị còn có người để bắc một chiếc cầu cho mình và đó là điều an ủi không chỉ cho chính chị thôi đâu.

Mùi của Má

Không ai có thể định nghĩa rõ ràng mùi của mẹ mình, hẳn vậy. Nhưng mà cái mùi ấy thì ai cũng thuộc và nhớ và rồi sẽ mang theo đến hết cuộc đời. Ký ức có thể chơi khăm, nhưng riêng mùi của người mẹ thì không dễ mất đi khả năng lưu giữ. Chúng ta sẽ bất chợt tìm thấy một cái đáng hao hao, một giọng nói giống giống, một ánh mắt tựa tựa mẹ ta nhưng mùi hương thì không. Không ai có thể như mẹ của mình ở cái mùi mẹ ấy.

Như mọi đứa trẻ thời sơ sinh yếu ớt, tôi nhận ra má mình trước hết bằng mùi hương và giọng nói. Bao trùm một mùi mồ hôi đàn bà vất vả. Chắc chắn lúc nào bà cũng đầm mồ hôi vì vườn tược, bếp núc và con nhỏ. Sau này khi đã làm mẹ tôi mới hình dung được rõ cảnh một đứa

con hít hà mùi hương của mẹ mình như thế nào. Thế nhưng mới có hai tuổi thì tôi đã bị tách ra vì má sinh em. Từ đó tôi hít hơi má từ phía sau hay từ chiếc khăn rằn má đội lúc làm lụng việc nhà. Thật rõ ràng cảm giác thiếu thốn mùi của má dù má vẫn sát bên. Ba tôi đi kháng chiến xa nhà, sau này thì ông thành tù nhân khổ sai Côn Đảo thời Diệm - Nhu nên chỉ có ba má con tôi trên chiếc giường kê trong buồng. Má tôi phải nằm ôm em út của tôi, vì vậy tôi chỉ được tận hưởng má từ lưng và cũng vì vậy mà tôi hay luồn tay vào mạng sườn của má để giữ ấm. Một thói quen thành cố tật, như mọi đứa trẻ phải mút tay hay phải xoa rún mình để làm điểm tựa. Sau này, tôi tự luồn tay dưới lưng mình để ngủ và rồi tôi đã di truyền thói quen đó cho con và cháu của mình.

Ngắm ra đời người ai cũng có khoảng 10 năm ấu thơ để làm hành trang cho suốt cuộc đời. Không gì ngọt dịu và thiêng liêng bằng những năm tháng ấy. Mới mười bốn tuổi tôi đã rời xa vườn nhà để lên bưng biển nổi gót cha anh kháng chiến. Má cho tôi hình ảnh cô độc của một người lam lũ giữa nhà chồng. Không thấy bà ngồi tay, không bao giờ có giấc ngủ trưa, không bao giờ ăn cơm chung một cách tự nhiên với ông bà nội. Khi thì bà như một bà vú của một bầy con thuộc về nhà nội chúng từ

hình thức đến nội dung, khi thì như người phụ bếp với cô em chồng và khi thì như người giúp việc với những công chuyện bé mọn dằng dặc trong đêm. Cho dù thấy như vậy nhưng tôi vẫn cảm nhận được tình mẫu tử âm thầm bao la của má ngoài những chức danh liệt kê trên. Một bà vú ư, khi một đứa con bị bệnh thì nỗi lo và nỗi chao cá nóng hổi không thể có ở một bà vú thông thường. Phụ bếp ư, có biết bao nhiêu việc không tên chỉ nàng dâu mới gánh nổi và, trong từng cử động của nàng dâu ấy là sứ mệnh làm mẹ của một bầy con. Người giúp việc ư, người giúp việc sẽ không có sự tận tụy đêm này chỉ đêm khác để khi đi tắm dưới sông lên là lại tiếp tục thắp đèn dầu xắt chuối cây cho heo hay sàng gạo hay bó chổi bán lấy tiền gầy quỹ riêng phòng khi bà nội không đáp ứng được nhu cầu học hành của đám cháu. Đó, tôi xa gia đình sớm và tôi mang theo mùi mồ hôi có tên là *Mùi má* và những hình ảnh tê buồn như vậy từ má của mình.

Chỉ 14 năm gần bó với má và vườn nhà nhưng những hình ảnh không nhiều ấy cứ chập chờn lên. Không hiểu sao lại có quy luật tâm lý khác thường như vậy. Càng già thời gian thì hình ảnh tuổi thơ, vườn nhà và về má lại phong phú thêm, lấp lánh hơn và có ý nghĩa hơn. Tôi đi kháng chiến 9 năm, về nhà đôi ba lần và má cũng lên Cứu quốc

tôi được vài lần. Má trong mắt tôi bao giờ cũng già như vậy, cô độc như vậy và âm thầm như vậy. Bà rất kiệm lời, làm nhiều hơn nói, không bao giờ khiến người khác bận lòng đến mình, giờ lại hay có cái nhìn rung rung và những tiếng thở dài kín đáo. Ba tôi xa nhà năm má tôi 25 tuổi, ông bị giặc bắt năm bà 35 tuổi và ông mất năm bà 41 tuổi. Tuổi trẻ qua mau, tuổi chinh phụ quá dài và tuổi góa lại đến sớm. Chưa bao giờ tôi thấy má cười một tròng dài hay thấy bà sà vào những cuộc vui của đàn bà lối xóm. Bà giống một chiếc bóng trên vách lá, ai nhìn cũng thấy chạnh lòng.

Sau năm 1975, tôi làm người thành phố và bắt đầu công việc theo định nghĩa của má là “mời tìm mời óc ra ăn”. Bấy giờ má tôi đã vào tuổi tri thiên mệnh, đáng lẽ phải được nghỉ ngơi với đám con hầu hết đều là cán bộ viên chức nhà nước. Nhưng hậu chiến xám xịt, nông dân không giàu lại còn phải tiếp viện cho dân ăn lương bao cấp những thứ từ vườn hương hỏa được gánh vác bởi những bà góa (chị Hai và em út tôi cũng góa bụa như má của chúng tôi). Hình ảnh má không tươi hơn, lại còn nhiều mồ hôi muối trên lưng áo, đơn giản vì làm nhiều hơn mà lại không có xà bông để giặt cho sạch. Trong những chuyến phép tôi cộ lên Cần Thơ đủ thứ từ nải chuối xanh

đến mớ rau tập tàng trên bờ liếp, dĩ nhiên còn cộ thêm hình ảnh má những lúc bà ngồi bàn thần ngó mông ra mặt sông Nước Đục trước cửa nhà. Bà hay ngồi như vậy nhiều hơn, không phải bà rảnh rỗi hơn mà đơn giản vì bà đã già trước tuổi. Mái tóc bạc trắng và hai hàm răng giả, lối xóm nói bà bị khổ vọng.

Tôi xê dịch và thay đổi. 18 năm Cần Thơ và 15 năm Hà Nội. Chỉ má tôi thì không thay đổi ở tình thương con và nổi phập phồng với số phận của riêng tôi - đứa con gái thuận tay trái duy nhất trong bảy con 8 đứa của má. Bà hay định nghĩa với lối xóm: “Nó làm nghề gì mà quanh năm không thấy ai biếu xén gì trơn!”. Và mỗi khi chúng kiến tôi thức đêm thức hôm cặm cùi, bà thở dài: “Chết chết con ơi, làm nghề gì moi tim moi óc, chết sớm có ngày con ơi!”. Bà mù chữ như rất nhiều phụ nữ thôn quê cùng thế hệ của mình, bà lại ít lời nhưng trong mọi trường hợp, bà khái quát rất tài tình mọi chuyện bằng trái tim đặc biệt mẫn cảm. Lần đầu nhìn thấy Nguyễn Quang Thân, bà ngồi yên một chỗ và chờ khi anh Thân quay đi thì lập tức nhìn tôi chép miệng: “Đời con rồi bề nào cũng khổ con ơi!” Lúc tôi còn sống ở Hà Nội, bà ra thăm một lần, khi về bà nhịn khóc nhưng mặt mày thì như là đang chia tay một người chịu án đi đày. Má tôi luôn lặng lẽ

dối theo tôi bằng một khối mâu thuẫn lúc nào cũng còn nguyên ở trong bà. Nhưng chỉ có tôi là chọc được cho bà cười khi bà nằm trên giường bệnh với chúng tiểu đường. Có lẽ vì tôi ở cách bà 2000 cây số, khi tôi có mặt thì bà mới thấy trọn vẹn, tôi đã làm đầy sự sum vầy mà bà mẹ nào cũng mong điều đó hiện diện bên mình lúc tuổi cao sức yếu.

Không biết bao nhiêu thì cho đủ về một người Mẹ. Nếu kể Tết Kỷ Sửu thì má tôi ra đi đã được 5 năm. Ai rồi cũng phải mò côi như tôi. Hình ảnh má cứ lớn mãi lên, một người đàn bà cô độc phi thường, một sức chịu đựng phi thường và tình mẫu tử cũng thật phi thường ở chỗ làm nhiều hơn nói, luôn luôn như vậy.

Trăn của bạn tôi

Tặng NPL và những người bạn đã xa tôi

Câu chuyện ban đầu được tác giả đặt tên là “Đằng sau có ai không?”. Một bầy gà con sớm mồ côi mẹ, cả đàn được chị cả chăm sóc. Chị bới mồi rồi đứng sang bên để các em ủa đến ăn, suốt ngày chị dắt các em sục sạo khắp vườn để độ nhặt, chị còn biết đưa các em đến cạnh lu nước của chủ nhà chực sẵn để khi con người súc miệng sau bữa ăn thì thế nào lũ gà em cũng tìm thấy những vụn cơm bỏ. Những chi tiết từng trải và thấu suốt. Khi bầy gà lớn, bỗng dưng có một ả gà em sinh lòng đố kỵ, nó rất hay gây sự với chị cả không từ nguyên do cụ thể nào. Chủ nhà nhốt gà chị vào lồng vì chị đã yếu và các em cũng đã đủ lông đủ cánh trường đời. Một buổi sáng, người chủ

phát hiện dù gà chị đã bị nhốt, nhưng ả gà đố kỵ vẫn bám cánh vào chiếc lồng để tung vuốt tấn công gà chị. Lần đầu người chủ xua được nó đi. Ngay sau khi anh ta quay lưng đã nghe thấy tiếng gà em lại ra đòn ngay chỗ chiếc lồng úp bên giếng nước. Không kịp nữa rồi. Khi anh ta chạy tới và gỡ chiếc lồng ra thì gà chị đã chết và con gà phản trắc lại bị đuổi đi. Bỗng từ phía sau anh ta, một cú tấn công hết sức bất thần, ả gà em hăng tiết mổ thêm mấy nhát nữa vào con mắt đã đúng trông của chị mình. Con người sồn gáy, chực muốn quay phắt ra phía sau để nhận biết là ai, ai đã xui khiến một con gà cật ruột đã một lần nữa giết tươi chị mình khi chị không còn chút khả năng tự vệ nào. Đằng sau có ai không, câu hỏi không có câu trả lời nhưng nó đã cất lên như một tiếng thét thấu tận trời xanh.

“Đằng sau có ai không”, khi được in đã bị đổi thành một tên khác để tránh suy diễn vì ẩn ý và nhạy cảm. Tôi không nhớ tên tác giả nhưng câu chuyện và tư truyện lại ám ảnh tôi ghê gớm. Tôi tin đây là một người đứng tuổi, nhất định phải bước từ cuộc chiến ra, được học hành tử tế và hiện còn ẩn danh với văn giới và độc giả. Tôi tin mãnh liệt vào tiên cảm của mình, một người như vậy sẽ tiếp tục xuất hiện và nhất định tôi sẽ gặp lại tác giả ở đâu đó trên báo hay trên giá sách. Đó là một người có nỗi niềm chiến

binh kín đáo, một tâm trạng hậu chiến khắc khoải, một khả năng lý giải nhân sinh sâu sắc và một khát vọng hòa bình lớn lao qua toàn bộ câu chuyện có sức khái quát kỳ lạ. Tôi gieo niềm tin của mình ở chân trời, tôi hy vọng vào sự kỳ ngộ thiên lý và tôi có những cơ sở để trông đợi.

Tôi có khá nhiều bè bạn trang lứa là người của phía bên kia sau cuộc chiến. Do hoàn cảnh địa lý và công việc làm báo, viết văn mà nên bạn. Ai là người Nam bộ đều có những quan hệ họ tộc, xóm giềng, lối phố và môi trường học hành để có không ít người thân ở bên kia chiến tuyến với mình. Chiến tranh kết thúc, mặc cho ở đâu đó trên cao phân chia lai lịch, ở tầng thấp của những quan hệ thường nhật, con người vẫn phải gặp nhau thăm hỏi, giỗ tết, lễ lạt...Đó là quy luật tự nhiên của đời sống, như sông thì phải chảy, gió thổi thì lá reo, hòa bình thì sẽ có bắt tay, làm lành, hòa hiếu.

Nói những người cùng trang lứa tôi - tức những người chỉ can dự với cuộc chiến từ 1954 đến 1975, hiểu theo cách khác, chúng tôi dù bên này bên kia đều chung một điểm là học hành dở dang và bị chiến cuộc mang đi những tháng năm tươi đẹp nhất của đời người. Vì vậy mà khi đã gác súng, chúng tôi dễ ập vào nhau, kết bạn, quên thù. Nhưng thời gian chia cách tiếp tục kéo dài thêm 15 năm

nữa, lại thêm quá nhiều bức bối đòi hỏi chúng tôi phải vượt qua như những kẻ treo tường ăn “trái cấm”. Người chiến thắng thì lòng dạ bất an, người thua cuộc thì bầm dập sinh nhai và tinh thần bị vây bức. Họ, những người bạn mới của tôi không ai là không thử tìm đường vượt biển, người đi tới nơi kẻ vào bụng cá, không ít người bị rớt lại lầy lắt bằng đủ thứ nghề trước khi cuộc sống phát hiện ra học lực và tài năng của họ, như tác giả của câu chuyện mà tôi đã kể ở trên.

Con đường hòa giải quá gập gềnh, nhiều khê, nhiều bế tắc và hằn thù. Chúng ta đã để mất 20 năm lãng phí cho những việc hố hào chia rẽ. Chúng tôi là một nhóm trong hàng vạn người đã “cả gan” níu tay nhau bước đi trong bóng tối và đã tin rồi sẽ có ngày trời quang mây tạnh, như một câu hát *Người về mỗi ngày một đông thêm, người đi càng đi càng thưa dần*. Thực tế đã mách cho dân tộc Việt Nam những bài học mới về tình thương và sức mạnh. Tiếc thay bạn bè tôi khi được ghi nhận thì đều đã già tuổi và ngượng bứt khát vọng cống hiến. Nhiều người lại tiếp tục “vượt biên” bằng con đường thân nhân, cốt để cho con cháu được hưởng thụ nền giáo dục không phân biệt gì cả. May sao những người tôi tin yêu đều đã quay về hoặc sẽ quay về để thực hiện giấc mơ được ghi danh, trọng dụng.

Tôi đã không lầm khi tiên đoán tác giả của truyện ngắn từng lay động tình cảm của tôi là một người từng học ban Triết của đại học Văn khoa Sài gòn, từng bị động viên đi sĩ quan Thủ Đức, từng bị đi cải tạo sau thất trận và từng bằng lòng với tay cày tay cuốc suốt hàng chục năm dài. Mãi sau này tôi mới gặp được người ấy ở Hà Nội khi anh được cả nước biết đến văn tài của mình nhờ những giải thưởng văn chương. Tôi quý nhất anh ở vàng trán, nơi đó hàm chứa rất nhiều điều, niềm kiêu hãnh, sự ẩn nhẫn thâm kín và sự minh triết cuộc đời chứ không chỉ từ sách vở hay từ sở đọc. Những người bạn thân của tôi nay đang ở Sài Gòn hay đang ở bên kia Thái Bình Dương đều có vàng trán đau đầu như vậy. Nhìn những vàng trán ấy tôi lại thấy được vẻ đẹp của chữ *ngô*, rằng con người cần phải bình tâm, ai rồi cũng sẽ có chỗ nếu như lòng mình sáng, tâm mình trong và chúng ta đều là những người Việt yêu nước Việt theo cái cách của mình.

Cỏ và người

Tiếng là xứ sở nông nghiệp nhưng muốn nhìn thấy cỏ không biết tìm đâu. Nhìn ngang toàn thấy tường nhà, nhìn xuống thấy rác, đường mất như bị cầm tù còn cảm giác bê tông hóa thì ăn sâu triệt để. Có một góc cỏ trong công viên bé xíu gần nhà. Cỏ được xén và tưới mỗi ngày nhưng sáng nào cũng bắn mất vì bao nhiêu là rác do những người hóng mát hồi đêm vứt lại. Thật thê thảm cho cái góc cỏ hy vọng của hàng vạn con dân khu cư xá một thời vàng son danh tiếng.

Nhớ tuổi thơ êm đềm bởi giữa những tán cây là những vạt cỏ mềm ông nội cố tình để nguyên cho con trẻ đùa vui. Cỏ tuổi thơ là “cỏ nước mặn”, cái tên gọi nhớ thời

đất xì phèn bởi người khản hoang chưa đông chưa mạnh. Buổi sớm những lá cỏ đầm sương, buổi trưa cỏ làm nền cho đủ loại cánh bướm tung tăng, buổi chiều cỏ cho cảm giác êm mát và những bữa trăng lên, cỏ khiến người ta muốn ngồi xuống để ngửa mặt lên với trời cao. Tuổi thơ chỉ biết có vậy, sự tri ân đơn giản vì cỏ mềm, cỏ xanh, cỏ sáng. Rồi thời thanh xuân mở ra, đôi chân rong ruổi giãc mơ những miền cỏ khác ở chân trời. Không thấy cỏ mà chỉ thấy vô vàn thách thức, tự đứng chân muốn chậm lại khi tình cờ thấy một vạt cỏ bên góc đồng. Thật kỳ diệu khi được thu giãn một chặng đời trên cỏ, nghe cỏ và cảm thấy được vãn an từ cỏ. Tại sao sự tri ân với rơm rạ lại khác sự tri ân với cỏ? Cỏ không làm ra của cải nhưng cỏ cho ta ý nghĩ về sức bền, sự sống và sự trường tồn. Thật sự đã thành một con người khác từ một ý niệm khác về cỏ.

Đặt chân lên đất người, sự thán phục nhất lại dành cho cỏ. Chỗ nào cũng thấy cỏ, do con người bày ra, chăm chút. Cỏ quan trọng còn hơn bóng cây hay sắc hoa vì màu xanh dung dị và bất tận của nó. Thì ra nhân loại thật giống nhau, cỏ là nhu cầu thiết yếu đến sau nhưng lại có vẻ quan trọng hơn những thứ thiết yếu khác như điện, nước, tiện nghi và nhà cửa. Nhìn khuôn viên của một gia đình người ta biết đời sống tinh thần của những thành

viên trong đó qua việc họ đối xử thế nào với đất đai cây cối, đặc biệt là với cỏ. Và nhiều khuôn viên như vậy làm nên bộ mặt của dân cư, của khu phố, của làng mạc và của cả một quốc gia. Xem chừng cỏ mới là thứ làm nên chất lượng sống của con người và làm nên đẳng cấp của những ai được thụ hưởng chúng.

Từ khi biết đến xứ người, lại mắc thói quen hay để tâm đến cỏ. Khác với nhiều nơi khác, người mình hay ở dàn ra mặt đường mặt sông để dễ bề làm ăn nhỏ lẻ. Người ta chỉ cần một ngôi nhà, một khoảnh sân, vài ba cây thổ cư, nhiều nữa là mấy khóm hoa, chấm hết. Không ai cần cỏ cả. Cỏ là thứ xa xỉ quá chăng? Hầu như ai cũng chỉ cần một chỗ để vào ra và bày biện, một ít tán cây lấy mát và một vài sắc hoa điểm xuyết, thế thôi. Nhà nào cũng như nhà nào, cho thấy một sự bằng lòng một cách giản đơn và tạm bợ. Cỏ không sinh lợi, nhưng cỏ cho thấy cốt cách của con người khi chúng được hiện diện và được tôn vinh.

Cả Hà Nội không dễ gì tìm thấy một bãi cỏ để trẻ con tự do chơi đùa. Sài Gòn quỹ đất giàu hơn nên người ta không lạnh nhạt hẳn với cỏ. Nhờ nhà ở gần nơi tưởng niệm Trịnh Công Sơn nên cuối tuần, chịu khó một chút thì đã có thể thả chân vào khu Bình Quới để được chạm

chân vào cỏ. Rất nhiều người ngồi lẻ như mình, trời cao cỏ mềm và nhạc Trịnh, quả là một sự thanh lọc diệu kỳ. Lại nhớ hôm tiền một người thân an nghỉ ở nghĩa trang Gò Dưa, trong rừng mộ ốp đá và nhà mồ lô xô, bỗng hiện ra bên đường một ngôi mộ đắp đất vun cao được bọc bằng một lớp cỏ xanh mượt. Đích thị đây là chủ ý của người nằm bên dưới chứ không phải vì con cháu họ nghèo. Phải là người rất có cốt cách và rất sang mới muốn cát bụi của mình được hòa tan dưới cỏ. Lại nhớ một nghĩa địa ở thủ đô nước người, ở đó mọi người chết đều được bình đẳng bởi một tấm bia, còn lại là một mặt bằng mệnh mông cỏ. Thật sự một triết lý tự do và vĩnh hằng từ cỏ. Bỗng chốc nghiệm ra, cỏ thời ấu thơ là vẻ đẹp, cỏ thời thanh tân là chỗ để nghỉ chân, cỏ thời trung niên để thấy mặt đất không hoàn toàn chông gai và khi ta về già thì cỏ là hiện thân của màu xanh thiên lương và bình đẳng nhất mà con người nhận biết được khi mọi thứ đã trở nên mệt mỏi, vô nghĩa.

Con cóc ở hốc nhà

Ai cũng kêu dạo này nhiều muỗi quá. Xem chương trình thời sự trên tivi, thỉnh thoảng lại thấy dịch sốt xuất huyết ở vùng này vùng khác. Một cô cháu ở miền Tây điện lên nói những lúc ngoài đồng phun thuốc, muỗi chạy vô vườn đeo kín hết vách nhà trông như bức tường bị nhuộm mè đen. Người dân tự lý giải, do bung tráp cỏ rác nhiều không ai hô hào thu dọn như hồi chiến tranh. Do trồng mía nhiều mà mía là vương quốc ngọt ngào của lũ muỗi. Có người còn luận sâu hơn, do cuộc sống dũ dẫm ai sống ai chết mặc bây tiền thầy bỏ túi nên môi trường tự nhiên bỗng trở nên xập xệ, điêu tàn.

Nhớ hồi ở Hà Nội nhà giáp ranh ngoại thành, ngày xưa phía sau là cánh đồng, giờ đường vành đai 3 mở ra,

có điều, đường được làm từng khúc rồi bỏ đó. Cánh đồng xinh đẹp ngày xưa thành dự án treo, cỏ mọc um tùm, mỗi khi lướt nhìn lại thấy nhớ thời u tịch chiến khu. Dự án chập chờn, dân không dám nuôi dê nuôi bò vì sợ nguồn cỏ bỗng dưng biến mất. Thế là muối mòng vùng vẫy, đi bộ thể dục nếu chậm chân trên những đoạn đường ngắt ngứ ấy thế nào cũng bị muối làm thối. Hà Nội mà muối mòng như U Minh thì hay thật!

Chú mèo mun tha đầu về một con cóc nhỏ. Chắc chắn là tha từ cánh đồng hoang hóa ngoài kia. Cóc mới vị thành niên, bụng úc núc, trông ngộ nghĩnh như một con cóc đồ chơi. Con cóc lặng lẽ làm thành viên lặng lẽ của gia đình, khi thì biến vào trong góc bếp, khi lại nhảy ra ban công, lúc lại hiện ra ở chiếu cầu thang công cộng của chung cư, có lúc lại là trò vui của chú mèo. Cóc lớn lên hồi nào không ai hay, chỉ thấy nó dần dĩ dần và lộ diện ở giữa nhà nhiều hơn. Lắm lúc đang ngồi viết bỗng thấy có một chiếc lưới nhỏ đang dọn muối dưới chân mình, êm ái, dễ chịu một cách kỳ lạ. Đưa tay đỡ cóc lên, nhìn vào đôi mắt hiền từ của nó, chợt hiểu vì sao ông trời còn phải sợ. Vì nó quá hiền, chưa thấy cóc hại ai, trừ lũ muối. Hiền như cóc mà còn phải nổi giận tức là ông trời cũng nhiều lúc tác oai tác quái lắm.

Chủ nhà có đôi, chú mèo thì đã bị thiên để khỏi đi rông và cóc ta thì đơn lẻ trong nhà. Bẵng đi một lúc không để ý bỗng thấy trong hốc nhà đầy những cô cậu cóc con như những hột đậu nhảy chồm chồm vui hết biết. Cóc mình tài thật. Có câu: “Tình yêu của một con cóc đực là vẽ sần sùi trên người con cóc cái”. Không thấy cóc mẹ chăm con như chó như mèo nhưng nghề bắt muối thì mẹ di truyền cho con rất sâu. Không gì thú vị bằng ngồi viết ban đêm mà có một bầy cóc nhỏ bắt muối dưới chân cho mình. Cảm ơn món quà kỳ lạ này của thiên nhiên. Nghĩ, không biết những người xa xứ, những người tha hương, trong ngồn ngộn nỗi nhớ quê nhà có chút gì cho lũ cóc không? Ai chẳng đã từng thấy cóc, ai chẳng biết cóc xấu mà hiền. Nhưng để có kỷ niệm với cóc thì không mấy ai có được, đúng không?

Lại nhớ ngày đói ăn đói thuốc ở miền Tây, bắt được một con cóc ở hốc nhà đã mừng rơn. Thế là có một chén cháo đậu xanh cho con để nó đỡ suy dinh dưỡng. Mỗi khi má ngồi xe đồ từ dưới quê lên thành, ngoài rau trái vườn nhà thế nào cũng có mấy con cóc thật vàng rọng trong một cái bao chỉ xanh. Để có được thứ cóc hoang dã này má đã phải xách lồng đèn đi dài theo bờ ruộng chứ má nhất quyết không chịu bắt những con cóc sống gần

với người. Má nói cóc ở trong nhà là cóc cụ, cóc khôn, nó cũng là bạn của con nít nhà người ta, mình lấy đi thì đâm tội. Tuyệt nhiên không dám khoe với má việc đã dám thịt mấy con cóc phổ đi lạc vào nhà. Khi con người quá đói kém thì đời sống của họ chỉ cách những động vật cấp thấp khác một quãng không xa. Một lần bỗng nảy ra ý định nuôi lấy một con từ trong đám cóc má đưa từ cánh đồng dưới quê lên. Chọn tới chọn lui cũng chưa được một con cóc vàng xinh xinh nho nhỏ. Cóc biết ơn người tha mạng, cóc ngoan và trung thành như mọi con vật được tung tiu trân trọng, cóc lẳng lặng lớn lên cùng với những đứa trẻ trong nhà. Rồi xe máy phát sinh, một lần sơ sẩy ở ven tường con hẻm, cóc đã lia đời, để lại một cái tang và một khoảng trống không dễ diễn tả bằng lời rằng vì sao có người lại quá nhiều kỷ niệm với một con cóc!

Sài Gòn xa Hà Nội hàng ngàn cây số. Nhà mới nhiều gió nhiều sông nhiều lá bàng và tiếng chim nhưng tịnh không thấy một con cóc nào nhảy ra cầu thang chung cư sau những trận mưa. Nhưng vẫn thấy có những người bán thịt cóc sây dạo để chống suy dinh dưỡng cho trẻ. Trong nhiều nỗi nhớ về những ngày Hà Nội ẩm mốc, u buồn và sâu sắc, có nỗi nhớ một bầy cóc con trong góc nhà. Chó bám chủ mèo bám nhà, còn cóc thì bám vào ai hay bám vào đâu hở cóc?

Gánh đàn bà

Khi em mười tám đôi mươi, em có tất cả ưu thế để người khác giới phải nâng niu. Dĩ nhiên là vậy. Tóc em dày, bàn tay em quen thuộc với nó mà còn phải thần phục bởi sức sống thanh xuân của nó. Dáng em thon, em tự tin với mỗi bước đi của mình khi tóc tràn trên tấm lưng con gái óng ả. Da em tươi, không gì tươi hơn nó khi mắt mày nổi bật lên như những nét vẽ mịn màng. Hơi thở em thơm, như hoa đồng như gió nội, từng nhịp thở háo hức không gì ngăn nổi.

Người yêu của em hết lời khen tóc em đẹp, da em mát, mắt em sáng, môi em hồng. Dĩ nhiên là vậy. Anh ấy hay đặt em lên đùi để cả hai không còn gang tấc cách trở nào, anh ấy hay níu tay em khi đi qua chỗ khó, điều anh

ấy thích nhất là bông em lên đi một đoạn dài dưới trăng. Những nụ hôn ma mị, sự mê hoặc của thịt da và những khát khao bị giới hạn khiến con người ta quay cuồng dịu ngọt. Nhờ anh ấy mà em biết mình duy nhất đẹp, duy nhất đáng yêu, duy nhất được tôn thờ. Cuộc sống bông bèn như trong mơ, như thiên đường, như sách vở. Đám cưới và trăng mật, không gì xác đáng hơn hai từ trăng mật cho những ngày *em anh*. Không khi nào anh quên đặt mái đầu em lên cánh tay anh, chị gái đùa sao không thêu hai con bò câu lên đó để khỏi sấm áo gối, đỡ tốn! Nhìn má cười, nhìn chị gái cười và nhìn bạn bè của chị cùng cười, em biết ai cũng đã qua những ngày nồng nàn như vậy.

Những bài học về nghĩa vụ loáng thoáng nghe từ khi chưa hôn nhân lũ lượt hiện ra không giáo trình không giờ giấc chi cả. Nó khá êm ái khi em còn son rỗi và bỗng thức bách dần lên khi em làm mẹ. Dĩ nhiên tóc em bắt đầu thưa, da em bắt đầu tối, mắt em bắt đầu sạm và người em bắt đầu có mùi vị mang cái tên “nổi trần ai đàn bà”. Má nói đã thấm gì đâu, chị gái cũng nhắc chừng đã thấm gì đâu và má chồng cũng cảnh báo nào đã thấm gì đâu. Anh không còn đặt em lên đùi mỗi khi hai vợ chồng tỉ tê tâm sự, anh không còn say mê hít hà mái tóc tiên bông của vợ,

anh không còn nhớ cần đưa cánh tay ra mỗi khi vợ nằm lên giường, thậm chí anh còn xách gối sang giường khác khi con nhỏ khóc đêm. Em đã rơi từ thiên đường xuống, lúc ấy em mới vỡ ra rằng thời gian bỗng bình nhạt ngọt thật gần gũi so với cả đời người. Má thản nhiên buồn, chị gái thản nhiên trấn an, má chồng thản nhiên bỏ qua, em tự biết rằng những người ruột thịt ấy cũng đã từng bay lên và rơi xuống.

Em đã đi qua rất nhiều khúc quanh của đời mình, không nhớ hết không đếm xuể. Anh đã ở đâu trong những thời điểm ấy? Dĩ nhiên anh vẫn song hành nhưng em vẫn thấy mình thiếu một tay vịn. Anh là chồng khi ngồi vào bàn trong những bữa cơm nhưng anh giống một người khách khi đứng lên để ra với chiếc tivi lúc nào cũng sẵn chương trình bóng đá. Anh là ông chủ khi nhà có khách nhưng anh cũng là khách nốt khi yêu cầu vợ thế này thế kia. Anh là cái nóc nhà như qui ước như định nghĩa nhưng em vẫn nhiều lần cảm thấy mình bị phơi ra một mình với sinh kế và mọi thứ không tên giữa đất trời giông gió nắng mưa. Má an ủi phụ nữ mình là vậy, chị gái chép miệng thế hệ em còn được chồng cung chồng lo, riêng má chồng thì cao giọng “đời tôi còn phải làm dâu tú đại đồng đường đầu tắt mặt tối chứ nào biết phẩn son hợp hành suốt ngày như ngũ các cô!”

Không biết từ bao giờ em thấy đá cũng phải mềm dưới những bước chân em. Không kêu ca không đòi hỏi, đường trường gánh nặng, em bỗng thấy mình ít giá trị đi nếu không có cái gánh đàn bà Việt Nam trên vai. Em nhìn quanh không phải để so bì như xưa mà để ghi nhận mình đã hòa tan hay dị biệt trong thế giới đàn bà của mình. Chỗ ngồi ưa thích của em là góc công viên nhỏ sau giờ thể dục sáng. Em thấy một phụ nữ trẻ ngồi sau một chồng báo cao tới ngực trên chiếc honda cũ đúng giờ bắt kể nắng mưa, da sần tóc cháy nhưng tháo vát hơn cả đàn ông. Em thấy cô bán bún riêu tắt bật bên một ông chồng đóng vai hủ hơ lúc nào cũng có điều thuốc cháy dở trên môi. Em thấy người phụ nữ lau dọn cầu thang da xanh rớt và chạnh nghĩ lẽ nào cuộc đời đã chơi khăm đến vậy một người từng da sáng tóc thơm? Em thấy và em thấy, ai cũng lặn ngụp trong bể trong dâu mà mấy người được bình ổn như mình?

Em thấy một chàng trai đặt cô gái của cậu lên đùi để cả hai không còn khoảng cách nào trên ghế đá. Em thấy một chàng khác trong tiệm cà phê tận tụy khuấy đường trong ly nước cam cho cô bạn gái. Em thấy một cậu khác mãn nguyện khi được móc bóp trả tiền nước cho người yêu. Em cười tủm, hãy tận hưởng đi, thời gian mật ngọt này

ngán ngủi lắm cho cả hai người. Rồi cô gái sẽ rơi xuống trên ngọn cây thiên đường, rồi cậu chàng sẽ làm lụi và cấu găt vì sinh nhai. Chiến tranh đã sinh ra đàn bà gánh vác và chiến tranh cũng đã sinh ra những người đàn ông quen yêu cầu cao với hậu phương của mình. Em khẽ nắm tay anh, chúng ta hai con người đã đi qua mọi buồn vui riêng tư và thế sự, chúng ta thể tất cho nhau và em thấy mình dù sao cũng nhiều may mắn hơn rất nhiều người ở sức khỏe và sự trọn vẹn khi cả hai đang bước lên cái bến có tên là tuổi già.

Niềm chung

Năm đó chị còn rất trẻ, mới ba mươi sáu tuổi. Có thể hình dung vào độ ấy thì đời sống sinh học của người đàn bà sẽ như thế nào. Chị góa đã bốn năm và như nhiều người, chị không sống cho mình nữa. Gánh vác, xông pha, nín nhịn, đó là cách tồn tại chứ không phải là chọn lựa như người ta vẫn nói để tôn vinh. Bởi không ai được lựa chọn, vì không có sự lựa chọn nào khác.

Bỗng dưng chị không còn là mình vào buổi trưa của ngày lịch sử đó. Chị ngồi chết lặng trên văng, ánh mắt bất động về hướng bờ sông, không nấc không kể không gào nhưng nước mắt tuôn trào xối xả. Vui lớn nhưng buồn sâu, vui không đủ để gói buồn. Chị như vận động viên marathon đến lúc phải kiệt sức. Không, nỗi niềm giống

như một người tù lâu năm trong chi, hấn xổ ra với bản năng yếu đuối và buông thả, hấn biến chị thành kẻ nghiệt ngã với mọi thứ khổ đau mà hấn phải cam chịu suốt bao năm.

Không thể nào quên được dáng ngồi của chị tôi vào buổi trưa hôm đó. Khoảnh khắc hòa bình chói lọi như một cái khung thép vàng, trong đó hình ảnh chị tôi diễn tả nhiều nội tâm điển hình cho những góa phụ như chị. Xóm làng rạo rực, nắng gió khoan thai, lòng người thơ thới nhưng lúc ấy mọi người mới thực sự bộc lộ bằng hết tâm trạng dồn nén của mình. Chị tôi không vui buồn lẫn lộn như má, chị công khai nỗi ai oán của mình, chị đâm mình để hình dung con đường cô đơn dang dặc phía trước... hay chỉ đơn giản chị gồng lên quá lâu rồi nên chị thả lỏng mình sang một cực khác. Hình ảnh ấy ám ảnh tôi như phút giây trời cho một bức ký họa vội và rồi nó cứ nhắc nhở tôi phải hoàn thiện để treo nó lên. Không, nếu là nhà điêu khắc thì tôi sẽ đeo gì? Thiếu phụ chờ chồng trên bến sông ư, chị đâu trông đợi gì, chị biết người đi đã không về, mãi mãi cỏ xanh, chính vì vậy mà nỗi tuyệt vọng của chị thật khôn cùng, thảm thiết.

Những người đàn ông từng làm cho cái xóm nhỏ trên đường hành lang sục sôi khí thế đã không còn tơ tưởng

đến nó nữa. Ánh sáng, trọng trách và những chuyển động mới đã cuốn hút họ. Chị tôi dự cảm đúng những ngày tháng đơn độc của mình, thì ra, cái gì không bình thường thì khi kết thúc, nó sẽ phơi ra không chút che đậy sự ngổn ngang gần như là đổ nát, cũng không bình thường. Những người đàn ông thực sự nhau rón với xóm nhỏ được điểm danh bằng một danh sách vong hồn, la liệt, bên này bên kia và cả những người quyết tâm không bên nào cả. Vợ con của những người ấy sao mà nhiều, họ trở về cũng không hy vọng vào trụ cột nào, họ cũng không ngóng trông ai nhưng trong thân phận bị ghẻ lạnh, chê cười. Liên miên đám giỗ, giỗ chuyền, giỗ trùng, giỗ chung, đủ cả, hết nhà này giỗ đến nhà kia, quanh đi quẩn lại chỉ có đàn bà và trẻ nhỏ sì sụp khói nhang.

Hậu chiến bởi bởi, càng dọn dẹp càng lấm nổi, một lần nữa chị tôi phải gồng lên trong chặng marathon mới không ai hứa hẹn vinh danh. Những người vợ góa của phía bên kia chân yếu tay mềm nhưng họ đâu chỉ cần cơm cần áo cho con mà còn cần tình làng nghĩa xóm để ngày tháng bớt cơ cực đi. Chị giúp nhà này kinh nghiệm với đĩa muối, chị mang đến cho nhà kia cây con giống, chị bảo bọc họ những chuyến chợ chung và chị đã thực sự cùng họ nổi neo đơn chung khi tắt lửa khi tối đèn. Chị

đặc biệt nặng lòng với một người phụ nữ góa dãi như má chị, một người có chồng bị thủ tiêu bí mật tận hồi cách mạng Đồng khởi không biết mồ mả nơi nao. Ngày giỗ hai người cha của hai nhà lại cùng ngày, bi kịch chưa, đàn bà nhà này không thể ngồi lại với đàn bà nhà kia như là sự mặc định trở trêu của chiến tuyến. Chị là người phá vỡ bút rút, chính chị đã đích thân đến trước và ngồi lại với người đàn bà đau khổ ấy rồi mới về với giờ cúng ở nhà mình. Chị thấy mình phải giữ lễ của người trẻ hơn vì tuổi góa của mình nhẹ hơn và dù sao chồng chị cũng thường được nhắc nhớ ghi danh mỗi năm vài lần trong những ngày lễ lạt. Không, sâu xa chị thấy mình phải trọng nghĩa, phải biết chìa tay ra khi mình vẫn được xem là thắng thế. Và rồi trời đã không phụ công của chị, chị đã khiến người đàn bà ấy mở lòng với mình, mỗi năm một chút, hai nhà xem việc ngồi bên nhau trong ngày giỗ là việc mà họ phải làm như niềm vui, như nghĩa cử để an ủi nhau, một sự mặc định âm thầm, cao cả, thiêng liêng.

Chuyện bên này bên kia đã quá dài như một vở tuồng không có hồi kết mà những diễn viên tích cực nhất cũng cảm thấy nó vô lý và nhàm chán. Đã lâu rồi chị không có khái niệm thời gian cho việc đó nữa. Chị chỉ thấy như bị dao cứa vào những ngày này, khi loa đài cứ réo rất điển tả

niềm vui của một phía. Không có bóng tối làm nền thì ánh sáng đã không nét hơn đến vậy, nhưng ngày và đêm thì luôn bằng nhau ở đại lượng thời gian. Người ta không hiểu một điều, càng dài năm tháng thì mọi việc càng lùi xa nhưng cái lửa của câu chuyện lại được kết tinh hơn để rồi nó sẽ để lại cho đời một dáng lửa. Chị với người đàn bà giờ đang tuổi gần đất xa trời ấy đã có quá nhiều niềm chung, đến nỗi khi nghe đến chuyện thắng thua dai dẳng ấy, hai bên đều cảm thấy đau nhức như là bị trở trời. Vết thương dù bị tạo ra trong bối cảnh nào thì nó cũng chỉ có một tên gọi là vết thương. Một lần nữa họ lại đi trước nhiều người, trong nỗi đau không giới tuyến, thuần túy nỗi đau chung của thân phận đàn bà bị chiến tranh càn qua và cuốn đi người đàn ông của đời họ.

Giận thì vẫn giận

Bây giờ tôi xa Hà Nội đúng 1.730km sau khi đã cộng thêm quãng ga Hòa Hưng với Thanh Đa. Như mọi người, tôi yêu Hà Nội tình yêu tự nhiên không cần lý giải. Thời nằm hầm ngủ hổ, tôi vẫn có Hà Nội bên mình qua chiếc radio nhỏ xíu bắt ly thân, nghe công khai “Hà Nội niềm tin và hy vọng” nhưng cũng từng nghe lén “Huế - Sài Gòn - Hà Nội” của Trịnh Công Sơn qua giọng vàng của Khánh Ly. Nức nở khát vọng hòa bình, hàn gắn, dựng xây. Rồi hòa bình và thống nhất thật, dù Hà Nội được mô tả với rất nhiều lãng kính nhưng tôi không a dua khi chưa có kiểm nghiệm của chính mình.

Hãy nhắm mắt lại khi nhớ để cảm nhận bằng hết ký ức của các giác quan. Hà Nội hiện ra trong tôi những gì?

Nghèo khó buồn cười và hào nhoáng ngổn ngang ư? Tôi ra Hà Nội lần đầu khá muộn, mãi mùa thu 1984. Hà Nội dạo ấy còn nghèo toi tã, nghèo bất động nhưng đó là cái nghèo tự trọng, giấy rách còn giữ lấy lề. Nhà văn DTH mừng tôi bằng một xâu chim ngói. Mấy cô bạn ở Nhà xuất bản Phụ Nữ mang tới một nải chuối trụng luộc trứ danh. Sự thơm thảo ý nhị của những món quà ít tiền nhưng nhiều nghĩa. Sau này tôi ra Hà Nội thường hơn trước khi ra hẳn với thủ đô. Bạn bè hay sốt cho tôi khi chiếc khăn len, đôi vớ mới và sau này thì hoa. Không ở đâu nhiều hoa để tặng nhau như ở Hà Nội và tôi dám chắc cũng không ở đâu người cho và người nhận cùng có sự háo hức tinh khôi khi ở giữa là một bó hoa.

Nhớ mãi cảm giác tức ngực khi lần đầu đứng ở khu Kim Liên chứng kiến một dòng xe đạp cuồn cuộn giờ cao điểm đổ ngược về phía mình. Hộc tốc và lam lũ. Nhưng cảnh tượng đó đã là gì so với dòng xe máy gầm rú trên lòng đường nguyên kích cỡ xưa. Không còn tức ngực nữa mà là kinh hãi. Từ Dream I rồi Dream II và giờ thì toàn xe tay ga mờng bự, chùng chùng như Hà Nội đã bỏ xa Sài Gòn qua cách người ta xài phí và ăn chơi. Nhiều lúc tôi tự hỏi, Hà Nội đang trôi về đâu vậy, lúc ấy cảm giác tuyệt vọng của một đứa trẻ mồ côi trong tôi thật rõ ràng. Và tôi gặp nhiều “đứa

trẻ” như mình ở khắp nơi, chúng tôi đau khổ hỏi nhau rồi mạnh ai nấy cầm cúi bước mà không có câu trả lời.

Mới năm ngoài đây thôi, tôi quyết định ra đường một mình vào chiều ba mươi Tết. Chỉ để xem khi không còn làn sóng người nhập cư thường nhật thì Hà Nội còn lại cái gì. Những vỉa hè yên tĩnh xứng đáng để người đi bộ vận măng-tô và đi ủng đẹp. Và những người thu dọn vệ sinh cùng với những cô hàng hoa trên xe đạp mời chào. Hà Nội hiện ra cái lúa xua, bình thản và ngăn nắp. Đúng rồi, tôi lâng lâng vui, nếu không nhiều hoa và nhiều những người bán hoa dạo khắp ngõ ngách Hà thành thì thủ đô ta còn ồ trọc nhiều nữa. Tôi dừng lại với một cô nàng mua hết chỗ bông hồng cổ, không quên dặn đừng vứt rác xuống đường, mỗi người sạch một chút thì Hà Nội mới sạch được em ơi. Ngày Tết ai cũng ưa lay-on hay hồng Pháp hay ly ly, tôi lại thích mùi cổ kính và mong manh của những bông hồng leo trước sự xâm lấn ồ ạt của các loại hoa tây. Nhớ những cô bạn ở Nhà xuất bản Phụ Nữ cùng ưa thích hồng cổ như mình và nhớ cả những lần ôm hoa lên máy bay để khoe với bà con Sài Gòn rằng hoa Hà Nội nhiều cội nguồn chứ không dễ dãi như hoa Đà Lạt.

Khi hay tin vườn đào Nhật Tân bị biến thành một dự án, vợ chồng tôi có mặt ngay trên triển lãm để tiến đưa

thảm lặng một thời. Từ lâu đã không còn đê ồi trong thơ Xuân Diệu, nay sắp ra ma một rừng đào và cứ thế, sẽ mất mát thêm những gì gì nữa đây? Ngo ngác buồn ngo ngác hỏi nhau. Nhớ mãi cảm giác đi thẳng thốt giữa những góc đào không còn đất sống. Ai đã làm gì thủ đô của tất cả chúng ta? Giận mà thương đau chỉ là một khúc dân ca thấm thía hay của riêng vùng Nghệ Tĩnh, thực ra đó là một triết lý sống trung hậu nhưng khoan hòa của người Việt nói chung. Nhưng mà...

Tìm mãi mới mua được ở chợ hoa giả của Thanh Đa mấy bông hồng cổ. Người bán nói bông giả này nhập từ Trung Quốc chớ Việt Nam đâu làm nổi thứ bông đẹp như vậy. Trời ơi, dù tự ái dân tộc có nổi lên đùng đùng thì cũng phải thừa nhận riêng thứ hồng giả này giống thật y như thật. Cắm lên bàn thờ, ai đến cũng trầm trồ tìm ở đâu ra mà bông đẹp vậy, chỉ giúp coi. Thật tình không thích hoa nhựa nhưng vì quá nhớ hồng cổ mà đành đưa bông giả lên bàn thờ và vẫn nhớ để một cái bình không bên kia cho hoa tươi ngày rằm và mồng một. Quả nhiên, những cành hồng cổ luôn khiến mình ngược lên, quá giống và quá đẹp, nó đúng là Hà Nội xưa, Hà Nội từ xa mỗi khi nhớ về. Cũng như khi ta ngắm quả đất từ khoảng cách vô vọng thì ta chỉ thấy quả đất thật xanh, thật tròn và thật là đáng nhớ, thế thôi.

Khi mới vừa nghe Hà Nội dựng phố hoa quanh Hồ Gươm, chúng tôi đã nói với nhau: “Không hợp thời một chút nào”. Vì sao? Vì sau trận lụt lịch sử, Hà Nội không còn hoa để chơi và người Hà Nội cũng không còn tâm thế vui của tết nhất. Lại nữa, khủng hoảng toàn cầu, nền kinh tế nhỏ bé của chúng ta như con thuyền nan trước sóng cả, mấy ai hồ hởi mà vui hoa? Lòng dân nổi sóng, sao người ta không nhận thấy điều đó để trấn an thiên hạ bằng nhiều cách khác? Và một Hà Nội rộng nhất thế giới, nhiều nông dân nhất thế giới đã làm cho Hà Nội đi quá xa với lịch sử văn hiến của nó rồi. Bạn có tin không nếu có người cho rằng nhiều cư dân mới còn chưa biết đi xe đạp và còn chưa thạo tiếng Việt phổ thông? Không nhiều thứ để tự hào nữa rồi. Chúng ta vẫn yêu Hà Nội tình yêu tự nhiên, nhưng mà...

Khi đã phải cầu viện tới những bông hồng giả cổ “made in China”, đủ biết chúng tôi đã khổ tâm như thế nào. Sự thật này quá phũ phàng nhưng nó đúng là vậy, bạn giận hay thương, hay giận mà vẫn thương một Hà Nội ngổn ngang bởi bởi?

Nửa điểm nhan sắc

Đây là một cuộc thi tuyển dành cho năng khiếu, em biết chứ. Em biết rõ mọi quy định như biết rõ khát vọng của mình. Em thôi khóc đã lâu rồi, không biết nữa, có lẽ từ khi em biết vịn những câu thơ của chính mình mà đứng dậy. Nhưng để cho người đời cảm động cùng với trái tim run rẩy thơ phú của em thì còn phải đợi ở thời gian. Em không có lợi thế nào cả ngoài giới tính và tâm hồn, em biết, hai thứ ấy nếu được đặt trong một ngoại hình từ bình thường trở lên thì người đời mới nhận thấy dễ dàng. Thối thường là vậy.

Em đến chỗ ghi danh bằng chiếc xe đạp nhỏ xíu như xe của chú khỉ rạp xiếc. Ngày xưa, theo lời mẹ kể, em chưa kịp lớn thì đã bị teo tóp nửa người sau một đợt sốt

bại liệt. Ba và mẹ nuôi em trong nước mắt. Nhưng em là chị cả, em không thể chịu dốt, em không thể thành hình ảnh què quặt triền miên trong mắt mọi người và em cũng không thể thành địa chỉ thương hại cho các em mình. Vậy nên em đã vắn vẹo đến trường, vắn vẹo bếp núc phụ giúp mẹ, và rồi em đã lớn dần lên trong nhọc nhằn cay đắng không sao kể xiết. Em được người lành thân phục, được người tàn tật hơn mình ao ước cuộc sống của em và thường xuyên bị những người vô tình nói những lời độc miệng. Em giống một cái cây được gieo trong chậu, bệnh tật và tai ương cũng chuyển thường tình với muôn loài trong trời đất, âu là... Em đã lấy chí mình nuôi mình, một thứ bon-sai nhỏ xíu, khắc khổ. Nếu không có những câu thơ tự bón, chắc em đã chết rũ từ lâu trong cái chậu mồ côi của mình. Từ ngày má lên bàn thờ với ngoại, ba hay đàn đúm với những ông bạn già mặc cho em với chiếc xe đạp của khỉ và cái bếp còn phải tính từng viên than tổ ong.

Em tự biết mình bất lợi khi xuất hiện ở chỗ hội đồng trong tình cảnh ấy. Nghèo đã là bất hạnh, nghèo mà tật nguyên, dĩ nhiên sẽ càng bất hạnh hơn, nhưng cả hai thứ trên cộng với một trái tim biết thốn thức thơ ca nữa thì cảm chắc nỗi bất hạnh sẽ không sao lường hết được.

Người đời cứ bảo thơ là cứu cánh nhưng họ thử sống một ngày của em đi đã. Nhưng nếu không có thơ ca và sách vở thì đời đúng là sa mạc với em. Em biết tóc mình sém, mặt mình cần, người mình lép và đi đứng thì chật vật quá chừng. Đứng giữa những thí sinh chân dài miệng hoa da phấn, em chỉ muốn quay ra bỏ chạy. Khốn nỗi em là đứa con gái bước đi đã khó nói gì đến chạy. Và cái gã ý chí từng nuôi sống em biết thừa em muốn bỏ cuộc nên đã kẹp chặt lấy quyết không cho em lui bước. Em thành tâm điểm của hội đồng không phải nhờ chân dài miệng hoa da phấn mà vì em khác thường một cách toàn diện, từ vóc hình tới quyết tâm và cả những câu thơ họ buộc em phải viết bằng tay ngay lúc đó để họ kiểm nghiệm thơ và người là một, hay là...

Tự dung em không thấy tổn thương như mình hình dung khi biết mình thiếu chỉ có nửa điểm ở phần thi năng khiếu. Chỉ một giọt bất hạnh nữa thôi mà. Cái chậu bon-sai này luôn thiếu nước đấy! Em thấy lại rõ ràng tất cả những hình ảnh may mắn của đám người lành lặn hôm đó. Cuộc đời đã dúi em xuống nhiều lần nhưng em có chìm đâu dù lần nào em cũng sặc sụa đau. Em chỉ ước một tấm bằng sáng chói để cái gã ý chí trong em toại nguyện, thế thôi. Nhưng đâu phải ai cũng sẽ tuyệt vọng

ngoài bậc thêm đại học. Em thần nhiên trở lại với nghề gia sư, trên chiếc xe đạp của khi. Chùng như cũng từ dạo đó em ít nhìn lên nên có nhiều cơ hội để nhìn xuống hơn. Em hay thấy một phụ nữ mất cả hai chân ngày ngày miết người xuống để dùng tay đưa chiếc xe lăn đua với dòng xe máy cuộn cuộn trên đường, như chị đang thử sức với cuộc thi nào đó trong khát vọng của mình. Ở một ngã tư, một người đàn ông đi xe máy với một bàn tay giả đã nheo mắt cười với em và chiếc xe đạp khi, nụ cười như một cơn mưa tràn trề an ủi. Em thấy và em thấy, dù sao mình cũng còn đủ cả tứ chi và những câu thơ âm thầm, không cần thi thố với ai cả.

Lần đầu em đến thăm tôi với một món quà mà có nghe chính em kể thì tôi mới dám tin, đó là những gói mứt mặn có nhãn hiệu in lụa hằn hoi. Em kể em đang phải làm thêm bằng nghề kẹo mứt thủ công để kiếm tiền học tiếng Anh ban đêm, giờ muốn gia sư ai cũng đòi có bằng tiếng Anh thì người ta mới chọn. Tôi hình dung một cái bếp lò, bên cạnh là một người phụ nữ tí hon chỉ có một chân rưỡi và một tay rưỡi gò lưng đảo đường sên mứt hết mẻ này đến mẻ khác trong mùi than độc hại. Thế là em đã dán thân vào một cuộc marathon tiền bạc để lại đi thi mà không biết ở đó người ta sẽ căn điểm nhan sắc vào hay sẽ

cộng cho em điểm tậ nguyên để chấp cánh cho một thân phận. Không biết nữa, bởi với em mọi chuyện đang còn ở phía trước tùy vào lòng trắc ẩn của nhiều người trong cái thời chính họ cũng thấy nó ngày mỗi hiểm hoi và xa xỉ.

Những cây ổi trong vườn

Cây ổi ấy cao như một ông lão, đứng ngay ở góc hè, chị nhớ không? Em nhớ trái non nó màu xanh, khi già thì vàng ra mà ruột lại có màu hồng ngọt lịm. Một cây ổi nữa ở gần lối đi giữa vườn, gốc to da láng, trái nó xanh từ khi non đến khi già, ruột trắng mà hột lại cứng ăn lơ mơ mẻ răng liền. Còn mấy cây ổi xá lị giữa liếp quýt nữa, thứ này phải bao trái bằng lá chuối khô, chùng mở lá ra, da ổi trắng ruột khiến mình chỉ muốn cầm chứ không nỡ ăn, chị nhớ không?

Nỗi nhớ như một cuống nhau rối rít, thời gian càng xa thì sợi dây rón ẩy càng dài ra. Nhớ những mơng liếp khi chị em mình có mặt trên đồi thì nó đã thanh bình như vậy. Không cùng cha mẹ nhưng chúng ta có chung một

cội và ổi là thứ cây cho nhiều kỷ niệm nhất, đúng không? Chị nhớ cây ổi trái nhỏ ruột hồng, nơi mùa mưa xuống thì gốc nó nhấm đầu chân heo và dậy lên cái mùi chỉ có thể định nghĩa là mùi của thôn quê hoang sơ nghèo khó. Chị nhớ những nùi giẻ lau trên chạc cây thấp, những tấm thớt mù u cũ không nở bỏ và những cái mê rổ má chị dành để phơi phóng thứ gì đó khi cần. Chị nhớ cây ổi giữa vườn da giòn hột cứng, nơi má em hay giắt những nùi lá chuối khô như bọ kiến đen đến làm ổ để hỏa thiêu chúng. Chị nhớ gương mặt đăm chiêu của cô khi cô dí lửa vào lú kiến đang trốn chạy thực mạng giữa các gờ rế như nói: mọi sinh vật là bình đẳng, con người sở dĩ ác với loài này mà phải bảo bọc loài kia cũng là vì cái tính tư lợi của con người thôi. Chị nhớ những trái ổi xá lị bao lá chuối, thỉnh thoảng chị em mình còn hé lá ra để nhìn xem cái gì diễn ra trong đó. Không có gì bí ẩn ngoài chuyện trái ổi lớn nhanh từng ngày từ màu da xanh chuyển dần sang trắng muốt. Không có gì quan trọng nhưng trò bao ổi của ông nội đã nuôi dưỡng trí tưởng tượng trong chị em mình, nó kích thích những giấc mơ và nó cho con người sự háo hức đợi chờ. Nhớ hết, nhớ tiếng chim trao trao trên cây ổi ruột hồng mỗi sáng, nhớ những cái ổ kiến vàng trên những cành ổi lá to giữa vườn và nhớ mỗi trưa nằm

nhồi dưới gốc cây ổi xá lị nhìn lên mong một phép màu. Có những nỗi nhớ phải hít thật sâu để nén lại nhưng cũng có những chi tiết gặp người thân là chúng trào lên như mạch giềng.

Tuổi thơ của em và chị chỉ có chung những ngày hè ngắn ngủi. Em cũng mồ côi sớm như chị nhưng em còn phải ra thành ở với nhà nội vì em là cháu quý cháu hiếm của người ta. Em như trái ổi xá lị được bao bọc để lớn lên trắng da dài tóc. Ban đầu các chị cứ tưởng cái lý là như vậy. Nhưng không chỉ có vậy. Má của em là cô Út của các chị, má của em phải bảm vườn nhà hy sinh cuộc đời để chăm chút cho các chị, bầy con quý hiếm của dòng họ và cũng cảnh mồ côi cha quá sớm như em. Má của em thuộc mẫu người “tình riêng bỏ chợ tình người đa đoan”. Những ngày hè vui trước buồn sau, cũng chỉ vì em là trái ổi xá lị trắng thơm không nở. Em không phải làm lụng gì, em được ăn những trái ổi các chị hái sẵn, được dành cho đoạn ngon nhất trong cây mía, được tắm nước nóng và luôn được mang guốc bắt kể ngày đêm. Rồi các chị cũng thấy như vậy là thiên vị và có những thời khắc trong ngày em đã bị xa lánh, đổ ky. Nhưng những ngày hè nhiều mưa nhiều giông gió cũng qua mau, chưa chi em đã phải gạt nước mắt xuống đồ để trở lại thị xã. Nhiều lần em

nói em đâu có muốn làm ổi xá lị, em muốn được dầu dãi nắng mưa như những trái ổi sau hè, muốn được nghe tiếng của má mình, em thèm được như các chị có nội có má mà có cô và có cả một vương vườn để bay nhảy. Các chị nghe nhưng không hiểu, các chị vẫn thấy em trắng da dài tóc, em thơm tho em điệu đà. Sum họp thì vui, ở lâu lại sinh chuyện và khi em vừa đi khuất thì đã lại tiếc và mong cho mau đến hè.

Thời gian thấm thoát, thời gian sàng lọc sắp xếp. Em cũng đã đi qua thời chiến tranh như các chị, em cũng phải già và bây giờ mấy chị em mình thỉnh thoảng mới được ngồi lại với nhau giữa thành phố chỉ có những trái ổi bày bán trên sạp, trên vỉa hè hay trên yên xe đạp. Vườn đã cổ và những người mà mấy chị em ta cùng yêu cũng đã ra người thiên cổ. Em chỉ có những cây ổi để nhớ nhiều nhưng các chị thì có cả thời góa bụa đặng đặng của má em để nhắc với em. Chị nhớ mùi trâu của cô mình, tức má của em, mùi trâu ám vào cô từ lúc cô chưa đầy ba mươi tuổi do gồng gánh, lo toan, đơn độc, mùi trâu vững như mùi đất nhưng nó luôn dậy lên những nỗi niềm. Em đâu có biết ban đêm má em trần trọc như thế nào vì không chồng cũng không con bên cạnh, bà hay thức thật khuya để vá quần áo cho các chị và để độc thoại với tiếng gió và

tiếng thở của lục bình, vậy mà ngả lưng chưa nóng chỗ thì bà đã choàng dậy đánh đuốc lá dừa đi sang với các bà hàng xóm cũng chán đêm như mình. Tuổi trẻ của má em không có đêm sâu và tuổi thơ của em không có mẹ đúng nghĩa. Chính vì vậy mà ngày hè nào em cũng được đón tiếp tung bùng, em được ăn những trái ổi hái sẵn, những đoạn mía ngon nhất và những khúc cá ít xương nhất. Nhưng những thứ đó đâu thể đền bù cho sự thiếu vắng một người mẹ trong khi các chị có má mình và cả mẹ của em nữa.

Có thứ nước mắt làm hao gầy con người, cũng có những giọt nước mắt như thể tắm bổ tâm hồn. Khi chị em mình khóc vì nhớ tuổi thơ và những cây ổi, chị em mình cũng cùng nhận ra, rằng chúng ta là những cây ổi may mắn. Chúng ta đã côi cút vượt qua tất cả và không quên nhau là nhờ được đùm bọc bằng sự hy sinh của những người thâm lặng hầu như gia tộc nào cũng có. Một dạng bi thương, cũng là một vẻ đẹp không nhiều những dân tộc trên trái đất này có được điều đó.

Những chú lính ở sân ga

Lâu lắm rồi mới thấy lại những hình ảnh này. Tất cả là những chàng trai, rất đông những chàng trai. Họ đi theo hàng theo khối để từ từ tiến vào sân ga. Tầm tắp nhau ở tuổi tác và vóc hình. Đồng phục hải quân nhưng nhìn mặt mũi biết đích thị đây là lính mới tuyển, không sai vào đâu được. Giống hệt nhau ở nước da ruộm đồng, ở vẻ ngơ ngẩn với ga lớn thủ đô và ở cái cách xúng xính quân phục còn mới cứng.

Em ở đâu đi nghĩa vụ đó em ơi? Nghe giọng nói biết là dân đồng mật Thái Bình. Còn em? Dân Nam Định có cả biển và ruộng, em ở vùng trồng lúa sao? Và em nữa? Em Hải Dương và em có biết người ta đùa Hải Dương là dân “cua đồng” không đấy? Nhìn các em đứng đã thấy

ái ngại, khi các em ngồi trên nền phòng chờ càng thấy chạnh lòng hơn. Các em đã lớn lên bằng gì mà em nào cũng nhỏ bé so với cha anh ngày trước? Gạo không thiếu, người dân đã không còn phải đi cắt rơm rạ về đun nấu như xưa, hay đồng đã hết cá tôm, hay vì sữa ở Việt Nam đắt nhất thế giới nên trẻ con thôn quê không được lớn lên cùng với sữa? Không hẳn, thời ông bà mình làm nên Điện Biên còn phải dùng sắn độn gạo, thời miền Bắc làm hậu phương lớn cho miền Nam đánh giặc, cha và anh mình đâu đã biết sữa là cái chi chi, vậy mà ai cũng khoẻ mạnh, sức vóc. Chắc chắn các em đã không được thở bầu không khí trong lành đúng nghĩa để lớn lên dù thôn quê vẫn bát ngát rộng dài.

Em đăng lính hải quân theo nguyện vọng hay là...? Một nụ cười hiền. Em bơi giỏi không? Lại thêm một nụ cười hiền. Ra đó em phải tập luyện chuyên cần để to cao lên và bơi cho thật giỏi đấy nhá? Cười nữa. Em nào cũng hay cười và không biết nói sao về nơi mình sẽ đến. Đâu cần các em nói gì cũng đã có thể hình dung những cậu trẻ không lạ gì sông nước. Chắc chắn các em đã từng ngụp lặn, lao cầu, đuổi bắt, vượt sông, những chàng trai không thể mù bơi dù trong chương trình trồng người của Bộ Giáo dục chưa bao giờ có chỗ cho môn bơi. Nhưng nơi

các em sẽ dâng hiến tuổi thanh xuân của mình là biển mà biển thì không giống như con sông, dòng kênh hay lạch nước, ao đầm. Biển khôn cùng, biển cuồn cuộn, biển mịt mù, biển vô tình mà kẻ thù thì lại mạnh hơn, tham lam hơn và sẵn sàng uy hiếp. Thôi, không hình dung tiếp nữa, rồi các em sẽ phải tự đấu tranh để sinh tồn, các em sẽ phải tự đứng vững và các em sẽ nghĩ về biển với tình yêu như một người lính thực thụ với tổ quốc và nhân dân mình.

Mỗi chú lính ngồi đây chắc chắn phải có một người mẹ trong lòng. Và những người mẹ không có mặt ở sân ga tối nay chắc chắn cũng đang dõi theo bước con bằng linh cảm. Nhớ những hàng quân đi nhấp nhô trên cánh đồng năm nao. Nhớ đoàn xuồng chuyển quân đi hàng một rào rào trên sông lớn vào những buổi chiều đỏ bầm như tía máu. Nhớ những đoàn xe áp người trên mặt đường mịt mù bụi đỏ thời đánh vật với lũ diệt chủng nước Bân. Bất chợt hoặc không bất chợt thấy nhiều chàng trai bước trong đội hình người lính dù họ đang trong buổi duyệt binh hay trên đường ra trận, bao giờ cũng là sự cảm thán thốn thức nổi lòng: ở đâu ra mà nhiều con người thanh xuân hăm hở như vậy, đang đứng ngóng ở đâu những bà mẹ của những công dân khổ nhọc này? Những lúc ấy mới thấy rằng vì sao nhà nào cũng cần có con trai, bà mẹ nào

cũng dẫu yêu đứa con ấy và quốc gia nào cũng kỳ vọng ở họ. Không có những bà mẹ thì đã không có những đứa con, và không có những đứa con trai thì đã không có sự an lành của đất nước.

Các em phải lên tàu rồi ư? Các em có biết ngày trước sân ga Hàng Cỏ này là chứng nhân của bao cuộc tiễn đưa không? Từ ngàn xưa đến giờ, để khóc người của con dân nước này hy sinh cho hoà bình độc lập, nếu nước mắt có thể đông được thì nó cũng không ít hơn nước sông Hồng, chắc vậy. Nhưng các em đã ra đảo liền đâu, các em còn phải thao trường khốc liệt không biết bao lâu để gánh lên vai sứ mệnh mà cha anh mình ngày trước không phải gánh nặng như bây giờ. Đất nước hình cái đòn gánh của chúng ta đang nhìn ra biển.

Không ai tiễn các em cả. Bởi vì các em chưa phải đi vào chiến tranh. Nhưng mà vẫn thấy ngậm ngùi, chao ơi, các chàng trai của chúng ta sao mà nhỏ thó dù chắc chắn những bà mẹ của các em đã dành hết cho các em những gì tốt đẹp nhất trên đời.

Thôi thì cúc trắng

Nhân loại vừa mất thêm một con người lỗi lạc của mình, Michael Jackson. Tiếc thương sứt sùi khắp cả địa cầu. Trong những thứ biểu trưng cho bình đẳng tự nhiên và bền vững, nước mắt là thứ nhân loại có được mà không cần chính kiến, màu da, tôn giáo, giàu nghèo... Nhân loại chia năm xẻ bảy vì chính trị và tôn giáo nhưng thỉnh thoảng nhân loại cũng được sống trong những ngày không có rào cản. Tiếc thay, khi đó lại là những lúc mất mát và đau thương. Dù sao, khi chúng ta khóc với người bên cạnh về Elvis Presley, về Diana hay về Michael Jackson thì chúng ta cũng đã nhích lên được một tí tí về phía đồng thuận, nhân văn, công bằng.

Tài hoa thì vẫn số. Thượng đế cao mình thường không cho những thiên sứ ấy được sống lâu với con người. Chiếc áo thường nhật bao giờ cũng hẹp khổ so với kích cỡ của những con người đặc biệt. Và Thượng đế đã nhìn thấy hết những hành xử thường ngày của chung quanh đối với những con người đó. Ngợi ca đi cùng với xét nét. Yêu quý rồi hoài nghi, mấy hồi. Ai dám chắc những người da diết tưởng nhớ Diana đã không có lúc soi mói sao nàng ta không tốt hơn, sao nàng ta không chung tình, sao nàng ta yêu một người Trung đông Hồi giáo? Cũng không có gì khó hiểu, nhân loại bận bịu và khổ đau, nhân loại dễ mua vui bằng chuyện người khác và rồi cũng nhân loại đó bỗng vội vàng bừng tỉnh khi biết những gì mất đi sẽ không bao giờ có lại. Sau mỗi lần như vậy nhân loại như ngộ ra được tí chút, bởi nếu không có những con người tận hiến ấy thì nhân loại còn khốn cùng hơn.

Tôi nhìn sâu hơn vào nước Mỹ những ngày này. Hệ thống truyền thông ráo riết làm nhiệm vụ của mình nhưng không hứa hẹn nhiều hé lộ ánh sáng về những năm tháng đen tối và đơn độc của Jacko. Công luận đã ở đâu vào lúc 70 nhân viên an ninh xối tung đời sống riêng tư ông hoàng ở Neverland? Vì sao khi ấy những người quản lý, những người chăm sóc, những người bạn thân của Jacko

đã không được lên tiếng để bảo vệ anh? Công lý rạch ròi đến mức phải khoan hết kết sắt của người vắng mặt để tìm chứng cứ về tội danh “lạm dụng tình dục trẻ em” ư? Họ tìm gì ở những chỗ đó, những trang nhật ký, hay những giấy tờ “hợp đồng quan hệ”, hay những lá thư yêu thương hay những “dụng cụ” vô luân? Không biết nữa, lúc ấy hàng triệu người hâm mộ anh đã làm gì, cứng đờ vì sốc, hay im lặng nghi ngờ, hay ngoa ngoắt quay lưng?

Bỗng nghĩ nhiều hơn về một nhạc sĩ cô đơn của đất nước nhỏ bé của mình. Anh là người con lỗi lạc của dân tộc Việt, chắc chắn như vậy. Anh đã tận hiến cho nhân dân nước mình, như Michael Jackson tận hiến cho thế giới. Thượng đế cho Anh tuổi thọ trung bình nhưng lại cho Anh một tuổi thơ côi cút và gánh vác, Thượng đế cho anh một xác phàm nhưng không cho Anh một đời sống riêng tư bình thường. Và anh đã đi hết cuộc đời này như người luôn phải đi giữa hai làn đạn. Như những câu ca Anh viết về bạn mà không thể không cho chính mình *Anh nằm xuống sau một lần đã đến đây. Đã vui chơi trong cuộc đời này. Đã bay cao trong vòm trời đầy. Rồi nằm xuống, không bạn bè không có ai. Không có ai từng ngày, không có ai đời đời... Anh nằm xuống cho hận thù vào lãng quên. Tiễn đưa nhau trong một ngày buồn. Đất ôm anh đưa về cội*

nguồn. Rồi từ đó trong trời rộng đã vắng anh... Anh đã sáng chói từ những ngày ôm đàn *Hát cho đồng bào tôi nghe*, anh đã thanh thản ở lại với sản khoai hậu chiến nước mình, và anh vẫn đau đáu với vui buồn của nhân dân. Anh nào được tưởng thưởng gì, chỉ có tình yêu của người đời thất thường khi ấm khi lạnh như vốn dĩ con người là như vậy. Vậy rồi Anh làm cho thiên hạ bàng hoàng về sự ra đi của mình, người ta bỗng dưng nhớ tiếc tất cả từ Anh. Và rồi khi nỗi đau của mọi người vừa lắng xuống thì có những kẻ đã tìm cách xói Anh lên để tìm một vết xước. Người tự tin lập tức nghi ngờ có tin, người tò mò được một phen tò mò còn người chung chiêng thì sáng nắng chiều mưa. Thời gian sẽ công bằng nhưng thời gian bao giờ cũng chậm chạp hơn những kẻ hiểu sự tầm thường.

Dẫu ai có nói gì thì Michael Jackson cũng đã đến và đi trên đôi cánh của thiên thần. Dẫu ai có viết gì khác đi về người nhạc sĩ tài danh của nước Việt thì sự thành kính của số đông dành cho Anh vẫn ngày mỗi đông lên. *Bạn bè còn đó anh biết không anh? Người tình còn đây anh nhớ không anh? Vườn cỏ còn xanh, mặt trời còn lên...* “Nếu soi bằng kính lúp thì ngọc cũng không toàn bích kia mà. Thôi thì đã có cúc trắng làm tin. Tại sao không là sen hay là hồng mà là cúc? Có lẽ vì cúc phiến muộn, cúc minh bạch, cúc

yếu mềm mà cúc lại bao dung, tròn đầy. Không dung mà những nơi tưởng niệm Jacko rất nhiều hoa cúc. Riêng tôi, mỗi lần hướng lòng về sự kiện Michael Jackson thì lại không thể không liên tưởng đến người nhạc sĩ cô độc của xứ sở mình. Liệu sẽ có một con đường hay một quảng trường vinh danh Anh để người ta được đến đó Nối vòng tay lớn? Và liệu có cần thiết không những chuyện đó?

Một đóa cúc cho Jacko và một đóa cúc cho Anh nhân những ngày này. Liệu có ít không? Chùng như những người như vậy chỉ cần được người đời hiểu mình, như Michael Jackson đã khẩn cầu: *"Tôi mong khi tôi chết đi rồi, mọi người sẽ hiểu đúng về tôi"*.

Chuyện một con mèo

Nó vốn là mèo cảnh của bà hàng xén ở góc phố. Tối nào bà cũng để nó ngủ trong một cái hộp các-tông sau khi đã kéo kín các cửa như đóng lại một cái chuồng. Ban ngày mèo ta được tự do thoả thích mà không cần một sợi dây nào. Không có chuyện mèo đực đi rông, không cần lo chuyện xe cộ như mắc cửi dưới đường, không cần lo đám dân câu trộm để đưa mèo sang Trung Quốc. Một con mèo ngoan ngoãn, tự giác triệt để.

Đó là một con mèo lông vàng thông thường, dễ ưa, trọng lượng ngày mỗi thêm bệ vệ. Mỗi khi chúng tôi đi bộ thể dục ngang qua chỗ cây xoan góc nhà bà hàng xén, nó thường là đề tài để so sánh với con Mi nam của nhà tôi. Tôi tin mình sẽ không bao giờ có được một con mèo

xuất sắc như con Mi nam đã chết. Nó bắt chuột mỗi ngày, nó rất thích đem chiến công về khoe với chủ, nó hào hoa với những à mèo quanh khu dân cư nhưng nó đã chết vì giá công hôm chúng tôi về quê một tuần. Thật không thể nào hiểu nổi. Có lẽ hôm ấy nó mê rình chuột quá và Hà Nội thì rét quá. Và nó chết vì tài, quá tài, nó là một tài năng vắn số.

Bỗng dưng chúng tôi vớ được con mèo vàng của bà hàng xén. Họa may, một chỗ trống của con Mi nam sẽ được trám đầy ít nhất cũng bằng cái sự to xác của con Tăng đá này (tôi đặt tên nó như vậy). Hôm ấy bà chủ sụt sịt không dám nhìn vào chiếc bao bố của gã thu mua, nhưng cô con gái thì liên tục bắt bình vì “đến kêu cho chuột sợ mà nó còn không thèm kêu nữa là”. Chúng tôi đã giải cứu cho nó và cho cả hai mẹ con nhà họ khỏi cảnh giằng co khẩu chiến. Đã thấy gốc xoan nhà bà hàng xén một con mèo con thay thế với sợi xích dài, đây là cái lò sản xuất mèo ngoan.

Con Tăng đá hoảng sợ một cách bất thường với từng mét đường xa lạ. Cô con gái nhà họ đã phải giúp chúng tôi áp nó đi. Nhà chúng tôi có sẵn một cái hốc ghế đá ở sân vườn, chỗ ngày xưa để trữ than tổ ong thời đói kém. “Mèo bám nhà chó bám chủ”, tạm thời chúng tôi để

phòng nó bằng một sợi xích tương xứng. Ngày thứ nhất nó không lộ mặt ra khỏi hốc ghế, không kêu không gào. Ngày thứ hai nó vẫn nằm yên trong bóng tối nhưng đã thấy đĩa thức ăn vơi. Ngày thứ ba thứ tư ăn uống tiểu tiện bình thường nhưng cũng không hề lộ mặt ra làm thân với chủ mới. Chúng tôi tháo nút buộc để xích không làm căng nó nhưng nó vẫn không ra khỏi chỗ, thập thập thò thò. Tôi hay luồn ngón tay vào chỗ vòng xích dưới cổ để lôi nó ra với mình, nhưng nó luôn trì lại bằng tất cả sức ì chết tiệt. Nó nhát người ư, không hiểu sao nhà cũ của nó sát mặt đường mà nó có vẻ nhát người. Nó quá già rồi ư, vậy là chúng tôi đã khuân về một “lão” mèo bị thịt. Lại tự an ủi, nó chưa quen nhà, bởi nó không còn trẻ nên sự thích nghi chậm chạp, thể thôi.

Hành tung của nó gây cho chúng tôi hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Khi đã được tháo hết xích xiềng, con Tăng đá vẫn nằm an nhàn trong hốc ghế, tận hưởng cuộc sống bao cấp trong bóng tối; không cần sưởi nắng, không cần nghiêng ngó trời đất gì cả. Một lần chúng tôi phát hiện thấy nó đang nằm gói đầu ra của hốc thì phải thụt vội vào khi có một con chuột chạy qua. Trời đất quỷ thần ơi! Thật không còn hiểu nổi con Tăng đá này. Chồng tôi phải đi bẫy chuột sống đem về đặt nguyên cái bẫy

trước cửa hốc để xem phản ứng của nó ra sao. Mèo chêu chuột do được nuôi đủ, có thể; nhưng mèo mà sợ chuột thì lý giải sao đây về bản năng, thú vui, sứ mệnh, lẽ sinh tồn...vân vân và vân vân, thiết nghĩ, đó có thể là đề tài cho một luận văn cao học được đấy.

Dù sao tôi cũng phải dọn chuồng mỗi tuần để cho con Tăng đá đỡ phải rụng lông. Tôi thường kéo nó ra nắng và giấu bộ mặt khó hiểu của nó. Chừng như càng nằm ì thì trán nó càng ngắn hơn, hai cơ thịt gò má vun đầy viên mãn và hai con mắt híp lại không biết bên trong nó là những ý nghĩ gì hay hoàn toàn không thiết nghĩ gì nữa cả. Nó đã “về hưu” từ sớm và tận hưởng sự bao cấp cho đến hết đời. Khi chúng tôi nhận ra điều đó thì nó thật sự là tảng đá trong cuộc sống của chúng tôi và nó cứ khiến chúng tôi phải luận bàn miết về những lẽ khác có khi không liên quan gì đến sự tồn tại của nó.

Đứa con tự lớn

Không phải lần đầu bà mẹ nghe thấy đứa con gái nói nó tự lớn lên. Hồi nó khoảng 10 tuổi, bà đã nghe nó nói loáng thoáng với bạn bè như vậy. Lũ bạn nó đồng thanh: thì tụi tao cũng tự lớn mà! Lúc ấy bà chỉ thấy tức cười, ai cũng vậy thôi, bà cũng đâu có thấy được hồi nhỏ bà bú mớm chồi đập la khóc ra sao, má của bà ăm bông thức khuya dậy sớm thế nào. Cũng có lần bà nổi trận lôi đình: “Phải rồi, bây từ lỗ nẻ chui lên, tự ăn tự lớn, cha mẹ cực nhọc gì đâu!”

Rồi đứa con tự lớn ấy lấy chồng. Bà nhìn thấy hết cảnh nó thai nghén, sinh nở và nuôi con dù không phải lúc nào bà cũng ở kề bên. Bà nhìn thấy tình cảnh của con bằng cả trái tim mình. Bà đã ở trên đầu giường con khi nó vượt

cạn và bà thức trọn một tháng để đỡ dần cho con lúc đêm hôm. Đứa cháu ngoại thời thiếu sữa thiếu thuốc cứ khiến bà phải tắt tả từ dưới quê ngồi xe đò lên thị xã mỗi khi trái gió trở trời. Bà thấy lại rõ hơn hình ảnh của mình ngày xưa và không khỏi so sánh. Bà sanh con trong một cái chòi ở góc vườn vì thời đó dâu hay con gái gì cũng không được sanh trong buồng nhà. Một bà mụ lang đỡ đẻ cho bà trên manh chiếu trải trên một tấm vạt cau. Ba ngày đầu bà được mẹ và cô em chồng giúp đỡ, ngày thứ tư bà đã phải tự giặt giũ trong tấm mo chai và ngày thứ bảy thì được dời vô buồng nhà để gần bếp núc. Chồng của bà nề mẹ nên chỉ dám đứng xa xa hỏi han, không dám động tay vô bất cứ chuyện gì để giúp bà. Rồi đứa con cũng lớn lên bằng sữa mẹ và cơm mớm. Muốn ngả lưng sau một buổi dài làm lụng, bà phải nôi con với cổ chân mình bằng một sợi dây chuối vì những cái ao quanh nhà khiến bà không yên giấc. Hết sợ bệnh tật và ao đầm thì đến nỗi sợ tay chân khi con trèo cây nghịch ngợm và sợ cả tiếng sấm sét khi con đi học gặp mưa.

Vậy mà con nó cứ nghĩ nó tự lớn như bao đứa trẻ bần bè. Sau này, mỗi khi nghe thấy, bà chỉ tủm tỉm cười, rồi sẽ có ngày cháu ngoại của bà cũng nghĩ y như vậy về những năm tháng ấu thơ. Không phải con người là cái giống bội

bạc, nhưng khi người ta trẻ, người ta phải nghĩ vậy để chứng tỏ mình đã lớn nhanh và đã thực sự trưởng thành. Và thời điểm khó nhọc hiện tại bao giờ cũng đáng để kêu ca hơn những gì đã ở phía sau lưng, nhất là khi con người chưa biết nhận thức thế nào là nghèo khổ và thiếu thốn. Rồi cũng chính con người ấy sẽ đâm ra, sẽ hiểu tận tường mọi thứ sau khi đi hết bể dâu kiếp người. Và lúc ấy, đứa con với hai thứ tóc trên đầu sẽ nghĩ lại, sẽ hình dung được tất cả, sẽ biết mừng tượng thêm lên và sẽ đồngng hành với mẹ những nỗi niềm đàn bà sâu kín.

Bây giờ mỗi khi cháu ngoại của bà khoe rằng nó tự lớn nó ráo khô chứ đâu có mè nheo ướt rượt như đứa em kia, bà chỉ móm mém cười. Bà thấy lại hết, tất cả cái thời nó khóc dạ đề khiến mẹ nó mất ăn mất ngủ ra sao, thấy nó quặt queo và ghẻ chóc như một con mèo hen, thấy mẹ nó chân không bén đất vì sau tám giờ công sở là cơm nước, heo cúi, giặt giũ bằng tay và trăm thứ việc không có tiện nghi hỗ trợ. Thôi thì, nước mắt chảy xuôi, muôn đời là vậy. Rồi nó sẽ lấy chồng và sinh con, có thể nó sẽ siêu âm mỗi tháng một lần, nó được ăn những thứ theo sách vở dành cho thai phụ, nó sẽ sinh định ngày ở một căn phòng được người ta com bung nước rót và có hẳn hai người giúp việc ngày đêm. Và rồi chắc chắn cháu cố của

bà cũng sẽ nói nó tự lớn vì nó là con người, nó có trí khôn và văn minh, nó không hình dung được mẹ nó, tức cháu ngoại của bà cũng phải ngồi đây không biết bao nhiêu lần trong đêm khi nó khát sữa hay đau ốm. Và những đập bầm kiếm sống cho con có tiền ăn học cùng những nỗi lo muôn đời của những bà mẹ khi con mình chưa cứng cáp, chưa miễn dịch với hoàn cảnh.

Bà thấy bình tâm và thanh thản dù không khỏi âu lo. Dù sao thời của bà đưa con cũng tự lớn dễ dàng, thời con gái bà cũng nhiều tình người hơn. Và cháu cố của bà, chúng sẽ ra sao trong thời đại hỗn mang này? Bà thể tất hết cho con và cho cháu, đời cua cua máy đời cáy cáy đào, nhưng trước khi thành những con cua tự lớn, chúng đã mong manh dễ vỡ biết bao, nếu không có sự bảo bọc của cua mẹ và một phần của phúc đức cùng với sự bao dung của đất trời.

Trời không sinh con vất

Đám em không còn nhỏ nữa nhưng chị vẫn thích đưa đi chợ huyện. Hương vị chuyến đi bắt đầu từ đây. Bắt đầu từ khi những cụm lục bình hiện ra bên mương lộ, từ những xè bánh cam áo đường vàng rộm trên đầu những bé gái ở bến xe và từ chiếc tam bản đồ ngang cũ mềm sồn vá. Mỗi năm về lại một lần vào đúng tháng ngâu, năm nào cũng lịch trình này nhưng tình cảm nhiều gấp ghềnh hơn vì người thì già đi và nước cứ lé đé thêm lên bởi biến đổi khí hậu toàn cầu.

Chị đi trước tay tém ống quần, những ngón chân khắng khiu trong thứ dép nhựa tái chế cứng quèo. Thị trấn đường cùng, sông Hậu thương tình cắt một nhánh nhỏ chảy qua để lại đây vẻ chậm chạp cuối dòng lưu cữu.

Hoa Đà Lạt về tới chợ huyện đã thành hoa dạt, quả ngon không đào đâu ra vì dân không có sức mua nhưng bông súng và cá rô đồng thì bảo đảm chính hiệu. Chị lựa mỗi hàng một ít cá to nhất để đem về ruộng thết đãi đám em thành phố. Kêu sao chờ củi về rừng, chị lắc đầu: nhà không người vườn không cây, ai cũng đổ ra chợ kiếm sống qua ngày, tiêu điều hết cỡ rồi. Không dám cản chị cái món cá rô đồng vì sợ chị bối rối, thực ra dân Sài Gòn toàn ăn cá U Minh, có thiếu thứ gì mà chị lo thèm, lo thiếu!

Còn phải đồng hành nửa buổi với nước nôi lùm thum nữa mới về tới xã nhà. Nhưng đã hết lặn vẩn đâu. Còn phải chia nhau mỗi người một cỗ xe ôm bạt mạng với liên miên cầu cống mới đặt chân lên được vườn hương hỏa. May sao ông anh họ và chiếc vỏ lãi của anh không bận. Chiếc vỏ mới sơn xanh lè, chiếc máy đuôi tôm mới cứng nhưng tâm trạng người được đi nhờ lại nhiều bất an. Vẫn những nếp nhà lá sơ sài, vẫn những khu vườn cây tạp cầm chừng, vẫn những khóm hoa mua tím buồn như nỗi niềm của những bà góa bám trụ với đất và những ngôi trường xập xệ của vùng đất mang tiếng là dân trí trũng. Khi chiếc vỏ máy đi cặp vịnh nhà, chị háo hức chỉ cho đám em những bờ bến na ná nhau và những cái tên xa xăm trong ký ức. Sao chị không biết gì về biến đổi khí

hậu mà chỉ ngỡ ngác rằng hồi Tết nước mặn lặn dư và mùa này thì nước chum hơn năm rồi. Kêu ca xong chị lập tức bỏ lưng đó để trở lại với những cái bến và những câu chuyện không đầu của người ta mà chị thuộc lòng như chuyện của nhà mình.

Bến nhà quá nhiều lục bình viêng thăm, trông buồn không thể tả. Đà này chừng vài chục năm nữa thì nước liếm hết đất đai, phù sa sẽ không lắng được, lấy gì nuôi hạt lúa trên cánh đồng sau kia? Có nói ý nghĩ đó ra thì chị cũng không tin làm sao có ngày xứ này chỉ còn nước là nước? Ngày xưa nơi đây là đất rục rở văn hóa Ốc Eo, rồi biến động thành đất trầm thủy và dân mình mới Việt hóa nó thành như bây giờ. Lịch sử của một quốc gia thật ra chẳng dày dặn gì lắm so với lịch sử biến thiên của địa cầu. Nhưng chị một mực không tin sẽ có ngày cả vựa lúa miền Tây sẽ biến mất, sẽ không có cá rô đồng và bông súng nữa vì con người sẽ không đồng để cấy không có vườn để tá túc và những đứa trẻ được sinh ra sẽ phải thiện nghệ sông nước như những con cá biển. Thôi, không “tuyên truyền” nữa, vì chị đang được sống lại không khí làm chị để dưới trướng là một đám em biết nghe lời và thụ hưởng sự chăm lo.

Lần nào cuối chương trình với vườn hương hỏa cũng có mục hái rau má. Ai cũng kêu rau má ở thành phố là rau

“đều”, rau hàng hóa sống bằng phân u rê còn rau đồng Bình Quới thì mắc hơn cả rau sạch Metro. Lần này tiết mục rau má đã bị gạt ra thẳng thùng vì lủ vất. Sao, đất này mà có vất u, vườn hương hỏa nhà mình đầy vất u? Tin ấy mới là đòn chí mạng với đám em mỗi năm chỉ có thể tụ họp được một lần để về với mồ mả ông bà. Lạ thật mà cũng kinh hoàng thật. Không ai lạ gì lủ vất Phụng Hiệp thời đi cứ, hồi ấy con người phải ăn với muối và ngủ thì luôn có lủ vất rón rén vào thăm hỏi hàng đêm. Nhưng hòa bình đã bao năm, xe máy đã về tận thềm nhà mà lủ vất lại di cư đến đây và ngang nhiên sinh sôi dọa nạt sao? Thật ra lủ vất đâu có tội tình gì, chỉ sự hoang vu là có tội.

Chỉ đến khi đám em tự phát hiện ra lủ vất thì chị mới tíc tác giọt vắn giọt dài bảo chắc gì đợi đến nước mặn tràn trề thì đất này mới biến mất. Xóm ấp không nam thanh nữ tú, không hát không đàn, một cái đám hỏi đám cưới kiếm không đủ người bung mâm, ai đây ai dọa mà chỉ thấy muối mòng vất đĩa nhiều lên, rồi sẽ ra sao hờ trời? Dĩ nhiên vất cũng tại trời sinh nhưng thật bất công khi mọi lẽ đều đẩy cho trời, chị triết lý đơn sơ vậy rồi cúi xuống lấy ống quần chùi nước mắt.

Đường đời tấp nập

Đường phố mỗi ngày một náo loạn mà thời gian thì không làm cho mình trẻ ra và nhanh nhẹn hơn được. Mỗi khi ra đường đều mang theo tâm trạng đề phòng đến mức lẫn thẩn: rủi mình tụt huyết áp dọc đường thì sao; rủi mưa ngập bánh xe không lui không tiến được thì sao; rủi mũ bảo hiểm tuồng xịn mà vẫn là hàng dỏm thì sao. Vân vân và vân vân. Bạn bè rủ rê, nhận lời xong liền thấy ngại đường xá nên hay tìm cách khất lại; có việc phải đi hai người thì cứ muốn kéo chồng nhảy xe buýt cho an toàn. Hình như chỉ có nước mình và một vài nước nữa mới cả quyết rằng xe máy là cứu cánh của nền kinh tế. Sao người Tàu họ không cần xe máy mà kinh tế họ vẫn cất cánh được, hay là họ giàu lên một phần nhờ sản xuất nhiều loại

xe kém cỏi để bán cho dân Việt vốn xem xe máy là tài sản, là đẳng cấp?

Đang chuẩn bị rẽ sang con đường ở tay trái nhưng hốt hải thế nào, chiếc xe năm mươi phân khối bồng ngả ngang một cách thảm hại. Giữa đường, ngay trên vạch vôi phân cách. Mất tập trung một tí là nếm mùi ngay. Người người phóng ào qua như dòng nước lũ hung tợn. Những cái nhìn ác ý, những câu đay nghiến hả hê và những tiếng kèn chói tai như quát. Túi xách máng trên ghi đông văng ra, túi áo mưa trên giỏ xe văng ra, yên xe bật lên tung tóe chiếc giẻ lau dành cho những khi mưa gió. Xấu hổ, long cọng, run rẩy và cả cảm giận sự vô cảm của người đi đường. Ai rồi cũng sẽ có lúc rủi ro hay lóng ngóng như vậy. Bỗng nghe thấy một mùi thơm sát bên và một giọng nói trai trẻ vô cùng lễ phép: “Để cháu dừng xe giúp còn cô lượm kỹ các thứ cho vô giỏ đi. Không sao đâu, ổn rồi, đi tiếp đi cô!” Nhận lại chiếc xe đã được nổ máy giúp, thế là lập cập qua đường, không kịp nhìn lấy lần nào người ơn ấy. Vậy mà nhớ, nhớ mãi mùi thơm và giọng nói, tất cả là một mùi thơm của lòng tốt, của văn minh, của hiêm.

Lại nhớ một trận mưa đá vào ngày 20 tháng 11 năm đó ở Hà Nội. Mưa đổ xuống rầm rập trong lúc còn đang chọn một bó hoa thật ưng ý cho thầy Phạm Vĩnh Cư, vị

thầy nổi tiếng cầu toàn thẩm mỹ. Mấy cô hàng hoa kéo khách vào sát phía trong, ai cũng tuyệt vọng vì trận mưa quý quái đã tàn phá không khí Ngày nhà giáo của thủ đô. Quả nhiên, có bảo bọc cách nào thì hoa vẫn dập, người vẫn ướt và nước đã chiếm lĩnh hết đường sá, không hy vọng gì cục cựa bằng xe máy được nữa. Đành dắt xe đi để các cô hàng hoa còn than khóc cho vốn liếng của họ nhưng đi đâu bây giờ? Ô tô nằm xếp hàng la liệt trên đường Láng, vỉa hè dậy tiếng xe máy rống như thể lũ heo bị chọc tiết. Cuối cùng chiếc xe năm mươi phân khối nghèo khó cũng phải nằm đường ở một nơi không có ai thân thích để gửi tạm cả. Đang dở mếu dở cười thì một trong ba chú thanh niên đang ngồi xổm trong một căn phố trống nói với ra: “Cô ơi, chiếc Chaly cục cu này bắt mất rồi, để bọn cháu trông giúp qua đêm cho, mai cô ra lấy?”. Được lời như cởi tấm lòng, còn được ba chú nhỏ kéo xe lên thêm nhà giúp nữa. Chiếc xe bèo không là đẳng cấp như những chiếc tay ga thì cũng là tài sản và phương tiện chứ. Hình như đọc được vẻ phân vân của mình, một cậu có tuổi nhất bảo: “Cô đưa giấy viết ra cháu sẽ viết một tờ cam đoan là có giữ hộ cô chiếc xe máy mang biển số này này, được chưa?”. Quá được chứ còn gì nữa. Người ơn lấy chứng minh thư ra trao để làm tin nhưng chữ viết

trên tờ biên nhận cho thấy trình độ học vấn chắc cỡ lớp 2 mà thôi. Lòng băn khoăn mãi, không có cách nào để tin tưởng những người này một cách tự nhiên, đơn giản hơn sao? Đi bộ trong nước ngập về đến nhà đã khó, chân êm nệm ấm mà giấc ngủ còn khó hơn. Nhớ mãi những chú em nông dân thợ sơn ưa ngồi xõm ấy, họ có tên trong chứng minh thư đây nhưng chắc gì mình sẽ nhớ được và sẽ có ngày gặp lại? Nhưng mà nhớ, nhớ mãi hương vị của một buổi tối tối bởi và nhớ mãi sự vô tư của những người xa lạ vào lúc con người hoang mang, ít kỳ vọng nhất.

Lại nhớ một người không kịp biết tên đã bế mình chạy đi tìm bệnh viện khi bỗng dưng căn bệnh tụt huyết áp giở chứng khiến phải té xỉu ở một thị trấn xa xôi. Nhớ một bữa ăn sông nước trên một chiếc ghe chèo mía đi nhờ trong những ngày hăm hở rong dãi để được trải nghiệm. Và mới năm ngoái đây thôi, ở sân bay của thành phố San Francisco, một viên cảnh sát Mỹ đã cầm lên từ hành lý mình mấy tuýp kem mỹ phẩm rồi hỏi hỏi lớn: “Xin lỗi, ở đây có ai biết tiếng Việt không?”. Trong lúc mình tuyệt vọng giữa không khí kiểm soát an ninh căng thẳng, giữa một biển người xa lạ như mình đang bơi giữa đại dương thì một cô gái nhỏ nhắn như một nàng tiên xuất hiện. Cô chạy tới hỗn hển: “Cô ơi, sắp đây giải thích là dù hàng còn

tem siêu thị nhưng nó sẽ bị tịch thu vì nó quá to so với trọng lượng qui định. Họ cẩn thận với hóa chất khủng bố ấy mà”. Lần này thì đã có thời gian để ngắm một cô gái đang phải tha hương kiếm sống ở sân bay xứ người. Nhớ, nghĩ bụng là sẽ nhớ mãi giây phút này, nhớ sự lịch thiệp của viên cảnh sát tận tụy chuyên nghiệp, và dĩ nhiên, là nhớ một cô gái bé nhỏ ân cần không lợi lộc gì trong việc giúp đỡ này cả.

Ai cũng còn le lói một chút lòng tốt trong người nhưng không phải lúc nào nó cũng được thêm dầu để sáng lên. Và dù không phải lúc nào ta cũng được nhìn thấy ngọn lửa ấy khi hoạn nạn, nhưng nếu ta bình tâm tin thì sớm muộn gì cũng có một bàn tay ở đâu đó chìa ra đúng vào lúc ta cam go nhất, chắc chắn là như vậy.

Gạo đường xa

Mẹ vừa đặt điện thoại xuống, con gái hỏi ngay “Khách nữa hả mẹ?” Tiếng nữa nghe như có ngạc nhiên, âu lo và cả dỗi hờn. “Nhà không có ai lui tới là thứ nhà mặt vụn, nghe con!”. Mẹ nói hoài câu đó, để dả thông, để nhắc nhở mà cũng là để cảnh báo. Rồi hai mẹ con lại lục tòi bếp núc những món tủ, món này phối với món kia, gỏi thì phải có bánh phồng tôm, cá nuôi thì không được nấu cháo, đã bánh hỏi thì thôi bánh xèo. Nói chung là phải động não, trí tuệ và đầu tiên, phải có tấm lòng.

Con gái chưa thấy mẹ thông dong tiền bạc bao giờ. Lúc nào cũng câu cửa miệng: phải gói ghém phải cân cơ! Hỏi cô còn đi học bằng thứ mực bình với ngòi viết lá tre, hỏi còn phải ăn bo bo thay cơm, mẹ đã luôn phải chạy vạy

vì khách. Nhà gần bến xe, bà con hay ở nhờ một ngày để sớm hôm sau xếp hàng mua vé đi tiếp. Cô thấy mẹ đón đác phóng xe đạp ra chợ, trong túi thủ một bộ đồ cũ để đưa ra chợ trời biến thành thực phẩm. Nhưng quần áo cũng đâu có dư mà bán hoài, mẹ nuôi heo, nợ trước trả sau, chuyện gì mẹ cũng san sẻ cho con nghe để con còn chăm ngoan, đừng có phụng phịu với khách. Khi mọi người thoát dần ra thời khốn khổ ấy, mẹ cũng thoát ra theo cách của mẹ. Mẹ hỏi nợ mua một chiếc tủ lạnh Liên Xô, làm đá cục, làm sữa chua cho con đi bỏ mối. Mấy mẹ con bắt đầu nhẹ nhàng, khách đến mẹ vững hơn và con cũng tươi hơn. Mẹ nói “Có đức không sức mà ăn”, con chưa thấy đức đâu, chỉ thấy nhà mình quanh năm thiếu thốn, quanh năm mẹ vất chân lên cổ vì khách. Khách bà con, khách đồng nghiệp, khách thiên lý, khách chiến trường Campuchia và sau này, cả những vị khách ba lô tìm về Việt Nam vì chuyện riêng hay thuần túy chỉ vì muốn yêu mến đất nước này qua một gia đình và một cái bếp. Mẹ hay trấn an con: Mẹ đang gánh gạo đường xa cho con, biết đâu sau này con cơ nhỡ, biết đâu sau này con của con cần những hạt gạo mẹ đã rắc đường dài này.

Mẹ kể khách khứa thời của ngoại còn nhiều lo toan hơn thời của mẹ nữa. Ấp nào xóm nào cũng có Hội Mẹ

chiến sĩ để chăm sóc người đi kháng chiến. Đang đêm nghe tiếng xuống khua dưới bên, vậy là ngoại với mẹ phải choàng dậy com nước trong khi những người lính còn phải lo hầm hố ở hậu vườn, trong đêm. Mỗi vườn nhà chứa một tiểu đội lính, nhìn họ chỉ có com suông ngoại không chịu nổi. Con gà con vịt con cá lá rau, dồn cho lính hết. Có bận vừa bộ đội vừa một cơ quan nào đó cùng bám trong vườn, mỗi ngày nấu mấy nồi com đại, cực mà vui: Con cái mình ở xa, thế nào cũng được các mẹ các chị chăm lo như vậy! Mẹ kể, để có hạt gạo cho lính, những người đàn bà đã phải thức trắng đêm với ngày mùa, bởi ban ngày còn phải tránh né máy bay. Những đêm hè thu ế ẩm, hai ống chân đàn bà nổi rôm không co lại được vì phải ngâm đêm này chí đêm khác trong thứ nước trừ sâu và diệt cỏ. Mỗi khi mẹ rên rỉ thì ngoại dịu lời: “Má đang gánh gạo đường xa cho anh chị của con, chúng nó cũng sẽ được người khác cho ăn cho mặc như mẹ lo cho con của người ta bây giờ!”

Ngoại đã ra người thiên cổ, mẹ đã lục tuần mà vẫn không ngơi triết lý *gánh gạo đường xa*. Có đúng người Việt mình hiếu khách hay thuần túy thích tụ tập, vui vẻ và để trở tài với thứ văn hóa ẩm thực cầu kỳ, phức tạp? Con cũng không còn trẻ nữa, không biết tự bao giờ, con

cũng say mê bếp núc và thích ngắm thực khách trong nhà mình khi họ mang đến cá tính, văn hóa và cả sự ồn ào. Cuộc sống chừng như bớt cứng nhắc và ô trọc đi nhờ nhịp điệu của những lần có khách. Như một ngôi nhà có cánh cửa làm bằng tình thương. Con cũng lo toan y như mẹ sao cho các món vừa sạch vừa thơm mà lại vừa duyên dáng trên chiếc bàn giản dị của nhà mình. Con bỗng thấy tự tin hơn khi ra đường, con đã nhận được rất nhiều phúc đức từ mẹ, và trên mẹ, là từ ngoại, như một thứ nước nguồn róc rách, trong lành, xuôi chảy.

Con trai của con đã rời ngôi nhà của bố mẹ để bắt đầu ném trái miếng cơm ly nước phố phường. Nó kể, nó hay nhận được nhiều tiền boa khi đi làm thêm, một lần nó bị cảm nặng và bà chủ nhà trọ đã nấu cho một nồi cháo cá nhớ đời. Nó nói nó rất tự tin với sức khỏe và sự học, bởi vì đã có bà cố ở trên cao, có sự kỳ vọng của ngoại và có cả những hạt gạo mà con, đứa con gái hay chày chống của mẹ cuối cùng đã giồng hết mẹ, đã biết rắc gạo đường xa cho con cháu của mình.

Hình ảnh duy nhất

Khói bụi mịt mù. Đại quân chia làm nhiều cánh về qua nhiều cửa khẩu. Nơi tôi hòa cùng với họ đi từ Phnôm Pênh rồi xuống Ta Keo để vào cửa Tịnh Biên – Châu Đốc. Không gì bằng tất cả đã cùng về trong niềm vui hoàn tất một đại cục. Mười năm thực sự một cuộc chiến bắt đầu từ sau thảm kịch Ba Chúc và dù có tổn thất thế nào thì mùa khô năm 1989 ấy cũng là năm khai hoàn của một sứ mệnh chấm dứt nỗi đe dọa từ bọn diệt chủng.

Vô tận xe và người. Đất đai nước họ ít biển ít sông, bụi cát vàng vàng lông lên sặc sụa. Tôi không biết mình đang ngồi ở gần đầu đoàn hay giữa hay áp cuối. Chưa bao giờ được nhìn thấy nhiều quân nhân như vậy. Không ước tính nổi. Rạng rỡ, tưng bừng nhưng lấm láp, phong

sương. Mười năm kể từ tháng Giêng năm 1979, với những vị lính già đây là cuộc chiến thứ Ba; với những sĩ quan trung niên thì đây là lần thứ Hai trực diện; với những người nghĩa vụ quân sự sau năm Bảy Lăm thì đích thị là một chặng dài, một đời lính, ít đâu. Quá nhiều nỗi niềm sau chừng ấy năm, điều mà có nói gì thì vẫn là viễn chinh, xa nước.

Không có gì đẹp bằng một đại quân trong trạng thái đồng nhất lướt đi. Không phải kỷ luật mà chính là lý tưởng đã gắn kết họ. Đẹp, lúc ấy họ đẹp một cách sinh động và rạng ngời, thỏa mãn. Một đám đông biểu tình hay một đám đông fan của rock không mang vẻ đẹp đó. Không có sợi dây liên kết của quân ngũ trong một sứ mệnh nằm lòng sẽ không có vẻ đẹp mà tôi ghi nhận được trong cái ngày đại quân mình rời khỏi đất nước Cam-puchia. Và tôi thấy lại một hình ảnh vẫn hay bất chợt độc chiếm tôi trong những hoàn cảnh tương tự. Không phải hình ảnh một vị tướng nghiêm trang, không phải hình ảnh một anh binh nhì tươi sáng, cũng không phải hình ảnh điển hình tựu trung cho những ai giữa hai biểu tượng cao nhất và thấp nhất ấy.

Những quân nhân, những chàng trai, những người con trong số phận người lính ấy cho tôi hình ảnh những

bà mẹ. Nhìn họ lướt đi, mùi trai trắng chiến trận, mùi sự sống căng tràn, mùi của khắc khoải nhớ nhung những gì thân thuộc từng làm nên họ... tất cả sánh đặc không ở nơi đâu cho tôi những thu nhận tuyệt vời đó. Và trên họ, trên cả đất và nước là những bà mẹ đã sinh ra những con người tắm tấp sức vóc ấy. Không có những ông bố thì đã không có những đứa con trai, đương nhiên. Nhưng sao hình ảnh người mẹ lại sáng vụt lên như thể chiếm lĩnh? Không lý giải được nhưng tôi chắc, rất nhiều người cũng nghĩ như tôi khi đập vào mắt mình một đoàn người chiến trận. Ai cho họ chín tháng mười ngày, ai cho họ những giọt sữa, ai tiễn họ đi bằng nụ cười cao cả và ai khóc thầm cho họ trong đêm? Ai khiến họ ngoái nhìn khi ra khỏi rìa làng, ai khiến họ thèm nhớ quê nhà và ai khiến họ cố gắng để được rành danh và ai đang chờ họ mỗi ngày?

Tôi nhớ những đoàn xuống bộ đội hành quân trên sông nước vào thời tôi còn thiếu nữ. Tôi say mê hình ảnh bí tráng ấy nhưng tôi chưa có tâm trạng một bà mẹ để nghĩ về họ như tôi có được sau này. Tôi suy từ mình ra và tôi cứ thấy ghen thở nếu như con trai mình được gọi đi, phải ra trận và biết đâu... Vì vậy mà những bà mẹ trong tôi luôn phi thường, lung linh và không gì sánh nổi.

Ai còn Mẹ xin đừng làm Mẹ khóc

Trên đời này, ai cũng được sinh ra bởi một bà mẹ. Có thể chúng ta rất không bình đẳng với nhau bởi tiền bạc, địa vị, học vấn, thậm chí cả màu da nhưng may sao, mọi người đều có một chút bình đẳng này: có một bà mẹ. Không phải ngẫu nhiên mà nhân loại đều bắt đầu bằng từ M để chỉ người mẹ. Một tiếng gọi đại thể giống nhau ấy nói lên điều gì? Không cần lý giải, ai cũng biết âm M ấy là tiếng gọi đầu lòng dễ dàng, tin cậy, trù mến và gần gũi nhất, chính vì vậy mà nó thiêng liêng nhất.

Sau video clip về một bà cụ bị đũa con trai già tát tai phát lần thứ hai trên nhà đài, tôi lia sang kênh khác. Bàng hoàng đến mức muốn nhìn thấy một hình ảnh gì đó

tương phản một chút cho đỡ sốc. Đất nước bao giờ buồn thế này chẳng? Sau sự kiện cô bảo mẫu Biên Hoà hành hạ trẻ em thì video clip về cảnh một bà mẹ bị ngược đãi khiến chúng ta không thể không tự hỏi: tình trạng đạo đức của xã hội ta đang được báo động ở cấp mấy đây? Tình cờ, trong khi lang thang tìm những hình ảnh khá dễ an ủi, tôi được nhìn thấy cảnh một con voi xiếc trở dạ trên kênh Discovery. Voi chưa thì khỏi phải nói cái bụng bầu của nó căng kèn như thế nào. Trong cơn thúc đẻ, voi vẫn đứng với một chân bị xích và liên tục xoay trở cùng với kêu rên đau đớn, vậy rồi một cái bọc lớn tướng từ từ rơi ra, tiếp theo là xối xả máu. Ngay tắp lự, mẹ voi rà cái vòi lằng xằng của mình xuống chú voi con đang ngo nguậy trong bọc trong khi máu sản vẫn còn tuôn. Tình mẫu tử hiện ra sống động và đầy đủ, nó không khác với bất kỳ hình ảnh mẹ con nào, nó cùng một ngôn ngữ với muôn loài rằng cuộc sinh thành nào cũng diệu kỳ và người mẹ nào cũng vô cùng vĩ đại.

Tôi khóc.

Rất hay quan sát cảnh sinh đẻ và nuôi con của muông thú, tôi cũng hay liên tưởng đến thời sơ sinh của một con người. Không có giống loài nào yếu ớt như con người. Việc đó nói lên điều gì? Nó nói rằng để một con người

được lớn lên một cách bình thường thì người mẹ phải mất bao nhiêu máu thịt, công phu và nỗi niềm? Không tính xuể. Cũng chính vì vậy mà người mẹ kỳ vọng ở con mình nhiều nhất: sự thành đạt, hạnh phúc của con và chữ hiếu. Tại sao tôi lại thấy người mẹ hay xếp chữ hiếu ở đứa con sau cùng chứ không ở vị trí số một? Đơn giản vì nước mắt chảy xuôi, bà mẹ nào cũng nằm lòng phương ngôn ấy và thật là giống nhau, bà mẹ nào cũng chỉ mong con có ăn có mặc có của có tiền và có hạnh phúc. Mọi thứ ấy phải có cho con được khác mình, chúng phải khác mình, chúng phải được đổi đời và thế là đời mình cũng sẽ đổi theo, may ra như vậy.

Ai cũng được sinh ra bởi một bà mẹ, vì vậy mà rồi ai cũng sẽ có một bà mẹ già trong tâm tưởng của mình. Chắc chắn là như vậy. Cũng như chúng ta rồi sẽ già và chúng ta sẽ là một “vấn đề” trong chữ hiếu của con mình. Ở các đôi vợ chồng tan vỡ, có một căn nguyên sâu xa hoặc nổi hoặc chìm mà họ thường không trưng ra với tòa án được. Đó là sự âm ỉ của những lần cãi vã mà hai bên đã lỡ xúc phạm cha mẹ của nhau. Biết bao người phụ nữ trẻ đã không nhận ra rằng, một người đàn ông tốt phải là người có hiếu một cách triệt để với cha mẹ của mình mặc dù chữ hiếu bây giờ có vẻ khác xưa. Nghĩa là người ta

không cần từ quan để về vườn trông coi cha mẹ già, người ta cũng không thể sống cuộc sống tứ đại đồng đường và có khi người ta chỉ có thể thăm nom cha mẹ của mình bằng điện thoại hay e-mail. Nhưng mà mẹ là tất cả, có thể chạm vào mọi thứ của nhau nhưng mẹ và cha của nhau thì đừng có mà liêu thân xúc phạm! Một người phụ nữ có hiếu, dễ thấy, một nàng dâu có hiếu, dễ tìm, nhưng một người đàn ông có hiếu thì họ lại rất kín đáo. Chính vì vậy mà ai người tin vào hạnh phúc thì phải biết ghi nhận và vun đắp tình cảm này. Vợ thì bất kỳ nhưng mẹ chỉ một mà thôi.

Rồi chúng ta sẽ tiễn mẹ mình một lần trong đời. Không có lần thứ hai. Đó là lần duy nhất mẹ ta ra đi không trở lại. Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa. Ai rồi cũng sẽ cay đắng ngậm ngùi như tôi khi chiều xuống khi đêm về hay khi nửa đêm giật mình không còn má để được bầu cơm hay bầu chuyện nữa. Không gì bù đắp nỗi khoảng trống này. Vì vậy mà không ít những đứa con có thể cắn răng gập mình xuống khóc điếng khóc lặng khi bị mẹ già la mắng nhưng vẫn không dám hỗn lại lời nào. Bởi vì sẽ không bao lâu nữa ta muốn được mẹ la mắng cũng không thể nữa rồi.

Mục Lục

Đêm Sài Gòn nghe dừa rụng	5
Độc diễn	11
Trường Sa, giọt dầu và biển cả	17
Nhớ mạ	27
Ngâu và Mẹ	31
Khoảng trống kỳ nhân	37
Nước chum	41
Ở chỗ kẹt xe	45
Một lần mơ ước	49
Không có hương sen	55
Có lẽ nào	59
Bên rìa nghĩa địa	65
Chỗ tin yêu	71
Một người cha thì như thế nào?	77
Nói với con trai	87

Tuổi thơ của mỗi người	93
Bài học cộng sinh	99
Câu chuyện hòa bình	105
Tóc chết	111
Có một nỗi niềm	117
Mùi của Má	123
Trán của bạn tôi	129
Cỏ và người	135
Con cóc ở hốc nhà	139
Gánh đàn bà	143
Niềm chung	149
Giận thì vẫn giận	155
Nửa điểm nhan sắc	161
Những cây ổi trong vườn	167
Những chú lính ở sân ga	173
Thôi thì cúc trắng	177
Chuyện một con mèo	183
Đứa con tự lớn	187
Trời không sinh con vắt	191
Đường đời tấp nập	195
Gạo đường xa	201
Hình ảnh duy nhất	205
Ai còn Mẹ xin đừng làm Mẹ khóc.	209

TAY VẦN

ĐA NGÀN

Gánh đàn bà

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
270 - Nguyễn Đình Chiểu - Q.3 - TP. Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm xuất bản
Mai Thời Chính

Biên tập: Hoàng Văn - Hoàng Nguyên Vũ

Sửa bản in: BBT Phương Nam

Bìa: Đặng Thiên Thư

Trình bày: Phạm Quỳnh Châu

Ảnh: Thạch Thảo

Kỹ thuật vi tính: Ánh Vững - Văn Hoàng



ĐƠN VỊ LIÊN DOANH
CÔNG TY TNHH SÁCH PHƯƠNG NAM

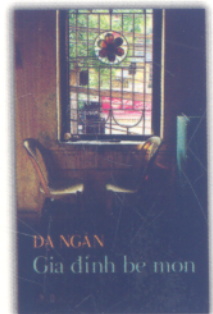
Khổ 13 x 19cm, Số ĐKKHXB: 390-2009/CXB/277-18/TN.

Quyết định xuất bản số 425/CN/TN ngày 24.12.2009.

In 1.000 cuốn, tại Công ty TNHH Một thành viên In Lê Quang Lộc.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 03 năm 2010.

**Đã xuất bản tại
Phương Nam Book:**





Khi em mười tám đôi mươi, em có tất cả ưu thế để người khác giới phải nâng niu. Người yêu của em hết lời khen tóc em đẹp, da em mát, mắt em sáng, môi em hồng... Nhờ anh ấy mà em biết mình duy nhất đẹp, duy nhất đáng yêu, duy nhất được tôn thờ.

... Và rồi những bài học về nghĩa vụ loáng thoáng nghe từ khi chưa hôn nhân lũ lượt hiện ra không giáo trình không giờ giấc chi cả. Nó khá êm ái khi em còn son rồi và bỗng thúc bách dần lên khi em làm mẹ.

Dĩ nhiên tóc em bắt đầu thưa, da em bắt đầu tối, mắt em bắt đầu sạm và người em bắt đầu có mùi vị mang cái tên "nổi trần ai đàn bà"...

ĐƠN VỊ LIÊN DOANH:



Công ty TNHH Sách Phương Nam
940 Đường Ba Tháng Hai, P.15, Q.11, TP.HCM
ĐT: (08)3866 3447-3866 3448; Fax: (84.8)3866 3449

Ganh đơn ba



Giá: 38.000Đ